

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG
TẠI VIỆT NAM

Hà Nội - 2024

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
I. Viết tắt tiếng Việt	
CĐDC	Cộng đồng dân cư
CSVCKT	Cơ sở vật chất kỹ thuật
CĐDP	Cộng đồng địa phương
DTTS	Dân tộc thiểu số
DLCD	Du lịch cộng đồng
DLĐVCĐ	Du lịch dựa vào cộng đồng
KT-XH	Kinh tế xã hội
OCOP	Mỗi xã một sản phẩm
PTDLCD	Phát triển du lịch cộng đồng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNDLTN	Tài nguyên du lịch tự nhiên
TNTN	Tài nguyên thiên nhiên
TNVH	Tài nguyên văn hóa
XDNTM	Xây dựng nông thôn mới
UBND	Ủy ban nhân dân
VHTTDL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
II. Viết tắt tiếng Anh	
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á
CBT	Du lịch cộng đồng
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
UNWTO	Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hiệp quốc
UNESCO	Tổ chức Văn hóa Khoa học và Giáo dục Liên hiệp quốc
WTTC	Hội đồng Du lịch Thế giới

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM.....	1
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	2
MỤC LỤC.....	3
PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	5
1.1. Sự cấp thiết xây dựng đề án	5
1.2. Căn cứ xây dựng đề án	7
1.3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án	9
1.4. Mục tiêu của đề án	9
1.5. Thời gian thực hiện	10
PHẦN 2: THỰC TRẠNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM	11
1. Tổng quan về du lịch cộng đồng	11
1.1. Tổng quan	11
1.2. Kinh nghiệm và những bài học rút ra	14
1.3. Một số lưu ý trong phát triển du lịch cộng đồng	20
2. Thực trạng du lịch cộng đồng tại Việt Nam.....	21
2.1. Thực trạng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.....	21
2.2. Thực trạng phát triển thị trường, sản phẩm du lịch cộng đồng tại Việt Nam	24
2.3. Thực trạng khai thác giá trị văn hóa, tự nhiên trong phát triển du lịch cộng đồng.....	26
2.4. Thực trạng công tác quản lý phát triển du lịch cộng đồng	29
2.5. Thực trạng đầu tư, hỗ trợ tài chính phát triển du lịch cộng đồng	32
2.6. Thực trạng nguồn nhân lực phát triển du lịch cộng đồng.....	35
2.7. Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng gắn với phát triển kinh tế vùng nông thôn.....	36
2.8. Thực trạng du lịch cộng đồng gắn với bảo vệ môi trường	39
PHẦN 3. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM	41
1. Quan điểm phát triển.....	41
2. Yêu cầu	41

3. Giải pháp thực hiện.....	42
3.1. Giải pháp áp dụng chính sách lồng ghép đầu tư, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng.....	42
3.2. Giải pháp về hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	44
3.3. Giải pháp về thị trường, xúc tiến quảng bá, liên kết phát triển sản phẩm.....	47
3.4. Giải pháp về quy hoạch, khuyến khích đầu tư.....	48
3.5. Giải pháp về bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa.....	51
3.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	52
3.7. Giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường.....	55
4. Kinh phí thực hiện.....	56
5. Tổ chức thực hiện.....	57
5.1. Các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.....	57
5.2. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương.....	54
5.3. Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....	60
CÁC BẢNG BIỂU VÀ PHỤ LỤC.....	62

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Sự cấp thiết xây dựng đề án

Du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những nước có lợi thế phát triển du lịch như Việt Nam. Giai đoạn 2015-2019, khách du lịch quốc tế của Việt Nam tăng bình quân 22,5% năm, và 10,5% đối với khách nội địa. Năm 2019, Việt Nam đón trên 18 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ du lịch đạt 755.000 tỷ đồng, đóng góp khoảng 9,2% vào GDP¹. Sau đại dịch COVID-19 đã làm thay đổi xu hướng đi du lịch trên thế giới, khách thường chọn những khu vực có tiềm năng đặc sắc về thiên nhiên và văn hóa, trải nghiệm du lịch tới những bản làng xa xôi, nơi có đồng đồng bào dân tộc sinh sống, gắn với cảnh quan hoang sơ, những phong tục tập quán lâu đời được lưu truyền, chưa mai một trong cuộc sống hiện đại. Chính vì thế, nhu cầu hướng nội, hướng tới những chương trình du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng đã và đang được nhiều du khách ưa chuộng.

Thực tế những năm qua Việt Nam vẫn chưa khai thác hết tài nguyên cho phát triển du lịch, chúng ta vẫn đang tập trung khai thác thế mạnh tài nguyên du lịch biển đảo và du lịch xoay quanh các đô thị du lịch lớn thông qua việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như Sun Group, Vingroup, FLC, Mường Thanh... bên cạnh những dòng sản phẩm dịch vụ trên còn có các dòng sản phẩm khác như du lịch đại chúng, du lịch khai thác dựa vào cộng đồng, dựa vào các giá trị văn hóa bản sắc của cộng đồng, du lịch vì người nghèo, du lịch bản địa, du lịch có trách nhiệm, đặc biệt là tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, kém phát triển nhưng lại có dư địa lớn để khai thác loại hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái và DLCĐ, các vùng nông thôn này mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống, tạo ra nhiều nét kiến trúc khác biệt, đặc sắc riêng, rất có tiềm năng, lợi thế để khai thác phát triển loại hình DLCĐ. Tuy nhiên, loại hình DLCĐ lại đang bị bỏ ngỏ, chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức, chưa bảo tồn bền vững các giá trị kiến trúc, văn hóa dân tộc truyền thống, phong tục tập quán lâu đời của nền văn minh lúa nước, vì vậy cho đến nay DLCĐ vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có, chưa phát huy được thế mạnh tài nguyên thiên nhiên đặc trưng của khu vực nông thôn để trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh, chủ đạo trong hệ thống sản phẩm du lịch Việt Nam.

Để DLCĐ phát triển bền vững, cần phải phát huy được yếu tố tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, cần phải xây dựng cơ chế, chính sách phát triển DLCĐ theo hướng bền vững, chú trọng tăng cường bảo tồn văn hóa. DLCĐ được biết đến như một công cụ giúp xóa đói giảm nghèo và chia sẻ lợi ích giữa các địa phương, các vùng miền nhờ quá trình tạo sinh kế hoặc chuyển đổi sinh kế của người dân từ hoạt động nông, lâm, thủ công nghiệp sang du lịch dịch vụ. Thông qua đó, góp phần làm giảm thiểu cho nhóm cộng đồng yếu thế và làm tăng tính bền vững trong việc sử dụng, khai thác các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa. Bên cạnh đó, DLCĐ cũng được xem là một trong những loại hình du lịch mang lại nhiều lợi ích cho người dân địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên

¹ Tổng sản phẩm trong nước

môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy những nét văn hóa bản địa. Phát triển DLCĐ còn góp phần tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo, tăng cường khả năng thu hút khách du lịch đến khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Dựa trên các nguyên tắc của phát triển bền vững, Tổ chức Du lịch Thế giới đưa ra khái niệm về du lịch bền vững tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992, theo đó “Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý, khai thác các nguồn tài nguyên tự nhiên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người”. Theo quan điểm phát triển nói trên, trước hết việc phát triển Du lịch bền vững trong đó có phát triển DLCĐ phải tập trung vào giải quyết một số vấn đề về: Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương; Đưa lại cho du khách những chuyến du lịch có chất lượng và có trách nhiệm; Đảm bảo duy trì chất lượng của môi trường (tự nhiên và văn hóa) vì lợi ích không chỉ của cộng đồng địa phương mà cả du khách. Như vậy, có thể thấy ở phạm vi toàn cầu, phần lớn các khái niệm về phát triển du lịch bền vững đều đề cập đến một trong những mục tiêu trọng tâm là đem lại lợi ích cho cộng đồng với vai trò là một chủ thể có đóng góp đặc biệt quan trọng đối với hoạt động du lịch.

Điều 19 của Luật Du lịch năm 2017² có đề cập đến DLCĐ nhưng chỉ phân công trách nhiệm chung cho các bên liên quan trong phát triển DLCĐ và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng chỉ đề cập đến định hướng phát triển DLCĐ chung mà chưa đưa ra được những cơ chế, chính sách riêng để hỗ trợ cho DLCĐ phát triển. Còn ở một số địa phương như Sơn La, Lào Cai, Hòa Bình, Hà Giang... tuy đã hỗ trợ phát triển DLCĐ nhưng vẫn còn chưa có hướng dẫn định mức, chính sách rõ ràng dẫn đến cách hiểu về DLCĐ, nhận thức, định hướng, công tác triển khai về DLCĐ còn chưa thống nhất nên còn theo phong trào, hiểu thế nào làm thế đó dẫn đến đầu tư chưa đồng bộ, chưa đưa DLCĐ trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh, chủ đạo trong hệ thống sản phẩm du lịch quốc gia.

Có thể thấy, DLCĐ dù đã phát triển từ khá lâu nhưng vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của chính quyền địa phương các cấp cũng như của cộng đồng, từ trung ương tới địa phương chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể, định hướng, chiến lược phát triển rõ ràng nằm trong quy hoạch phát triển du lịch. Hoạt động DLCĐ chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, gây nhiều hệ lụy, dẫn đến xung đột bền vững môi trường, sản phẩm DLCĐ chưa có nét đặc trưng, chưa có sức hấp dẫn đối với khách du lịch trong nước và quốc tế. Vì thế, cần đưa ra những cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển loại hình DLCĐ, góp phần tăng thu nhập cho người dân nông thôn. Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam là một nước nông nghiệp với hơn 70% dân số sống tại các vùng nông thôn, cùng với truyền thống văn hóa lịch sử gắn

² Luật Du lịch số 09/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017

liên với sản xuất nông nghiệp là chủ đạo, nên việc khai thác các giá trị du lịch gắn với nông nghiệp, nông dân và nông thôn sẽ giúp cải thiện đời sống người dân nông thôn, khôi phục, bảo tồn và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống địa phương, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch hiện có, đồng thời xây dựng môi liên minh bền vững trong và giữa cộng đồng, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển DLCĐ, phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước hiện nay khi quyết tâm thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới, cụ thể như chương trình OCOP³, mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn thông qua các nhóm sản phẩm nông nghiệp đặc trưng vùng miền được ưu tiên đầu tư phát triển, trong đó Tiêu chí về Ngành dịch vụ du lịch nông thôn và bán hàng (201 sản phẩm) là nhóm sản phẩm thứ 6 được ưu tiên đầu tư phát triển trong thời gian tới, cùng với nhóm sản phẩm thứ 3, nhóm thảo dược (231 sản phẩm) là hai Tiêu chí sản phẩm nông nghiệp có dư địa rất lớn cho việc kết hợp giữa du lịch với nông nghiệp. Bên cạnh đó, các nhóm sản phẩm OCOP khác như sản phẩm về thực phẩm, đồ uống, thủ công mỹ nghệ, sinh vật cảnh đều là các sản phẩm OCOP nền tảng để hướng tới phát triển sản phẩm DLCĐ bền vững.

1.2. Căn cứ xây dựng đề án

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030”.

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phê duyệt mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và

³ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là một chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị, nâng cao thu nhập của cư dân nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới

tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật trong xúc tiến, quảng bá du lịch; phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch tiêu biểu quy mô quốc gia, liên vùng; tổ chức lễ hội văn hóa - du lịch ở trong nước.

Quyết định số 2503/QĐ-BVHTTDL ngày 08/9/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật trong bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống gắn với phát triển đời sống kinh tế và phát triển du lịch.

Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ Khoa học Công nghệ công bố Tiêu chuẩn quốc gia về Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ và Tiêu chuẩn du lịch cộng đồng của ASEAN;

Quyết định số 677/QĐ-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Hướng dẫn thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Chương trình phối hợp số 04/CTPH-BNN&PTNT-BVHTTDL ngày 23/8/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phối hợp trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn hiệu quả và bền vững giai đoạn 20224 - 2030;

Thông báo số 155/TB-VPCP ngày 08/6/2021 của Văn phòng Chính phủ về cụ thể hóa các nội dung kết luận, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoàn thành thành các nhiệm vụ gắn với tiến độ, kết quả đầu ra, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thời gian qua, góp phần quan trọng để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Bộ trong năm 2021 cũng như trong giai đoạn sắp tới;

Kế hoạch số 2862/KH-BVHTTDL ngày 11/8/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện Kết luận của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao thời gian qua, những vấn đề tồn đọng, cấp bách cần giải quyết trong thời gian tới.

1.3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

Tất cả các điểm du lịch có hoạt động du lịch cộng đồng tại Việt Nam. Trước mắt, ưu tiên lựa chọn một số điểm du lịch tại một số tỉnh, thành có tiềm năng phát triển để xây dựng thí điểm mô hình du lịch cộng đồng.

1.4. Mục tiêu của đề án

a) Mục tiêu tổng quát

- Thống nhất nhận thức, quan điểm và cơ bản định vị được thương hiệu du lịch cộng đồng tại Việt Nam, gắn phát triển du lịch cộng đồng với hoạt động phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu rộng vào chuỗi sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu, nâng cao đời sống người dân, góp phần đẩy mạnh phong trào xây dựng kinh tế nông thôn. Phát triển du lịch cộng đồng gắn với thúc đẩy tiên bộ, công bằng xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo; đảm bảo, hỗ trợ được khả năng tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ công cho cộng đồng nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên các dân tộc thiểu số, ít người.

- Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh, chủ đạo trong hệ thống sản phẩm của du lịch Việt Nam; nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng gắn với các Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), Chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, biên giới, ven biển và hải đảo, đảm bảo mục tiêu bảo tồn, đa dạng hóa ngành nghề cho cộng đồng dân cư tại chỗ, cải thiện sinh kế cho người dân, tiến tới phát triển du lịch bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ Tại các điểm du lịch cộng đồng được công nhận ở Việt Nam, cơ bản các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn và phát huy; có 20% điểm du lịch cộng đồng có nhà sinh hoạt cộng đồng; 30% điểm du lịch cộng đồng có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

+ Có ít nhất 40% chủ cơ sở du lịch cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; 30% lao động du lịch cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó có ít nhất 10% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch cộng đồng có ít nhất 01 người có khả năng giao tiếp được một ngoại ngữ.

+ Tổ chức 50 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ du lịch cộng đồng liên quan đến truyền dạy văn hóa phi vật thể, sưu tầm, phục dựng, gìn giữ, bảo tồn nghề truyền thống, phát huy văn hóa phi vật thể, bảo tồn lễ hội tại các điểm du lịch cộng đồng; xây dựng, hỗ trợ đầu tư được 10 điểm đến du lịch cộng đồng tiêu biểu của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

+ Phân đầu mỗi huyện nông thôn mới có tiềm năng du lịch xây dựng ít nhất 01 mô hình chuỗi liên kết du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới; có ít nhất 10% làng nghề truyền thống mỗi huyện nông thôn mới có sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

+ Phân đầu 30% điểm du lịch cộng đồng được công nhận theo tiêu chuẩn quốc gia về du lịch cộng đồng tại Việt Nam được giới thiệu, quảng bá; 20% điểm du lịch cộng đồng có ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch; tiến tới mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa bản đồ số các điểm du lịch cộng đồng trên toàn quốc.

+ Có quy định về xây dựng các tổ chức quản lý du lịch cộng đồng hiệu quả ở các điểm du lịch cộng đồng.

+ Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch cộng đồng được công nhận trên toàn quốc.

- Đến năm 2030:

Cơ bản phát triển đồng bộ sản phẩm du lịch cộng đồng tại các trung tâm du lịch lớn, nơi có lượng khách du lịch tập trung đông.

1.5. Thời gian thực hiện

Phát triển DLCĐ trong giai đoạn 2024-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

PHẦN 2: THỰC TRẠNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

1. Tổng quan về du lịch cộng đồng

1.1. Tổng quan

a. Du lịch cộng đồng

Theo Khoản 15, Điều 3, Luật Du lịch năm 2017, khái niệm “Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi”. Và hầu hết các khái niệm về DLCĐ trên thế giới đều cơ bản đồng ý rằng sự tham gia của cộng đồng và trao quyền cho cộng đồng là điều cốt lõi của DLCĐ. Khái niệm vẫn đang được coi là đồng nghĩa với DLCĐ như du lịch sinh thái, du lịch nông thôn..., mặc dù về bản chất chúng là khác nhau. Tuy nhiên, đây là loại hình du lịch do cộng đồng dân cư quản lý. Đây là điểm khác biệt riêng có của DLCĐ khi so sánh với những loại hình du lịch khác. Với mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững, DLCĐ được xem là một trong những công cụ hữu hiệu góp phần cải thiện sinh kế cho người dân địa phương, đồng thời giúp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa bản địa cũng như nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên gắn với cộng đồng điểm đến. Vì thế, DLCĐ là loại hình du lịch được quan tâm đầu tư phát triển tại nhiều địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn của Việt Nam.

Trong hoạt động DLCĐ, cộng đồng địa phương được tham gia trực tiếp trong việc hoạch định, xây dựng, triển khai và quản lý các hoạt động du lịch nhằm phát triển cộng đồng và bảo tồn, khai thác tài nguyên du lịch bền vững, đồng thời cộng đồng phải được hưởng phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch, là người kiểm soát các tài nguyên du lịch và hỗ trợ khách du lịch có cơ hội tìm hiểu và nâng cao nhận thức của họ khi có cơ hội tiếp cận hệ thống TNDL tại không gian sinh sống của cộng đồng. Khách du lịch là tác nhân bên ngoài, là tiền đề mang lại lợi ích kinh tế và sẽ có những tác động nhất định kèm theo việc thụ hưởng các giá trị về môi trường sinh thái tự nhiên và văn hóa khi đến với một cộng đồng văn hóa cụ thể. Cộng đồng địa phương sẽ nhận được lợi ích về mặt kinh tế, mở rộng tầm hiểu biết về đặc điểm, tính cách của du khách cũng như cơ hội để nắm bắt thông tin bên ngoài từ khách du lịch, đồng thời cộng đồng địa phương ngày càng được tăng cường được khả năng tổ chức, vận hành và thực hiện các hoạt động, xây dựng các sản phẩm phục vụ khách du lịch, phát huy vai trò làm chủ của mình. PTDLCD là quá trình thay đổi theo hướng tiến bộ về mọi mặt của DLCĐ theo hướng bền vững, thúc đẩy các chiến lược vì người nghèo trong môi trường cộng đồng, bao gồm sự thay đổi cả về lượng và về chất của DLCĐ ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia. PTDLCD cũng được hiểu là sự tăng trưởng của DLCĐ gắn liền với sự hoàn thiện cơ cấu, thể chế liên quan đến DLCĐ, góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hoá và nâng cao chất lượng cuộc sống của CĐDC. PTDLCD luôn hướng tới mục tiêu kép về kinh tế và xã hội, vừa mang lại thu nhập, việc làm cho CĐDC và vừa góp phần đảm bảo an sinh xã hội, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường.

b. Hình thái du lịch cộng đồng phổ biến

- Du lịch văn hóa, hình thức du lịch này dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Những yếu tố thu hút du

khách đó là phong tục tập quán, tín ngưỡng, các lễ hội truyền thống, kiến trúc, di tích lịch sử, nghệ thuật và các sản phẩm văn hóa khác...

- Du lịch dân tộc, bản địa, hình thức du lịch do đồng bào dân tộc thiểu số hoặc người địa phương trực tiếp tham gia vận hành các hoạt động du lịch. Yếu tố then chốt và quan trọng nhất để thu hút du khách tham quan, trải nghiệm là những nét văn hóa bản địa đặc trưng.

- Du lịch làng, loại hình du lịch phát triển tại các làng nông thôn với các hoạt động trải nghiệm cuộc sống thôn bản và mang lại nhiều lợi ích kinh tế. Dân làng sẽ cung cấp dịch vụ ăn, ở, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, tham quan của du khách.

- Du lịch nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ, hình thức du lịch cho phép du khách trải nghiệm, tìm hiểu về nghệ thuật và thủ công mỹ nghệ, như các hoạt động tham quan các di tích văn hoá, trung tâm mỹ nghệ, xưởng sản xuất sản phẩm thủ công hoặc trải nghiệm học làm sản phẩm thủ công.

- Du lịch sinh thái, hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn liền với bản sắc địa phương và có sự tham gia của cộng đồng để phát triển bền vững. Khi tham gia vào loại hình du lịch cộng đồng này, du khách sẽ được tham quan, tìm hiểu về văn hóa, cảnh quan và môi trường của địa phương.

- Du lịch nông nghiệp, loại hình du lịch này dựa trên nền tảng các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Du khách sẽ đến các vùng nông nghiệp như: trang trại chăn nuôi, trồng trọt, vườn cây ăn trái... và trải nghiệm các hoạt động thực tế cùng người dân. Những nơi này đồng thời cũng phát triển nhiều dịch vụ nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm theo mô hình du lịch cộng đồng.

c. Nguyên tắc phát triển du lịch cộng đồng

- *Nguyên tắc phù hợp với nhu cầu khách:* Tìm hiểu nhu cầu, xu hướng của khách du lịch và nghiên cứu thị trường để tìm ra nguồn khách, thị trường mục tiêu, từ đó tiến hành các công việc kinh doanh du lịch.

- *Nguyên tắc lợi ích kinh tế:* Đầu tư xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch cũng cần phải xét đến những tác động của nó đối với nền kinh tế để vừa đảm bảo sử dụng hợp lý các nguồn TNTN vừa kiểm soát ô nhiễm môi trường và phát triển các nguồn tài nguyên tái sinh.

- *Nguyên tắc đặc sắc:* Nét đặc trưng của thiên nhiên, văn hóa của cộng đồng địa phương là nền tảng để tạo ra sức hấp dẫn của các sản phẩm du lịch.

- *Nguyên tắc bảo tồn và giữ gìn:* Khi khai thác tài nguyên du lịch cộng đồng cần bảo đảm nguyên tắc bảo tồn và gìn giữ môi trường, duy trì sự cân bằng sinh thái, nghiêm cấm việc phá hoại cảnh quan môi trường nhất là các tài nguyên du lịch có giá trị đặc biệt và phát huy các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa - lịch sử và con người của địa phương.

- *Nguyên tắc công bằng về mặt xã hội:* Các thành viên của cộng đồng sẽ tham gia vào việc lên kế hoạch, triển khai, kiểm soát các hoạt động du lịch tại cộng đồng. Thông qua sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào quá trình tổ chức và thực hiện các hoạt động du lịch, từ đó các lợi ích kinh tế sẽ được chia sẻ công bằng

và rộng khắp, liên kết không chỉ riêng cho các doanh nghiệp du lịch mà còn dành cho các thành viên của cộng đồng.

- *Các loại hình sản phẩm du lịch cộng đồng được phát triển đồng bộ theo điểm và tuyến:* Các phương án phát triển cho từng điểm du lịch được nghiên cứu và xây dựng phù hợp với thực trạng của mỗi điểm và có sự liên kết, hài hòa với các điểm/các sản phẩm du lịch khác tại địa phương. Hình thành các tuyến du lịch nội thị, tuyến du lịch liên kết với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

d. Lợi ích của phát triển du lịch cộng đồng

Bên cạnh tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch cộng đồng ảnh hưởng đến các điểm đến du lịch như: Phá vỡ môi trường tự nhiên, gia tăng ô nhiễm, rác thải và tắc nghẽn giao thông; Tăng chi phí sinh hoạt và giá nhà đất tại địa phương; Xuống cấp giá trị văn hóa và đánh mất bản sắc cộng đồng; Gia tăng tệ nạn xã hội, gia tăng tội phạm về móc túi, cướp giật... thì những lợi ích cơ bản của du lịch cộng đồng được biết đến như:

- *Về kinh tế:* Tạo ra nguồn thu bền vững và quỹ để phát triển cộng đồng, thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo cơ hội việc làm trong ngành du lịch, tăng thu nhập hộ gia đình, người dân trong cộng đồng, góp phần xóa đói giảm nghèo. Đảm bảo tính cân bằng, bền vững về phát triển kinh tế của địa phương. Điều này, đặc biệt có ý nghĩa đối với các địa phương vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số.

- *Về xã hội:* Nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy niềm tự hào cộng đồng, thúc đẩy bình đẳng giới, xây dựng năng lực cho các tổ chức quản lý cộng đồng. Thúc đẩy nghề nghiệp truyền thống phát triển, củng cố vai trò trong công tác giữ gìn bản sắc văn hóa.

- *Về văn hóa:* Giữ gìn, bảo tồn, phục hồi các giá trị văn hóa, phong tục tập quán truyền thống của người dân bản địa, khuyến khích sự tôn trọng đối với nền văn hóa khác, thúc đẩy giao lưu văn hóa, tạo được sự ấn tượng trong văn hóa địa phương. Đồng thời, giúp cộng đồng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và nâng cao ý thức chống các trào lưu du nhập không phù hợp.

- *Về môi trường:* Thúc đẩy trách nhiệm đối với môi trường, nâng cao nhận thức cho khách du lịch và người dân về sự cần thiết phải bảo tồn tài nguyên tự nhiên, đẩy mạnh quản lý nước thải và xử lý chất thải.

- *Về giáo dục:* Thúc đẩy chuyển giao các kỹ năng làm việc, tạo thêm những nghề mới trong bản làng, khuyến khích sử dụng các kiến thức mới trong bản làng, tăng cường sự giao lưu các nền văn hóa khác nhau, thúc đẩy tôn trọng lẫn nhau, thúc đẩy sự tôn trọng kiến thức và kỹ năng của người dân địa phương.

- *Về chính trị:* Trao quyền nhiều hơn cho người dân địa phương, tăng sức mạnh của cộng đồng, đảm bảo quyền quản lý tài nguyên thiên nhiên trong cộng đồng.

- *Về sức khỏe:* Nâng cao ý thức người dân về giữ gìn vệ sinh, đảm bảo sức khỏe cộng đồng, số lượng lương thực thực phẩm cung cấp cho khách du lịch phong phú và đa dạng hơn góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng.

- *Về gắn kết mối quan hệ giữa du khách và dân bản địa:* Qua những trải nghiệm thực tế cùng nhau, du khách và người dân bản địa sẽ có sự gắn kết nhiều hơn. Du khách sẽ cảm thấy gần gũi, thấu hiểu hơn về cuộc sống, văn hóa địa phương. Người dân cũng sẽ cảm thấy tự hào và thoải mái chia sẻ về những khía cạnh trong cuộc sống của bản làng, nghề nghiệp.

đ. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch cộng đồng

- *Về vĩ mô:* Năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước; môi trường chính trị, kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia, khu vực; các vấn đề toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu.

- *Về vi mô thuộc phạm vi cộng đồng địa phương:* sức hấp dẫn của điểm du lịch; khả năng tiếp cận điểm đến; tính tiện nghi của điểm đến; cơ sở HTCVKT và dịch vụ; những kỹ năng và kiến thức về du lịch của người dân địa phương; sự tham gia của cộng đồng địa phương; lãnh đạo cộng đồng; vấn đề hợp tác và hỗ trợ trực tiếp từ bên trong và bên ngoài cộng đồng.

e. Các bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng

- *Cộng đồng địa phương:* Tìm kiếm nâng cao chất lượng cuộc sống, cung cấp các sản phẩm du lịch, không có sự bóc lột, bất công trong cộng đồng.

- *Khách du lịch:* Tìm kiếm trải nghiệm một môi trường du lịch chất lượng, tự tích lũy và tăng kinh nghiệm du lịch trong một môi trường an toàn và hấp dẫn.

- *Các cơ quan quản lý chức năng của nhà nước:* Mục tiêu xây dựng hành lang pháp lý và chính sách nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất, giảm thiểu việc sử dụng các nguồn lực, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phát huy nguồn lao động địa phương, đảm bảo an ninh, an toàn, quản lý hành vi của các hang và xử lý các hành vi vi phạm.

- *Doanh nghiệp, công ty kinh doanh trong lĩnh vực du lịch:* Tìm kiếm sự tồn tại lâu bền trong kinh doanh, đồng thời quan tâm đến hình ảnh cá nhân, cung cấp cho khách những sản phẩm du lịch, dịch vụ chất lượng cao, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Các tổ chức phát triển: Đây có thể là các tổ chức phi chính phủ trong hoặc ngoài nước, có vai trò hỗ trợ về mặt nâng cao năng lực, kỹ năng làm du lịch cho cộng đồng và một phần nhỏ về mặt tài chính giúp cộng đồng có đủ năng lực để tham gia vào DLCĐ ở giai đoạn đầu.

1.2. Kinh nghiệm và những bài học rút ra

a. Kinh nghiệm phát triển du lịch ở 3 làng cổ khu tự trị Dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

+ *Ngôi làng thứ nhất là Thôn Lý, thuộc huyện Vụ Nguyên, tỉnh Giang Tây,* Đây là một ngôi làng lầy con suối rộng làm trục trung tâm. Tuy nhiên, chỉ một bên là có đường hẹp và hướng các ngôi nhà cổ đều quay ra mặt đường này. Chủ các ngôi nhà đều mở các cửa hàng bán cổ vật, đồ lưu niệm, thuốc bắc... giữa con đường, đồng thời cũng là trung tâm làng, còn lại một ngôi đình kiến trúc gỗ, có niên đại thời Minh, là nơi hội họp. Đình có bình đồ vuông, hai lớp mái, không giống như

đình làng Việt, không phải nơi thờ thành hoàng, mà chức năng chủ yếu là nơi họp và phân xử những vấn đề vi phạm hương ước của những người dân trong làng. Phía bên kia, cũng là những ngôi nhà quay mặt ra suối, nhưng không mở cửa hàng vì không có đường xá, đồng thời có những lối ngõ xương cá, và các ngôi nhà cổ quay mặt ra những lối ngõ hẹp ấy.

Dường như địa hình núi chỉ cho phép làng được mở rộng không gian về phía này, theo đó những ngôi nhà trong ngõ không được hưởng lợi ích buôn bán. Nổi hai bờ suối là những cây cầu nhỏ bằng đá hoặc gỗ, không cổ xưa như những ngôi nhà. Suối dù là mùa cạn nhưng nước vẫn đầy, sạch và trong, dân vẫn giặt giũ ở đôi bờ, cho dù, mỗi hộ gia đình đều có nước giếng khoan. Trên mặt nước có một số con thuyền nhỏ, dường như là phương tiện cho khách du lịch ngắm cảnh chứ không phải là phương tiện giao thông của làng. Nhà ở Thôn Lý chủ yếu có niên đại thời Thanh muện. Duy chỉ còn một ngôi, có quy mô khá lớn, do một quan lại hồi hưu về làng xây dựng, hưởng tuổi già vào những năm cuối đời, có niên đại Thanh sớm. Kiến trúc còn khá nguyên vẹn, nhưng nội thất không còn nhiều. Mặc dù vậy, người đến thăm vẫn cảm nhận về một kiến trúc nhà quan. Dường như gần 200 năm, ngôi làng không hề có một sự thay đổi nào về không gian và kiến trúc, bởi áp lực tăng dân số đã được giải quyết bằng một quỹ đất, nằm cách xa vài ba cây số. Hai dãy phố giãn dân, có kiến trúc hai tầng, nhưng phong cách giống như nhà cổ, nay đã gần như một thị tứ.

Nằm giữa làng cổ và khu thị tứ là một bãi đỗ xe, một văn phòng của công ty du lịch làng, một cửa hàng lưu niệm, một hội trường tiếp đón khách. Công ty du lịch có trách nhiệm đưa đón từ bãi đỗ xe vào làng bằng xe điện và điều tiết ăn nghỉ của khách lũ hành vào các hộ, sao cho công bằng và hợp lý, với giá 30 nhân dân tệ ăn, nghỉ trong một ngày. Công ty du lịch làng còn làm thêm nhiều dịch vụ khác nữa để điều phối lợi ích giữa các nhà mặt đường và trong ngõ, theo đó, mỗi hộ trong cộng đồng làng cổ đều có trách nhiệm gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống của làng, kể cả vật thể và phi vật thể. Khoảng cách giữa thị tứ, công ty du lịch và làng cổ vừa đủ để thuận tiện cho khách tham quan, nhưng không phá vỡ cảnh quan, sinh thái, môi trường làng cổ. *Rõ ràng, giải pháp tổng thể về vấn đề quy hoạch và đặc biệt là đặt chủ thể cộng đồng dân cư quản lý, phát huy để đem lại lợi ích cho chính họ dường như là một bài học hay nhất từ ngôi làng cổ này.*

+ *Thôn Giang Loan, cùng huyện lại có một quan điểm bảo tồn, tôn tạo khác.* Nếu như Thôn Lý bảo tồn nguyên gốc, thì Giang Loan bổ sung nhiều yếu tố mới. Đây là một ngôi làng có xuất xứ gốc nguồn từ dòng họ nhiều đời của Chủ tịch Giang Trạch Dân. Năm 2002, ông về thăm trường tiểu học của thôn, đồng thời thăm quê hương, theo đó, nhiều địa danh nơi ông đến đã được xây dựng nhiều kiến trúc mới. Đó là sân khấu, kỳ đài, đền thờ, nhà lưu niệm có phong cách kiến trúc giống với làng cổ quê ông, nằm kề cận. Tuy nhiên, tất cả những công trình ấy, giờ đây đã trở thành nơi sinh hoạt của cộng đồng dân cư, theo đó, đem lại lợi ích thiết thực cho chính cộng đồng nhỏ ấy, chứ không phải là nơi khói lạnh hương tàn, xuân thu nhị kỳ mới có người đến thăm viếng. Cùng một dãy phố như thị tứ nằm giữa đền thờ, nhà lưu niệm và ngôi làng cổ, nhưng cùng một phong cách kiến trúc được xây dựng vừa là để giãn dân, nhưng cũng là để tăng thêm sức hấp dẫn cho ngôi làng bằng

hàng loạt các cửa hàng lưu niệm và dịch vụ nhỏ. Tuy nhiên, quần thể kiến trúc đại gia họ Giang hôm nay chỉ còn là một khu đất trống với một biển đề “Đây là ngôi nhà của dòng họ Chủ tịch Giang Trạch Dân”, cùng một bình đồ tầng tầng, lớp lớp kiến trúc, mới bị sập đổ năm 1982, vẫn còn nguyên tài liệu, có thể phục dựng lại được. Vậy nhưng các nhà bảo tồn bảo tàng Trung ương cũng như của tỉnh không thực hiện việc phục dựng này. Đó có thể là ý của Chủ tịch, nhưng cũng có thể là quan điểm bảo tồn Trung Quốc, khi mà có thêm ngôi nhà ấy, không làm tăng thêm nhiều giá trị của ngôi làng cổ. *Đây là một bài học rất đáng rút ra từ thực tế quần thể kiến trúc họ Giang, khi mà kiến trúc được cất lên, không có linh hồn, không có sức hấp dẫn, chỉ bằng để bia biển tưởng niệm, khiến khách viếng thăm thỏa trí tưởng tượng về một dòng họ nổi danh.*

+ *Thôn Hiếu Khởi cũng thuộc huyện Vụ Nguyên, đây lại là một mô hình khác nữa của bảo tồn, mà ngay từ khi du khách bước chân vào đầu thôn, đã cảm nhận được ngay, vì phải vượt qua một con dốc nhỏ lên một quả gò thấp, toàn là những cây cối và bụi rậm um tùm - chứng tích của một khu rừng tự nhiên còn sót lại. Con đường nhỏ, độc đạo vào thôn, băng qua cũng một cánh đồng nhỏ, đệm giữa làng và rừng, là Hiếu Khởi, với quy hoạch không thật là hay, giống như một chiếc thập ác. Nhà ở đây không đẹp và không cổ. Đường làng hẹp nhưng cũng có đôi ba cửa hàng bán cổ vật, ăn uống, làm đồ gỗ... xem ra không mấy sầm uất như hai làng nêu trên. Cuối trục chính của làng, có hai lối rẽ phải và trái, dường như đó là xu thế phát triển chính cho các hộ dân cư, khiến cho chiều ngang - chiều thập ác, dài hơn chiều dọc. Trục ngang, một bên nhà dựa vào đồi, bên kia là tường dựa tường, tạo nên một quy hoạch có vẻ như thiếu trật tự, ngăn nắp. Phía trái của trục ngang, người dân mới dựng một ngôi nhà gỗ dài, cao, dùng làm “chợ” bán hàng lưu niệm. Chợ chiều, chỉ còn sót lại đôi hàng, bán những đồ chơi sản xuất từ gỗ truong và những lát gỗ truong có mùi thơm hắc cho du khách đem về như là một kỷ vật mang tính đặc sản của Hiếu Khởi. Đúng là đặc sản, bởi vượt qua chợ này là một rừng cây truong, có tuổi vài trăm năm. Cây được bảo vệ nghiêm ngặt nhất, trên etiket ghi 1000 năm, được bao quanh rào sắt thấp, lát cuội tròn, có ghé đá cho du khách hóng mát và chiêm ngắm. Vậy là, những nhà bảo tồn Trung Quốc muốn “thăng hoa” ngôi làng để cư dân ở đó bảo vệ rừng truong cổ thụ. Có thể khẳng định như vậy, bởi di tích cổ xưa nhất của làng thuộc thời Minh, TK XV, XVI là hai khẩu giếng đá nằm liền kề nhau, một để rửa gàu, một là để cấp nước. Giếng hiện nay vẫn dùng, dù dân đã có giếng khoan. *Vậy là, giải pháp đã được đưa ra ở đây để bảo tồn một khu rừng cổ, người ta đã phải đặt cộng đồng dân cư liền kề khai thác cái họ sở hữu (nhà và làng), không nhiều giá trị văn hóa, di sản và tôn vinh nó như một điểm đến của du lịch, giúp nguồn thu cho dân khởi phá rừng, lấy gỗ.**

b. Mô hình du lịch cộng đồng đảo Serangan (Bali, Indonesia)

Serangan là một hòn đảo nhỏ ở Bali nằm trước vịnh Benoa, gần ba điểm đến du lịch nổi tiếng ở Bali là Sanur, Kuta và Nusa Dua. Với sự đa dạng cao của các hệ sinh thái ven biển, gồm thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rạn san hô, rong biển và bãi triều, hệ sinh thái đảo cung cấp rất nhiều nguồn tài nguyên biển. Đảo Serangan cũng là một bãi đẻ của rùa biển xanh, nên còn được gọi là "Đảo Rùa". Từ năm 1994 đến năm 1997, một dự án khai hoang đảo được triển khai đưa diện tích đảo từ 101ha lên

481ha và nối với đất liền bằng một cây cầu 110m. Dự án hứa hẹn sự phát triển mạnh du lịch, nhưng đáng buồn là nó đã không xảy ra. Môi trường sống tự nhiên của hòn đảo và tài nguyên biển đã bị phá hủy, xói mòn bờ biển kéo dài đến vùng lân cận gây ra thiệt hại về môi trường nghiêm trọng. Hơn 75% thảm cỏ biển và 50% rừng ngập mặn biến mất. San hô bị tác động bởi các trầm tích lơ lửng do hoạt động khai hoang và nạo vét. Năm 2002, tỉ lệ san hô chết tại đảo Serangan chiếm khoảng 38%. Trước khi khai hoang đảo, phần lớn dân Serangan là người dân. Kinh tế cộng đồng địa phương phụ thuộc rất nhiều vào các nguồn tài nguyên ven biển. Cộng đồng người dân không cần và không được huấn luyện để đánh cá xa bờ; Tình trạng của người dân và môi trường sống đã thay đổi từ xấu đến tồi tệ hơn sau dự án. Họ bị coi như những kẻ hủy diệt các rạn san hô và bị nghi ngờ là dân khai thác trái phép. Họ bị cấm đánh bắt ở vùng biển của các đảo lân cận Sanur và Nusa Dua. Sự xấu hổ đã đến với thế hệ trẻ của đảo.

Một nhóm 42 thanh niên Serangan, làm nghề khai thác san hô muốn thay đổi mọi thứ xung quanh. Năm 2003, họ lập nhóm người dân ven biển Karya Segara và cam kết phục hồi các rạn san hô và bảo vệ môi trường. Họ đã có niềm tin nhưng không đủ kiến thức, năng lực, và cơ sở để thực hiện. Tuy nhiên sáng kiến họ được chính quyền của tỉnh Bali hoan nghênh và quyết định đưa đảo Sera Serangan vào một dự án thí điểm áp dụng các phương pháp phát triển du lịch cộng đồng để bảo vệ rạn san hô của đảo thông qua chính cộng đồng người dân sinh sống trên đảo đứng lên thực hiện. Chương trình PTDLCĐ ở khu vực ven biển của đảo Serangan của Bali đã cung cấp các tiếp cận và phương pháp giải quyết các vấn đề ở đảo Serangan. Một dự án thí điểm PTDLCĐ được xây dựng ở đảo Serangan với các hoạt động chính sau:

- Tăng cường năng lực cộng đồng thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức của cộng đồng thông qua việc PTDLCĐ. Phát triển nhóm và kỹ năng của các thành viên.

- Tăng cường kinh tế cộng đồng thông qua việc phát triển các nguồn thu nhập thay thế. Huy động tổng hợp sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền và các bên liên quan khác nhau.

Những bài học về giải pháp thu được từ mô hình này:

- *Một tổ chức cộng đồng tiên phong:* Nhóm ngư dân ven biển Karya Segara đã trở thành một lực lượng tích cực trong việc thực hiện công tác bảo tồn trên đảo. Nhóm đã giúp chấm dứt các hoạt động phá hoại môi trường, khôi phục lại hai hòn đảo san hô thông qua hoạt động DLCĐ người dân trên đảo.

- *Một cơ hội kinh doanh bền vững:* Từ năm 2008, đảo trở thành điểm thu hút khách du lịch thông qua chương trình nuôi san hô. Khách du lịch được mời tham gia trồng san hô, hoạt động đã trở thành một điểm thu hút trên đảo cùng với các hoạt động giải trí khác như bơi lội hoặc lặn biển. Khách trả phí cho mỗi lần san hô cấy ghép. Kinh nghiệm cho thấy khách du lịch tham gia vào chương trình coi mình như một phần của cộng đồng, tự hào được coi là những người bảo vệ và bảo tồn, và tận hưởng những lợi ích có được từ kinh nghiệm độc đáo và có giá trị của chuyến thăm đảo của họ. Trong năm 2011, tập đoàn ngư dân ven biển Karya Segara bắt đầu

làm việc với các đại lý du lịch để đưa nhiều du khách hơn lên đảo, do đó góp phần tăng thu nhập từ du lịch sinh thái.

- *Một nơi để học hỏi và chia sẻ những kinh nghiệm tốt trong việc PTDLCD:* Hiện nay, đảo Serangan đã trở thành nơi học hỏi của nhiều chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu và các nhóm cộng đồng từ các vùng khác nhau trong và ngoài nước Indonesia từ việc PTDLCD. Các hoạt động này cũng đem lại lợi ích cho Nhóm người dân ven biển Karya Segara. Kinh phí có được từ việc cung cấp chỗ ở, thực phẩm và dịch vụ cho học sinh và đại biểu. Chương trình PTDLCD tại đảo Serangan ở Bali góp phần giúp tăng thu nhập của nhóm qua quảng bá hòn đảo này như một nơi để học hỏi phương pháp luận và thực tiễn của PTDLCD của người dân trên đảo. Qua đó thúc đẩy cộng đồng người dân trên đảo đẩy mạnh hơn nữa việc bảo tồn san hô để thu hút được nhiều lượng khách du lịch đến đảo.

c. Mô hình du lịch cộng đồng ở đảo Olango (Philippines)

Đảo Olango nằm ở miền Trung của Philippines, cách 5 km về hướng Đông của đảo chính Mactan ở Cebu. Tổng diện tích đất của nó chỉ là 10 km², là chỗ ở của hơn 20,000 người. Hòn đảo này có đủ cơ sở hạ tầng cơ bản như nước, hệ thống xử lý chất thải và 75% các hộ gia đình phụ thuộc vào nguồn tài nguyên ven biển cho việc phát triển sinh kế của họ. Olango là một hòn đảo với các núi đá vôi thấp; nổi tiếng bởi các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn và đặc biệt là các bãi triều rộng lớn, cung cấp môi trường sống cho các loài chim di cư. Hơn một nửa của Olango là môi trường sống ở biển và ven biển, được xem như nơi trú ẩn của động vật hoang dã. Từ tháng 7/1996, đảo Olango cùng các đảo nhỏ xung quanh được lựa chọn cho dự án mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng do Cơ quan phát triển quốc tế của Hoa Kỳ (USAID) tài trợ.

Những bài học về giải pháp từ mô hình ở Olango là:

- *Sự tham gia và lợi ích của cộng đồng:* Năm 1996, dự án mang lại lợi ích cho 55 gia đình. Đến năm 2015, 55% tổng doanh thu từ hoạt động của dự án được chia trực tiếp đến cộng đồng trên toàn đảo thông qua tiền lương và các lợi ích khác.

- *Góp phần bảo tồn và giáo dục môi trường:* Hợp phần giáo dục môi trường là một phần của tuyến du lịch cộng đồng. Bản thân những người dân địa phương trở thành các đại sứ của môi trường nơi họ sinh sống.

- *Khả năng cạnh tranh và tiếp cận thị trường:* Năm 2000 được vinh danh về mô hình du lịch sinh thái có đóng góp bảo tồn thành công nhất thế giới. Năm 2001, tổ chức British Airways Tourism for Tomorrow Awards trích dẫn các loài chim ở Olango và tuyến du lịch ngắm cảnh biển là giải thưởng về “trải nghiệm môi trường tốt nhất”. Khách du lịch đến từ nhiều quốc gia. Hơn 30 tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế chọn làm mô hình tham quan, học hỏi kinh nghiệm

- *Khuyến khích văn hoá địa phương:* Việc giới thiệu du lịch sinh thái và sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương thúc đẩy văn hoá địa phương của vùng. Khách du lịch có được một trải nghiệm văn hoá hoàn chỉnh từ việc xem người dân

địa phương chuẩn bị các món ăn ngon của họ, thấy tận mắt những tài năng trong các đồ thủ công, xem các điệu múa và lắng nghe âm nhạc của người bản địa.

- *Khả năng tồn tại các nguồn tài chính:* Được hỗ trợ từ nhiều nguồn, tổ chức bảo tồn thiên nhiên và từ các hoạt động du lịch sinh thái cộng đồng...

d) Một số mô hình du lịch cộng đồng tại Việt Nam

Điểm danh 3 điểm DLCD ở Việt Nam đã được trao giải thưởng Du lịch cộng đồng ASEAN là (1) điểm du lịch cộng đồng xóm Pom Coong, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, Hòa Bình; (2) điểm du lịch Thanh Toàn, xã Thanh Thủy, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên - Huế; (3) điểm du lịch cộng đồng làng Triêm Tây, huyện Điện Bàn, Quảng Nam (Xa Giang, 2018). Huyện Mai Châu là địa phương đầu tiên phát triển du lịch cộng đồng từ những năm 1990 và đến nay huyện đã có 7 điểm hoạt động và phát triển du lịch cộng đồng điển hình.

Làng du lịch cộng đồng tại xã Mai Hịch, Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, Mô hình được phát triển trên cơ sở dự án xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế bền vững ở xã Mai Hịch do Trung tâm Sức khỏe và Phát triển cộng đồng (gọi tắt là COHED) thực hiện. Bằng phương pháp hỗ trợ tích cực cho cộng đồng trong khu vực, kết hợp giữa hỗ trợ về kỹ thuật và một phần tài chính của nước ngoài, lựa chọn mô hình đơn giản, chuyên nghiệp, trong đó tận dụng tối đa năng lực, nguyên vật liệu, kỹ thuật phù hợp với truyền thống, phong tục tập quán của người dân bản địa tạo ra một ấn tượng khác biệt so với các khu vực homestay khác trong tỉnh Hòa Bình. Với tôn chỉ “hiệu quả lớn được tạo ra từ sự thay đổi nhỏ”, cách thức tiếp cận du lịch được phổ cập ở mức đơn giản nhất từ đó xây dựng ý thức làm du lịch chuyên nghiệp cho cộng đồng. Điểm tích cực của mô hình này đó là sự chuẩn bị tốt về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, các nhà đầu tư cũng có những bước chuẩn bị tích cực cho các phương án khai thác và cạnh tranh trong tương lai. Ngoài ra, để đảm bảo duy trì tính bền vững của mô hình, các chuyên gia cũng cân nhắc và yêu cầu quản lý tốt việc thu nhập và cơ chế phân chia lợi ích cho các thành viên tham gia bên cạnh việc cam kết duy trì chất lượng dịch vụ và sản phẩm. Các chuyên gia cũng tin rằng các hoạt động của mô hình phù hợp với chiến lược “tăng trưởng xanh” của Chính phủ và sẽ được nhân rộng trong khu vực trong tương lai.

Mô hình, Du lịch dựa vào cộng đồng Cơ Tu, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, Mô hình do tổ chức Cứu trợ và phát triển quốc tế (FIDR) phối hợp với UBND huyện Nam Giang tại xã Ta Bhing năm 2012 -2013. Điểm nổi bật trong dự án này là tập trung xây dựng tính chủ động của cộng đồng bên cạnh sự hỗ trợ tích cực của việc kết nối nhiều thành phần tham gia. Hiệu quả của mô hình này đã đem lại những hiệu quả đáng phấn khởi. Tính đến tháng 9.2015, xã Tà Bhing đã đón khoảng 15 đoàn khách, chủ yếu đi về trong ngày, thu hơn 130 triệu đồng, nâng tổng số đoàn khách đến nơi đây lên con số 65 đoàn kể từ khi triển khai dự án đến nay. Trong thời gian một ngày du khách sẽ được trải nghiệm các hoạt động văn hóa cộng đồng Cơ Tu như xem múa tâng tung da dá, thưởng thức các món ăn truyền thống; xem dệt cườm thổ cẩm tại làng Zara; cùng trải nghiệm với cuộc sống người dân...Thành công lớn nhất của mô hình là đã bảo tồn tốt các giá trị văn hóa địa phương và những sinh hoạt mang tính chất cộng đồng (Báo cáo Sở VH TT&DL Quảng Nam).

Mô hình du lịch cộng đồng tạo sinh kế bền vững cho người dân thôn Năm Đăm, Quản Bạ, Hà Giang, Làng văn hóa du lịch thôn Năm Đăm xã Quản Bạ huyện Quản Bạ được xây dựng từ năm 2012 do Tổ chức Caritas Thụy Sĩ phối hợp với Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) triển khai thông qua Dự án Phát triển du lịch vì người nghèo. Mục tiêu đặt ra, giúp người dân tăng thêm nguồn sinh kế, nâng cao ý thức vệ sinh môi trường; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, bản sắc của người Dao. Với cách làm khoa học, hiệu quả, phát huy tối đa lợi thế sẵn có của địa phương và sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền, người dân, Làng văn hóa du lịch cộng đồng Năm Đăm đang trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách. Đặc biệt, Năm 2017, Làng văn hóa du lịch cộng đồng Năm Đăm được công nhận đạt chuẩn ASEAN Homestay; hàng năm thu hút hàng nghìn lượt khách du lịch tham quan, khám phá. Để giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển du lịch, thôn Năm Đăm đã thành lập Ban Quản lý, Câu lạc bộ Homestay Năm Đăm, thành lập 2 đội văn nghệ phục vụ du khách. Mô hình đã phát huy được giá trị truyền thống của đồng bào, đồng thời đã tạo được việc làm ổn định cho người dân địa phương nhờ những giá trị bản sắc dân tộc, kiến trúc nhà ở và cảnh quan xóm làng (Báo cáo Sở VH TT & DL Hà Giang).

1.3. Một số lưu ý trong phát triển du lịch cộng đồng

Bản chất của DLCĐ là mô hình du lịch tương đối bền vững nhờ lợi thế gần gũi, gắn bó thân thiện với môi trường sống của con người bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Vì thế, DLCĐ không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu chung của ngành du lịch mà còn đóng góp trực tiếp vào xu thế phát triển bền vững ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung. Quan trọng hơn nữa, DLCĐ đã giúp người dân địa phương dần cải thiện mức sống, xóa đói giảm nghèo và chia sẻ thịnh vượng giữa các địa phương, khu vực với nhau nhờ chuyển đổi sinh kế từ hoạt động nông nghiệp sang dịch vụ du lịch và các hoạt động phi nông nghiệp khác. Vì thế, trong quá trình tổ chức quản lý hoạt động DLCĐ cần một số lưu ý cơ bản sau:

Thứ nhất, cần cụ thể hóa việc xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và quy chế quản lý hoạt động DLCĐ từ trung ương tới địa phương có DLCĐ phát triển và khả năng phát triển; Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra các hoạt động triển khai DLCĐ, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho khai thác, PTDLCĐ;

Thứ hai, cần tăng cường phát huy nguồn lực con người, khuyến khích người dân tham gia vào DLCĐ đồng thời hướng dẫn họ đầu tư, kinh doanh các dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn để nâng cao hiệu quả đầu tư, PTDLCĐ có trách nhiệm và bền vững; mở rộng các chiến dịch truyền thông về sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, chương trình nâng cao sự hiểu biết kinh tế - xã hội nói chung cho cộng đồng địa phương.

Thứ ba, phát huy nguồn vốn xã hội bằng cách thiết lập và tăng cường sự liên kết giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động DLCĐ, liên kết các dịch vụ cung ứng để hình thành sản phẩm du lịch, liên kết giữa các điểm đến với nhau, giữa các điểm đến và thị trường như: liên kết giữa các nhà quản lý du lịch các địa phương với nhau, giữa các nhà quản lý du lịch các địa phương với doanh nghiệp, giữa doanh

nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với cộng đồng, giữa doanh nghiệp với du khách, giữa cộng đồng với nhau và giữa cộng đồng với du khách...

Thứ tư, triển khai xây dựng DLCĐ theo mô hình mỗi cộng đồng một sản phẩm để tránh sự trùng lặp về sản phẩm DLCĐ, đồng thời giúp cho việc đa dạng hóa các loại hình sản phẩm DLCĐ, giúp cho du khách có nhiều sự lựa chọn sản phẩm và nâng cao mức độ hài lòng của du khách.

Thứ năm, cần đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến PTDLCLĐ trong thời gian tới, trong đó chủ thể của DLCĐ địa phương đóng vai trò quyết định. Ban quản lý DLCĐ, hộ gia đình làm DLCĐ cần chủ động thực hiện quảng bá, xúc tiến hình ảnh của mình đến với khách du lịch, từng bước xây dựng thương hiệu DLCĐ cho địa phương mình.

Thứ sáu, chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế để thu hút vốn đầu tư PTDLCLĐ. Tuy nhiên, việc lựa chọn các nhà đầu tư DLCĐ cần phải tôn trọng tự nhiên, tôn trọng bản sắc văn hóa, cộng đồng dân cư trong vùng đầu tư, tránh kiểu đầu tư manh mún, chộp giật, chỉ quan tâm đến lợi nhuận hay khả năng thu hồi vốn sớm.

2. Thực trạng du lịch cộng đồng tại Việt Nam

2.1. Thực trạng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch cộng đồng

Tại Việt Nam, DLCĐ được hình thành và phát triển từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX, bắt đầu từ vùng người Thái ở Bản Lác của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Sau hơn 20 năm phát triển, đến nay DLCĐ đã trở thành một trong những loại hình du lịch được yêu thích nhất. Với nhiều lợi ích đem lại, DLCĐ thực sự phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, đã có nhiều dự án hỗ trợ phát triển DLCĐ, trong đó có hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ phục vụ khách du lịch, cách bố trí nội thất và vật dụng cần thiết. Một số dự án cụ thể như Dự án Chương trình Phát triển Năng lực Du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội (EU), dự án du lịch nông nghiệp Việt Nam của Tổ chức Nông dân Hà Lan - Agritertra đã triển khai một loạt các hoạt động từ nhiều năm nay. Về tổ chức quản lý, tồn tại sự khác biệt giữa các địa phương, trong khi một số địa phương phân cấp cho các Sở quản lý Du lịch chịu trách nhiệm quản lý hoạt động DLCĐ, một số địa phương lại phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã quản lý. Trong giai đoạn 2015-2020 hoạt động DLCĐ đã trở nên sôi động và thu hút sự quan tâm phát triển ở nhiều địa phương như Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, Lạng Sơn, Hà Giang, Nghệ An, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đồng Tháp, An Giang, Lâm Đồng, Đắk Lắk... kể cả các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ từ Tổng cục Du lịch (nay là Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam), đến năm 2021⁴ trên cả nước có khoảng 300 làng, bản, buôn, thôn, xóm có hoạt động du lịch cộng đồng với hơn 5.000 homestay hoạt động sức chứa gần 100 nghìn khách. Tuy nhiên, mới chỉ hơn 2.000 cơ sở trong số đó được công nhận đạt chuẩn. Để phát huy hiệu quả cần xây dựng bộ quy chuẩn với những kế hoạch, tiêu chí cụ thể để phát triển du lịch cộng đồng và sinh kế bền vững nhằm

⁴ Tổng cục Du lịch, Báo cáo tổng hợp Chương trình hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng năm 2021

phát huy hiệu quả các lợi ích kinh tế-xã hội, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường...

Việc PTDLCD được tổ chức dựa trên thế mạnh và điều kiện tự nhiên của từng địa phương như PTDLCD gắn với văn hóa bản địa, dịch vụ du lịch đường sông, các điểm du lịch sinh thái rừng, núi, biển, các hoạt động nông nghiệp PTDLCD gắn với dịch vụ du lịch đường sông, các điểm du lịch sinh thái; tăng cường sự tương tác trải nghiệm giữa khách và người dân địa phương thông qua những hoạt động gắn với đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân trồng lúa và hoa màu, trang trại, miệt vườn, nghề truyền thống... Tăng cường sự tương tác trải nghiệm giữa khách và người dân địa phương thông qua những hoạt động gắn với đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân. Một số tỉnh có nhiều du địa phát triển DLCĐ đã chủ động mời các doanh nghiệp du lịch, các cơ quan thông tấn báo chí tham gia khảo sát cùng địa phương và cộng đồng bản địa lên phương án xây dựng sản phẩm phù hợp. Ngoài ra, thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, về xây dựng nông thôn mới, về chính sách dân tộc, về chính sách giảm nghèo bền vững, nhiều địa phương đã thực hiện được hoạt động đầu tư phát triển mới hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng (đường giao thông, đường kết nối tới điểm đến, đường đi lại trong địa bàn làng, bản... nhà vệ sinh, không gian cảnh quan chung, hệ thống nước sinh hoạt, đèn điện chiếu sáng, cơ sở lưu trú tại nhà dân - homestay...).

Điểm mạnh, thuận lợi DLCĐ đã được quan tâm phát triển và đầu tư ở các cấp từ trung ương đến địa phương và người dân. Nhiều địa phương xác định phát triển du lịch, trong đó có du lịch cộng đồng là hướng đi quan trọng, bền vững, lâu dài góp phần chuyển đổi cơ cấu tăng trưởng, phát triển kinh tế-xã hội. Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp đã ban hành các Nghị quyết về phát triển du lịch, Đề án phát triển du lịch cộng đồng giai đoạn 2022 - 2030; Kế hoạch hỗ trợ PTDLCD...

Cơ sở hạ tầng về giao thông, dịch vụ kỹ thuật, cơ sở lưu trú du lịch cho DLCĐ đã bước đầu được quan tâm đầu tư từ nhiều nguồn vốn ở các địa phương, đã hình thành nhiều điểm đến cộng đồng nổi tiếng thu hút du khách, các điểm dừng chân ngắm cảnh cho khách đánh dấu (check in và giới thiệu sản phẩm địa phương). Đặc biệt các điểm đến gắn với các mùa hoa như tam giác mạch, dã quỳ, địa lan, đào, mận... và thắng cảnh đặc biệt như mây, núi, thác, biển, hồ, chinh phục các cung đường, các đỉnh cao... đang thu hút đông du khách và trở thành xu hướng du lịch trong thời gian tới. Nhiều tuyến đường được nâng cấp, một số nơi đã hỗ trợ người dân cơ sở vật chất phục vụ du lịch, tạo điều kiện thuận lợi để PTDLCD.

Hạn chế, khó khăn Hạ tầng du lịch, chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật tại nhiều điểm du lịch cộng đồng còn thiếu, chất lượng chưa cao. Rất nhiều các tuyến, điểm du lịch cộng đồng chưa được đầu tư hoàn thiện hạ tầng du lịch thiết yếu theo quy định như: đường giao thông, bãi đỗ xe, hệ thống cấp thoát nước, nhà vệ sinh cộng đồng, hệ thống biển báo và biển chỉ dẫn du lịch, Nhà du lịch cộng đồng gây khó khăn cho du khách và các đơn vị lữ hành trong tiếp cận điểm đến và phục vụ du khách tại điểm đến. Một số nơi có tài nguyên tốt nhưng đường giao thông đi đến các khu, điểm du lịch chỉ cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân nên khách khó tiếp cận, những nơi chưa được đầu tư hoặc đầu tư chậm tiến độ, chưa hoàn thành khó phát huy được giá trị tài nguyên hoặc đón được ít khách do đường đang

làm, hạn chế về tiếp cận giao thông như bản Sin Suối Hồ ở Lai Châu, một số nơi thiếu nước, thiếu nơi đón tiếp khách... như Cao Bằng, Tây Nguyên...

Một số địa phương có đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch cộng đồng nhưng còn nhiều bất cập chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, như: Chưa quy hoạch bãi đỗ xe; hệ thống biển chỉ dẫn chưa đồng bộ, đầy đủ (chỗ có, chỗ không); đường giao thông, nhất là đường trong các buôn được đầu tư theo chương trình xây dựng nông thôn mới nhưng chưa phù hợp với phát triển DL cộng đồng; không gian sinh hoạt văn hoá cộng đồng, nhà văn hoá chưa phát huy hiệu quả, sử dụng không cao, chưa có mô hình nhà trưng bày văn hoá đáp ứng yêu cầu khách tham quan. Cảnh quan thiên nhiên bị phá vỡ, vệ sinh môi trường chưa được quan tâm đúng mức, hệ thống xử lý chất thải còn kém.

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động du lịch tại nhiều thôn, bản có tiềm năng du lịch chưa được đầu tư, còn thiếu các công trình thiết yếu phục vụ nhu cầu ăn, nghỉ, vận chuyển, đỗ xe, vui chơi giải trí của khách du lịch. Số lượng Homestay tương đối nhiều nhưng đa phần ở quy mô nhỏ, không đồng bộ, chất lượng kinh doanh dịch vụ lưu trú chưa cao. Nhiều nơi dịch vụ du lịch của các hộ kinh doanh manh mún, chắp vá, không theo quy hoạch, không phản ánh được quy mô, tính chất của không gian văn hoá thu nhỏ của dân tộc mình. Một số khu vực còn hạn chế điều kiện vệ sinh do phong tục, cách sống của người dân. Một số nơi thiếu trang thiết bị phục vụ khách do thiếu vốn. Thiếu cơ sở vật chất khiến việc khai thác nguồn tài nguyên du lịch văn hóa còn hạn chế, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, nhiều nơi chỉ dừng ở hoạt động tham quan, lưu trú và phục vụ ăn uống. Một số khu vực có nhiều khả năng thu hút khách như chợ, nhà dân, điểm tham quan... bị bê tông hóa hoặc bị mai một dần bản sắc, giảm sử dụng vật liệu địa phương do nhận thức, kiến thức của người dân và chính quyền địa phương, giảm lượng khách do cảnh quan bị phá vỡ vì thủy điện, ô nhiễm từ các dự án công nghiệp... Xảy ra rủi ro, tai nạn do thời tiết, khí hậu, địa hình. Những vấn đề trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy, phương tiện vận chuyển khách du lịch còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Một số nơi sự phát triển nóng gây cạnh tranh không lành mạnh khiến cung ồ ạt lớn hơn cầu, làm giảm giá trị cảnh quan, môi trường và văn hóa bản địa. Cá biệt có nơi bị tăng mật độ xây dựng, kiến trúc bị lai căng (như nhà ống trên vùng cao), xuất hiện những loại hình giải trí không phù hợp (như karaoke phá vỡ không gian êm đềm của bản làng).

Nguyên nhân Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nhà nước, nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng hạn chế, chưa kích thích người dân mạnh dạn tham gia; nguồn lực đầu tư cho PTDLCD chủ yếu từ các hộ gia đình nên còn hạn chế. Chưa có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và từ các tổ chức đối với du lịch cộng đồng về vốn đầu tư, miễn giảm thuế, hướng dẫn thủ tục cho người dân tộc thiểu số làm dịch vụ đón khách du lịch nên nhiều người dân muốn triển khai phục vụ khách du lịch nhưng không có điều kiện.

Ở một số địa phương có tiềm năng, cộng đồng dân cư còn nhiều khó khăn, chưa được hỗ trợ kịp thời nên chưa phát huy tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn. Các hộ gia đình thu nhập thấp ít có cơ hội tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng do không đủ nguồn lực tài chính để đầu tư. Sự hỗ trợ chủ yếu tập

trung vào đào tạo tập huấn trong khi người dân cần có thêm nguồn lực tài chính để đầu tư nhằm làm phong phú dịch vụ, đáp ứng nhu cầu khám phá và trải nghiệm của du khách. Công tác quy hoạch còn hạn chế, hệ thống kết cấu hạ tầng du lịch còn nhiều bất cập. Các dự án đầu tư về du lịch chậm triển khai, các nhà đầu tư chiến lược lớn mới dừng ở nghiên cứu, lập quy hoạch. Nhiều nơi phát triển du lịch cộng đồng một cách tự phát, chưa có chiến lược và quy hoạch phát triển cụ thể. Tham khảo thông tin của đại diện một số địa phương dưới đây (*tại Bảng 1 phần phụ lục*).

2.2. Thực trạng phát triển thị trường, sản phẩm du lịch cộng đồng tại Việt Nam

Các loại hình sản phẩm DLCĐ ở Việt Nam hiện nay xoay quanh các làng nghề truyền thống, nông nghiệp và văn hoá. Các nguyên liệu cho DLCĐ bao gồm những yếu tố như tài nguyên văn hoá, cuộc sống hàng ngày và nông nghiệp là chủ đạo. DLCĐ hay du lịch làng bản giờ được mở rộng ra với nhiều hoạt động khác nhau như du lịch nông nghiệp và du lịch vì sức khoẻ, du lịch trải nghiệm, khám phá. Các loại hình du lịch này đang là xu thế chủ đạo cho việc phát triển du lịch thời gian tới gắn với các hoạt động du lịch vì sức khoẻ và du lịch nông nghiệp nông thôn, có thể kể tới như:

- *Du lịch văn hóa tại cộng đồng*: là một trong những hoạt động du lịch quan trọng trong DLCĐ. Các giá trị văn hóa như lịch sử, các công trình tôn giáo, các di tích khảo cổ,... là những yếu tố thu hút khách du lịch đến với cộng đồng.

- *Du lịch nông nghiệp*: là một sản phẩm cung cấp cho khách du lịch các trải nghiệm với các hoạt động tại các vùng quê, đồng ruộng gắn với nghề nông của cộng đồng địa phương như trải nghiệm việc trồng rau, đánh bắt cá, trải nghiệm thu hoạch nông sản, hoa quả tại các vùng nông thôn. Nhiều khách du lịch có nhu cầu cao đối với việc xem thì có thể trải nghiệm ngay trực tiếp vào việc sản xuất nông nghiệp cùng với nông dân hoặc có thể nghỉ đêm, trải nghiệm không gian tự nhiên ngay tại các nông trại.

- *Du lịch trải nghiệm làng nghề*: Nghệ thuật và sản xuất thủ công mỹ nghệ các làng nghề ở vùng nông thôn thường có truyền thống và lịch sử lâu đời. Đây vừa là nghề giúp cộng đồng mưu sinh, vừa mang đậm dấu ấn văn hóa đặc trưng vùng miền. Du lịch giúp cho việc khôi phục, giữ gìn, bảo tồn các làng nghề truyền thống của địa phương, là cơ sở để sản xuất và phát triển các mặt hàng lưu niệm, quà tặng, thời trang cho khách du lịch khi đến thăm các điểm đến DLCĐ. Khách du lịch cũng có cơ hội trải nghiệm cách làm, cách sáng tạo một sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống.

- *Du lịch trải nghiệm cuộc sống của người dân địa phương*: là sản phẩm DLCĐ phổ biến ở các bản làng dân tộc thiểu số ở các khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo với các yếu tố chính là các phong tục, tập quán, lối sống của cộng đồng địa phương đã được lưu giữ từ đời này qua đời khác. Khi đến với các bản làng, các điểm đến DLCĐ, du khách sẽ có dịp hòa mình vào cuộc sống của người dân địa phương, cùng họ làm vườn, làm ruộng, cùng đi chợ mua thực phẩm, cùng vào bếp chế biến món ăn, nghe người dân địa phương nói chuyện về văn hóa ẩm thực, thói quen sinh hoạt và cùng thưởng thức các món ăn đó. Thời gian rảnh, du khách có thể tìm hiểu cuộc sống và phong cảnh tại cộng đồng bằng các tour xe đạp ngắn, đi

thuyền, dạo quanh làng hoặc khu vực có phong cảnh đẹp lân cận. Ngoài ra, nếu khách đến vào các dịp lễ hội, du khách còn có thể được trải nghiệm và hòa mình vào các làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc nhiều màu sắc. Người dân cũng sẽ cung cấp dịch vụ ăn nghỉ tại nhà cho du khách và tăng thêm thu nhập cho cuộc sống của mình.

- *Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại cộng đồng*: Nước ta có nhiều bản, nhiều cộng đồng sống ở những khu vực có điều kiện khí hậu thuận lợi, trong lành, mát mẻ quanh năm, có phong cảnh đẹp, có các tài nguyên thiên nhiên đặc biệt tốt cho sức khỏe như suối khoáng nóng, phù hợp với việc phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, khám chữa bệnh tại các bản cộng đồng. Một số điểm đến tiêu biểu như ở Sapa, Tam Đảo, Mộc Châu, Lâm Đồng, khu vực các tỉnh Tây Nguyên,... Đây là các điểm đến có khí hậu mát mẻ vào mùa hè, có các suối khoáng nóng như ở Ngọc Chiến (Sơn La), suối khoáng nóng Trạm Tấu (Yên Bái), tắm thuốc đồng bào dân tộc Dao (Sapa),... Sản phẩm nghỉ dưỡng tại cộng đồng này cũng có thể kết hợp với các sản phẩm khác như du lịch nông nghiệp, du lịch y thực trị, du lịch văn hóa, ẩm thực sinh thái tại cộng đồng, đem lại các trải nghiệm phong phú cho khách du lịch.

Thị trường khách DLCĐ đang là trào lưu được nhiều người ưa chuộng, bởi du lịch cần mở rộng không gian, đa dạng hóa sản phẩm làm tăng tính trải nghiệm, DLCĐ làm giảm áp lực từ cuộc sống đô thị nên sản phẩm DLCĐ đang đáp ứng nhu cầu cho đông đảo du khách, đồng thời góp phần phát triển bền vững cho khu vực nông thôn thông qua việc tăng thu nhập, chuyển đổi sinh kế, bảo tồn văn hóa - môi trường sinh thái. Ngoài ra, việc phát triển các sản phẩm nông nghiệp cơ bản đã đạt đến ngưỡng, khó tăng được năng suất, do đó DLCĐ còn giúp đa dạng hóa các ngành nghề ở nông thôn. Theo kết quả khảo sát về xu hướng nhu cầu của khách du lịch được thực hiện gần đây bởi tổ chức AC Nielsen (do Tổ chức phát triển Hà Lan ủy thác) cho thấy: 65% số du khách muốn trải nghiệm văn hóa và di sản của địa phương; 54% số du khách muốn trải nghiệm thiên nhiên, nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe; 84% số du khách muốn tham quan danh lam thắng cảnh địa phương; 48% số du khách sẵn sàng chi trả nhiều hơn để trải nghiệm văn hóa và di sản địa phương... kết quả nghiên cứu này đã phần nào lý giải cho sự chuyển dịch trong cơ cấu phát triển ngành du lịch các năm qua, trong đó có sự “lên ngôi” của loại hình DLCĐ.

Hiện nay, ở Việt Nam, DLCĐ phát triển nhanh, trong đó khách du lịch quốc tế đến từ các nước Tây Âu, Đông Bắc Á, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Úc và các nước ASEAN⁵, kể cả khách du lịch nội địa cũng đang ngày càng quan tâm tới nhu cầu trải nghiệm hướng tới những giá trị mới về văn hóa truyền thống (tính khác biệt, đặc sắc, nguyên bản), giá trị về tự nhiên (tính nguyên sơ, độc đáo) từ các điểm DLCĐ, trong năm vừa qua chúng ta cũng thấy rõ lượng khách từ các tỉnh miền Trung và miền Nam đã tổ chức rất nhiều những đoàn khách DLCĐ đến với các tỉnh miền núi phía Bắc, kể cả khi có dịch bệnh Covid-19, lượng khách cũng vẫn tăng mạnh, tập trung vào mùa Thu Đông và lượng khách DLCĐ đã trở thành điểm sáng, trở thành cứu cánh cho ngành du lịch của vùng Tây Bắc trong năm khó khăn vừa qua.

⁵ Báo cáo thường niên du lịch Việt Nam 2023

2.3. Thực trạng khai thác giá trị văn hóa, tự nhiên trong phát triển du lịch cộng đồng

DLCĐ ngày càng phát triển mạnh tại Việt Nam, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng bào dân tộc thiểu số thường ở những nơi có địa hình hiểm trở, bị chia cắt mạnh bởi nhiều khối núi và dãy núi đá vôi hay những cao nguyên đá ba zan. Điều này khiến cho khu vực sinh sống của người DTTS có tài nguyên thiên nhiên đa dạng hơn so với cùng đồng bằng (thác nước, những cung đường uốn lượn cùng cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ, thung lũng, hang động,...). Nơi đây, tập trung sinh sống của cộng đồng DTTS trên khắp các vùng miền cả nước gắn với các giá trị văn hóa như: Vùng Tây Bắc có văn hóa truyền thống của các dân tộc Thái, Mường, Khơ-mú, Hà Nhì, Xinh-mun, Kháng, Phù Lá..., vùng Đông Bắc có văn hóa dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dao, Sán Dìu, Sán Chay, Bó Y..., vùng duyên hải miền Trung có văn hóa các dân tộc Bru-Vân Kiều, Co-tu, Ta-ôi, Chăm..., vùng Tây Nguyên có các dân tộc Ê-đê, Ba-na, Mnông, Gia-glai, Gia-rai..., vùng Nam Bộ có các dân tộc Khơ-me, Hoa... Mỗi dân tộc có phong tục tập quán, nghi lễ, văn hóa truyền thống độc đáo và đa dạng, là những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, trong đó có DLCĐ.

Đọc theo dải đất hình chữ S, nhiều địa phương đã và đang phát triển mô hình DLCĐ trong đó đa số là vùng có người DTTS sinh sống. Hà Giang - mảnh đất địa đầu nơi biên cương tổ quốc, có diện tích gần 8.000km² với đặc điểm địa - chính trị - văn hóa độc đáo, hấp dẫn, thuận lợi là tiềm năng quan trọng trong phát triển du lịch, Với 3 không gian du lịch đặc trưng gắn với các sản phẩm du lịch điển hình phù hợp với nhu cầu của du khách trong và ngoài nước. Sản phẩm du lịch đặc trưng như: bản sắc văn hóa đặc sắc của 19 dân tộc; Hệ thống di tích lịch sử, di sản, danh lam thắng cảnh hoang sơ kỳ vĩ, tiêu biểu là Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và di sản ruộng bậc thang Hoàng Su Phì... Trong những năm qua tỉnh Hà Giang đã và đang khai thác 40 làng văn hóa du lịch cộng đồng, 161 làng hoàn thành các tiêu chí được UBND tỉnh công nhận. Trong đó có 7 làng tham gia Chương trình đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh đạt từ 3 đến 4 sao (Thôn Nậm Hồng huyện Hoàng Su Phì, Nậm Dăm huyện Quản Bạ, thôn Nà ràng, Quảng Hạ huyện Xín Mần, thôn Lô Lô Chải huyện Đồng Văn, thôn Bản Lạn huyện Bắc Mê, thôn Tha thành phố Hà Giang). Nhìn chung mô hình du lịch cộng đồng là sản phẩm du lịch thể mạnh của Hà Giang, đã thu hút đông đảo khách du lịch tham quan và lưu trú, tạo việc làm cho trên 3.000 lao động của địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, làm thay đổi diện mạo nông thôn, góp phần tăng cao thu nhập cho người dân, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo tại các làng. Thu nhập bình quân các hộ làm dịch vụ du lịch (Homestay) tại các làng văn hóa du lịch trung bình đạt 70 đến 90 triệu đồng/năm, có những hộ đạt doanh thu gần 200 triệu đồng/năm.

Lào Cai - nằm ở vùng núi Tây Bắc của nước ta, mang trong mình nhiều giá trị đặc sắc về cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ cũng như bản sắc văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc Hmông, Dao, Giáy, Bó Y..., Lào Cai là một trong những địa phương tiên phong trong việc phát triển loại hình DLCĐ, góp phần nâng cao đời sống cho người dân địa phương. Thực tế cho thấy, du khách, đặc biệt là khách nước

ngoài khi đến Lào Cai thường thích đi thăm những bản làng dân tộc để cùng sống và trải nghiệm các sinh hoạt với dân bản, cùng dân bản nấu ăn, thực hiện các công việc nhà nông như đi cày, đi cấy, gặt lúa... thường thức các tiết mục văn nghệ dân gian, các món ăn đậm phong vị núi rừng Tây Bắc và mua những sản phẩm thổ cẩm, mỹ nghệ, mây tre đan làm quà lưu niệm. Hiện nay, Lào Cai đã xây dựng được 19 điểm DLCĐ, tập trung chủ yếu ở các huyện Sa Pa và Bắc Hà, tiêu biểu các xã, Tả Van, Tả Phìn, Nậm Sài (huyện Sa Pa), Bảo Nhai, Na Hối, Tả Chải (huyện Bắc Hà). Một trong những điểm DLCĐ mang đặc trưng, sắc thái văn hóa riêng, nổi bật ở Lào Cai là bản Tả Van Giáy, xã Tả Van, huyện Sa Pa, nằm cách trung tâm thị trấn Sa Pa 08 km về phía nam. Bản có khoảng 20 hộ dân là đồng bào dân tộc Giáy, trong đó hầu hết các hộ đều làm DLCĐ.

Điện Biên là nơi tập trung sinh sống của 21 cộng đồng dân tộc, trong đó chủ yếu là dân tộc Thái. Điện Biên được biết đến với nhiều di tích lịch sử văn hóa mang đậm dấu ấn của chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu năm 1954. Với lợi thế này, tỉnh Điện Biên là địa phương chứa đựng tiềm năng phong phú để phát triển loại hình DLCĐ gắn với lịch sử. Năm 2004, tỉnh đã bắt đầu xây dựng mô hình DLCĐ tại 08 bản văn hoá thuộc huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong đó nổi bật là các bản Phiêng Lơi, Him Lam (thành phố Điện Biên Phủ) và bản Mèn (huyện Điện Biên).

Khi nói đến DLCĐ ở Hà Nội, có thể kể đến làng cổ Đường Lâm (huyện Sơn Tây) và các xã miền núi huyện Ba Vì. Loại hình DLCĐ đã xuất hiện ở một số nơi tại huyện Ba Vì, xong việc phát triển loại hình du lịch này còn khá mới. Người dân và chính quyền địa phương còn lúng túng trong cách thức tạo các sản phẩm hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là phát triển DLCĐ gắn với phát triển bền vững và bảo tồn các nguồn tài nguyên quý giá của vùng, địa phương. Hiện nay, Sở Du lịch thành phố Hà Nội đang triển khai đề án phát triển DLCĐ khu vực Ba Vì, trọng tâm là xây dựng tại các xã Ba Vì, Ba Trại và Vân Hòa. Mục tiêu của đề án, phát triển DLCĐ ở Ba Vì không theo hướng đại trà mà xác định hướng phát triển riêng của từng xã để phát huy được nét đặc thù của địa phương. Tại xã Vân Hòa sẽ xây dựng sản phẩm du lịch dựa trên lợi thế phát triển đàn bò sữa, tại xã Ba Trại là trồng chè, tại xã Ba Vì là trồng và chế biến thuốc Nam của người Dao. Ngoài tham quan các thắng cảnh của địa phương, du khách có thể trực tiếp trải nghiệm các hoạt động sản xuất của người dân bản địa, tham gia các sinh hoạt văn hóa của người Mường, người Dao. Hiện tại, chính quyền và người dân huyện Ba Vì đang mong muốn đề án được hoàn thiện, sớm triển khai để thu hút khách đến tham quan, trải nghiệm sản phẩm du lịch đặc thù của Ba Vì.

DLCĐ tại huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế bắt đầu phát triển từ năm 2015 ở một số xã: A Roàng, Hồng Hạ, xã Nhâm. Đến với A Lưới, du khách sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp hoang sơ, kỳ vĩ của núi rừng, thưởng thức món ăn truyền thống của người Ta-ôi,... Đặc biệt, khi vừa đặt chân tới đây, khách du lịch sẽ được chào đón bằng những điệu múa Ri rằm đón mừng vào làng hòa cùng những tiếng khèn, tiếng chiêng sẽ tạo nên một không khí vui nhộn, thân mật; được đạp xe tham quan các bản làng, tìm hiểu cuộc sống sinh hoạt thường nhật như: Đan lát, làm rẫy, dệt Zèng... được tận mắt chứng kiến những bàn tay tài nghệ của những cô gái Ta-

ôi thoản thoắt bên khung dệt, dệt nên những tấm Zèng truyền thống mang đậm bản sắc của văn hóa tộc người. Sau một ngày hành trình dài, khách du lịch được đắm mình vào dòng suối khoáng A Roàng để xoa tan mọi sự mệt mỏi.

Thanh Hóa là địa phương có nhiều lợi thế để phát triển các loại hình du lịch như du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa... Và một thế mạnh mà Thanh Hóa bước đầu đưa vào khai thác và đã cho những kết quả khả quan đó là du lịch cộng đồng. Với 28 thành phần dân tộc như: Mường, Hmông, Thổ, Dao, Thái... nơi đây có sự đa dạng của văn hóa tộc người và các cảnh quan đẹp, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Nổi tiếng là khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông (Bá Thước, Quan Sơn), khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (Quan Hóa, Mường Lát), Thác Hrou (Bá Thước); Bến En (Nhu Thanh), thác Ma Hao (Lang Chánh), động Bo Cúng và núi Lá Hoa (Quan Sơn), Thác Mơ, suối cá thần Cẩm Lương (Cẩm Thủy), Thác Mây, Thác Voi (Thạch Thành), Thác Trai gái, đền Cửa Đật (Thường Xuân), Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo (Quan Sơn)... Những địa danh nơi đây gắn liền với đời sống đồng bào thiểu số với các sắc thái văn hóa đặc trưng đây là nguồn lực nội sinh giúp đồng bào các dân tộc tỉnh Thanh Hoa tạo ra những tuor, tuyến điểm du lịch. Hiện nay, Thanh Hóa đã tình thành các tuor trong ngày tại nội vùng Pù Luông với các địa danh như bản Hiêu, chợ phố Đoàn, làng nghề dệt thổ cẩm Lũng Niêm, bản Đôn, bản Kho Mường, hang cá thần Mường Ký, các bản Sơn, Bá, Mươi... của huyện Bá Thước và hang Ma, bản En, bản Hang, bản suối Tôn của huyện Quan Hóa, các tour trong tỉnh (2 ngày/1 đêm) với điểm xuất phát từ TP.Thanh Hóa/Sầm Sơn đi các bản làm DLCĐ của các huyện Bá Thước, Quan Hóa và Lang Chánh (bản Năng Cát, thác Ma Hao), các tour du lịch liên tỉnh (3 ngày/2 đêm) từ tp. Hà Nội - Mai Châu (Hòa Bình) tới các bản của huyện Bá Thước, Quan Hóa, Cẩm Thủy (suối cá thần Cẩm Lương); các tour theo yêu cầu của du khách.

Tây Nguyên có những tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch nói chung, đặc biệt là loại hình DLCĐ. Nơi đây còn được thiên nhiên ưu đãi với những danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp với các hồ, sông, suối, núi rừng Tây Nguyên. Bên cạnh đó, hệ thống động thực vật đa dạng trong đó có các khu rừng bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia có thể trở thành điểm tham quan, nghỉ dưỡng lý tưởng. Trong tài nguyên nhân văn phục vụ cho du lịch phải kể đến Không gian văn hóa Cồng chiêng, ngôi nhà Rông, nhà dài, rượu cần, các điệu múa, điệu nhảy quanh lửa trại hay các sử thi, dân ca... những chất liệu văn hóa đó đã làm nên văn hóa Tây Nguyên mà chủ nhân của sắc thái văn hóa đó chính là các tộc người Ê-đê, Ba-na, Mnông, Gia-rai... Khách du lịch một ngày làm người dân Tây Nguyên trong việc chăm sóc hoa, hái cà phê, cái hồ tiêu hay đơn giản là cưỡi voi băng rừng vượt thác... Khách du lịch được đắm mình trong văn hóa núi rừng Tây Nguyên. Khu vực Tây nguyên, tác giả bổ sung viết thêm một số tỉnh giống như phân trình bày ở khu vực phía Bắc (Lâm Đồng...), có làng du lịch cộng đồng không, hình thức hoạt động ra sao...

Tỉnh Đắk Lắk tập trung phát triển các dự án du lịch cộng đồng tại buôn Yang Lành (xã Krông Na, huyện Buôn Đôn), buôn Ya (xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông), buôn Tring (phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ), trên cơ sở khai thác văn hóa truyền thống bản địa, nghi lễ của đồng bào dân tộc tại chỗ và văn hóa ẩm thực. Tham gia du lịch cộng đồng tại những buôn làng trên, du khách sẽ được trải nghiệm ăn, ở,

làm việc, tham gia các hoạt động như một người dân bản địa. Theo đó, nhiều chương trình và đề án lớn được triển khai, DLCĐ tại tỉnh Gia Lai cũng được hướng đến với các điểm làng, như: làng Óp, làng Kép, làng Kon Mahar, làng Kon Podram (xã Hà Đông) và làng nghề truyền thống (xã Glar, huyện Đak Đoa)... để khai thác du lịch văn hóa trên cơ sở phát huy giá trị của di sản phi vật thể “Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên”. Tỉnh Lâm Đồng có một số điểm du lịch cộng đồng như: Làng K’Long (làng con Gà) thuộc xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, Khu du lịch núi Lang Biang ở thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, Khu du lịch Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà, huyện Lạc Dương và huyện Đam Rông... đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Nhiều lễ hội văn hóa truyền thống như: lễ hội công chiêng, lễ hội thác Pongour, lễ hội đâm trâu, lễ cúng thần suối, lễ mừng lúa mới... của người K’Ho, M’Nông, Chu Ru, Mạ... cũng rất hấp dẫn khách tham quan.

DLCĐ tại Đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu được biết đến từ sau chương trình tàu Thanh niên Đông Nam Á, cập cảng lần đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1995. Hiện nay, DLCĐ nơi đây đang dần phát triển gắn với mục tiêu quốc gia xây dựng phong trào nông thôn mới, đặc biệt là phát triển sản phẩm DLCĐ gắn với mô hình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tham gia DLCĐ tại đồng bằng sông Cửu Long, du khách không chỉ hòa vào không gian sông và sinh hoạt của người dân vùng sông nước mà du khách còn được trải nghiệm với các hoạt động thường ngày của người dân nơi đây như: tát ao, bắt cá, thu hoạch trái cây, đi chợ nổi, cùng chủ nhà nấu những món ăn dân dã, nghe và được thử hát đờn ca tài tử cùng với các “nghệ nhân nông dân” theo phương châm 3 cùng “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”. Bên cạnh các hoạt động mà khách du lịch tham gia cùng với gia đình các chủ nhân homestay, các công ty lữ hành cũng phối hợp với các homestay để tổ chức một số tour đậm chất miền Tây như: “Về quê tát mương bắt cá” tại Cồn Phụng (Bến Tre), “Một ngày làm nông dân” ở Cái Bè (Tiền Giang), “Tây ở nhà ta” (Vĩnh Long),...

DLCĐ đã mở ra một cuộc sống mới cho cộng đồng nông thôn đặc biệt là đồng bào các DTTS, khi họ được trực tiếp tham gia và làm chủ các hoạt động dịch vụ từ ăn uống, ngủ nghỉ đến hướng dẫn khách tham quan các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và trực tiếp trải nghiệm một ngày làm nông dân... Thông qua, các hoạt động đó cộng đồng các DTTS được giao lưu, học hỏi vốn sống cũng như kiến thức của chính những khách du lịch. Và hoạt động DLCĐ cũng giúp cho những người dân có cơ hội được bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, được bảo vệ cảnh quan sinh thái, môi trường tự nhiên của địa phương, đặc biệt giúp người dân có nguồn thu nhập nâng cao đời sống.

2.4. Thực trạng công tác quản lý phát triển du lịch cộng đồng

Những năm qua cho thấy việc quản lý PTDLCD đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh quốc phòng, TNTN của địa phương. DLCĐ sẽ góp phần bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị tài nguyên du lịch, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, qua đó góp phần phát triển cộng đồng, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư. Do đó, công tác quản lý, khai thác, duy trì hoạt động bền vững, lâu dài, tạo

sự hài hòa về lợi ích của các hộ dân khi tham gia vào hoạt động khai thác, PTDLCD đang là một thách thức đối với các cơ quan, đơn vị làm công tác quản lý Nhà nước.

Quản lý nhà nước đối với PTDLCD được hiểu là quá trình nhà nước sử dụng những công cụ quản lý của mình để tác động, điều tiết lên quá trình PTDLCD, nhằm đạt được những mục tiêu đặt ra. Nội dung quản lý và các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với PTDLCD được đề cập đến với các vấn đề cơ bản như: (1) Cung cấp ngân sách cho PTDLCD, hỗ trợ tài chính cho CĐDC để tăng cường năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của họ; (2) Ban hành các quy định bảo vệ TNDL và BVMT; (3) Trao quyền cho CĐDC sở hữu TNDL; (4) Nâng cao nhận thức của CĐDC về các tác động hai chiều của du lịch trong khu vực họ sống; (5) Hỗ trợ CĐDC phát triển hạ tầng, tiếp thị và quảng bá; (6) Lập kế hoạch sử dụng đất và quản lý đất đai; (7) Ban hành nội quy lao động và môi trường; (8) Xây dựng năng lực và đào tạo kỹ năng; (9) Cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, dịch vụ xã hội và môi trường; (10) Hỗ trợ thông qua xúc tiến quảng bá; cung cấp các dịch vụ thông tin, giáo dục, tư vấn và các sáng kiến hợp tác du lịch... Các chính sách PTDLCD luôn là yếu tố quan trọng nhất để PTDLCD và các chính sách này cần được tiếp cận một cách tổng thể, rõ ràng và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương nhằm đảm bảo DLCĐ có đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội địa phương, nâng cao thu nhập và đời sống của chính CĐDC từ hoạt động du lịch; đảm bảo có sự tham gia ngày càng tăng của cộng đồng vào hoạt động du lịch, hướng tới trao quyền đầy đủ cho cộng đồng dân cư trong phát triển và quản lý các hoạt động du lịch; khai thác tối đa tài nguyên du lịch nhưng phải bảo vệ môi trường và giữ gìn được tài nguyên du lịch, nhất là không làm phá vỡ cấu trúc tài nguyên du lịch văn hóa quý giá của dân tộc; đảm bảo an ninh quốc phòng và ổn định xã hội, hạn chế các yếu tố không mong muốn từ PTDLCD.

Thuận lợi, có thể thấy, hoạt động quản lý DLCĐ đang dần đi vào nề nếp, hầu hết các địa phương đã quan tâm PTDLCD và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ PTDLCD như: các nghị quyết, quyết định, chương trình, dự án, kế hoạch, đề án để PTDLCD theo như quy hoạch phát triển của địa phương, định hướng PTDLCD để thích ứng với trạng thái bình thường mới, tăng cường sự tương tác trải nghiệm, tìm hiểu về văn hóa, phong tục tập quán sinh hoạt của người dân địa phương, xây dựng mà phát triển mô hình DLCĐ gắn với sự tham gia trực tiếp của người dân, góp phần phát triển KTXH, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, PTDLCD nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, phong tục tập quán của người dân bản địa, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Qua đó, xây dựng môi trường du lịch thân thiện gắn với chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để giới thiệu quảng bá thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, vận dụng và khai thác tối đa có hiệu quả lợi thế từ nguồn TNTN bản địa, nét văn hóa, phong tục tập quán của người dân địa phương tạo thành sản phẩm, dịch vụ du lịch và huy động mọi nguồn lực cho PTDLCD, trong đó có phát huy vai trò cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch bền vững.

Khó khăn, hạn chế, trong công tác quản lý loại hình DLCĐ còn gặp phải nhiều bất cập và thách thức trong việc thu hút khách du lịch như:

Đa phần các hộ gia đình, hợp tác xã làm DLCĐ xuất phát kinh tế thấp nên nguồn lực còn nhiều hạn chế, công tác tổ chức quản lý hoạt động chưa theo kịp thực tế phát triển và chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế vốn có của các địa phương, kinh doanh hoạt động DLCĐ chủ yếu là hộ gia đình nên còn mang tính tự phát, thiếu sáng tạo và định hướng đúng, chưa có sự liên kết chặt chẽ bài bản và đồng bộ, xuất hiện nhiều bất cập về an toàn vệ sinh thực phẩm, cơ sở hạ tầng giao thông, nước sạch, hệ thống xử lý nước thải, chất thải đến với các điểm tham quan du lịch còn thiếu, chất lượng chưa cao. Công tác quy hoạch còn hạn chế, không có bộ tiêu chí đánh giá cũng như những quy chuẩn hướng dẫn cụ thể về loại hình DLCĐ phù hợp với địa phương, hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa có định hướng, phương pháp để xây dựng và hình thành các dịch vụ, chủ yếu vẫn theo mùa vụ và theo đặt hàng nhỏ lẻ của khách, nhất là các vùng nông thôn, miền núi chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và chưa được phát huy một cách tốt nhất.

Sản phẩm du lịch đơn điệu, tự phát, hầu như mới chỉ dừng lại ở hoạt động tham quan, lưu trú và phục vụ ăn uống, việc khai thác nguồn tài nguyên du lịch văn hóa còn hạn chế, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, các điểm dịch vụ đôi lúc trùng nhau, dịch vụ lưu trú chưa thực sự được chú trọng, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch, một số ngành nghề truyền thống mang tính cộng đồng (chiếu, gốm...) ngày càng mai một, chưa có nhiều sản phẩm đặc thù, số lượng còn ít và quy mô nhỏ, công tác quảng bá, tiếp thị sản phẩm còn hạn chế. Các chương trình trải nghiệm để giới thiệu đến du khách nét văn hóa đặc trưng của cư dân bản địa chưa được đầu tư bài bản để khai thác tối đa các nét đẹp văn hóa của địa phương. Doanh nghiệp tổ chức đưa khách đến điểm DLCĐ phần lớn có quy mô nhỏ, sức cạnh tranh và năng lực đầu tư hạn chế, chưa có nhiều sản phẩm dịch vụ làm gia tăng giá trị du lịch nên nguồn thu từ du lịch còn thấp, chưa có những nguồn khách lớn và ổn định, nhiều mô hình đã được khai thác tuy nhiên không được đầu tư làm mới, không tiếp tục hấp dẫn được khách du lịch. Tính liên kết của cộng đồng với các công ty lữ hành trong phối hợp khai thác du lịch cộng đồng chưa được tăng cường, chưa có cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan một cách công bằng, hợp lý.

Nguồn vốn đầu tư cho DLCĐ còn hạn chế, chủ yếu nguồn vốn cá nhân (hộ gia đình riêng lẻ) nên việc đầu tư về chất lượng dịch vụ, cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch còn chưa tốt, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và biện pháp xử lý chất thải. Các dự án du lịch đầu tư trên diện tích đất nông nghiệp nên việc xây dựng các công trình (lưu trú, dịch vụ) gặp khó khăn vì không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc phải điều chỉnh lại quy hoạch, vướng mắc thủ tục đầu tư dẫn đến việc chậm triển khai dự án. Ngoài ra, sự suy giảm tài nguyên du lịch văn hoá cộng đồng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu văn hoá dẫn tới những thay đổi trong tập quán, lối sống, bản sắc của người dân địa phương làm cho việc phát triển sản phẩm dịch vụ DLCĐ gặp nhiều khó khăn.

Bản sắc văn hóa của địa phương bị ảnh hưởng do người dân làm du lịch chạy theo xu hướng thương mại hóa, quá coi trọng lợi nhuận trước mắt làm giảm

tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch. Dịch vụ DLCĐ của các hộ kinh doanh manh mún, chắp vá, không theo quy hoạch, không phản ánh được quy mô, tính chất của không gian văn hoá thu nhỏ của dân tộc mình. Một số phong tục, lễ hội, các làn điệu dân ca dân vũ, trang phục dân tộc, nghề thủ công truyền thống có nguy cơ mai một, kiến trúc nhà truyền thống ở một số nơi dần bị thay thế bởi các kiến trúc hiện đại, bê tông hóa. Điển hình như tại tỉnh Sơn La, nhiều hộ, điểm, bản kinh doanh DLCĐ chưa gìn giữ được những nét văn hóa truyền thống, làm mất đi bản sắc văn hóa bản địa khiến không gian văn hóa nhà sàn truyền thống của các bản DLCĐ bị lai tạp, ảnh hưởng về đẹp và bản sắc riêng hay như ở Nghệ An, công tác bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ tài nguyên du lịch chưa được triển khai đồng bộ, có một số địa bàn người dân tháo dỡ nhà truyền thống để xây nhà tầng khang trang làm cơ sở đón khách lưu trú hoặc mua sắm các thiết bị loa, máy tăng âm không phù hợp để phục vụ trình diễn văn nghệ dân gian.

Nguồn nhân lực phục vụ còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, ngoại ngữ không đáp ứng kịp yêu cầu phát triển, nhận thức của người dân về tầm quan trọng và ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch cũng như giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình chưa cao, tính liên kết cộng đồng chưa chặt chẽ, từ quản lý đến tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch, chủ yếu vẫn là lao động chưa có tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn thấp, hầu hết nhân lực phục vụ là con cháu trong nhà theo hình thức “cây nhà lá vườn”. Cán bộ quản lý tại các điểm du lịch chưa được đào tạo về chuyên môn, kỹ năng quản lý, cán bộ quản lý du lịch cấp huyện còn khá mỏng, chưa có người làm công tác du lịch mà chủ yếu là kiêm nhiệm. Sự phối hợp giữa các ngành và địa phương có lúc có nơi chưa chặt chẽ. Ngoài ra, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 một lượng lớn lao động đã chuyển dịch ngành nghề bao gồm số lao động đã được đào tạo, dẫn đến thiếu hụt lao động, nhiều nhân viên tuyển mới chưa qua đào tạo.

Qua đó, quản lý nhà nước đối với PTDLCD cho thấy vẫn còn thiếu các chính sách, các đánh giá định lượng mức độ, kết quả, hiệu quả của QLNN về DLCĐ chưa cao, hiện nay từ trung ương đến địa phương chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể trong việc triển khai các hoạt động DLCĐ, chưa có các chính sách cụ thể hỗ trợ cho PTDLCD và còn do các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với PTDLCD như: Các yếu tố khách quan: yếu tố về tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hoá và các yếu tố về hội nhập quốc tế và sự phát triển của KHCN; Các yếu tố chủ quan như: hệ thống pháp luật về du lịch của quốc gia, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và mô hình tổ chức bộ máy quản lý của chính quyền địa phương các cấp.

2.5. Thực trạng đầu tư, hỗ trợ tài chính phát triển du lịch cộng đồng

Ưu tiên nguồn lực đầu tư PTDLCD là hết sức cần thiết góp phần nâng cao chất lượng và tính hấp dẫn của chương trình du lịch, nâng cao đời sống người dân và tạo ra những sản phẩm du lịch đặc sắc để thu hút khách. Đây cũng được coi là một phương thức xóa đói giảm nghèo, đặc biệt tại những cộng đồng khó khăn, tạo thêm nguồn sinh kế, việc làm ổn định, cải thiện đời sống người dân để gắn bó với quê hương. Sự quan tâm của chính quyền địa phương, kịp thời ban hành các chính sách, chiến lược hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển du lịch, đặc biệt là DLCĐ, sự tranh thủ nguồn lực trên mọi lĩnh vực để phát triển kinh tế, đặc biệt những nguồn lực

trong dân đã tạo điều kiện thuận lợi cho loại hình DLCĐ được hình thành trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, khai thác và hưởng lợi đang có sự phát triển mạnh mẽ, có sức lan tỏa lớn. Tuy nhiên, công tác đầu tư PTDLCD còn gặp phải nhiều bất cập khó khăn trong quá trình triển khai, cụ thể như:

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ phía nhà nước còn hạn chế, chưa có sự thống nhất trong các chương trình đầu tư phát triển du lịch mang tính tổng thể, cơ sở hạ tầng du lịch chưa đồng bộ như: giao thông, nhà vệ sinh đạt chuẩn, nhà văn hóa cộng đồng, gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm, hệ thống điện nước, bãi đỗ xe... chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, nguồn lực đầu tư cho PTDLCD chủ yếu từ các hộ gia đình nên việc đầu tư cơ sở vật chất và năng lực nghiệp vụ, dịch vụ còn hạn chế, một số địa phương có tiềm năng phát triển nhưng chưa được hỗ trợ kịp thời nên chưa phát huy hết tiềm năng. Các dự án đầu tư về du lịch chậm triển khai, công tác giải phóng mặt bằng có chi phí lớn, các nhà đầu tư chiến lược mới dừng ở việc nghiên cứu, lập kế hoạch. Một số địa phương như Quảng Ninh có đề án PTDLCD nhưng kinh phí còn lồng ghép trong hoạt động của các địa phương nên hiệu quả chưa thực sự rõ ràng. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động du lịch tại các thôn, bản có tiềm năng du lịch ít được đầu tư, còn thiếu các công trình thiết yếu phục vụ nhu cầu ăn, nghỉ, vui chơi giải trí của khách du lịch gây khó khăn cho du khách và các đơn vị lữ hành trong tiếp cận điểm đến và phục vụ du khách tại điểm đến. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ DLCĐ còn thiếu đồng bộ, chưa được đầu tư đúng mức, chưa phát huy hết giá trị văn hóa của các dân tộc để tạo thành các sản phẩm độc đáo, mới lạ. Công tác đầu tư, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống còn nhiều khó khăn, nhiều di sản mới dừng lại ở công tác kiểm kê và nhận diện mà chưa có biện pháp bảo tồn hiệu quả⁶.

Vấn đề đầu tư cho giữ gìn, bảo tồn văn hoá chưa đồng bộ, nhận thức của một số bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương về PTDLCD chưa đầy đủ. Công tác bảo tồn văn hóa, cảnh quan môi trường, kiến trúc làng bản truyền thống, truyền dạy nghề và các làn điệu dân ca dân vũ chưa được quan tâm đúng mức. Việc quản lý quy hoạch chưa được tăng cường hiệu lực hiệu quả. Một số nơi xây dựng đường theo tiêu chí nông thôn mới không phù hợp với PTDLCD, vẫn còn tình trạng nhầm lẫn giữa mục tiêu xây dựng làng VHDLCD và phong trào xây dựng làng văn hóa dẫn đến số lượng và chất lượng chưa đảm bảo, đầu tư xây dựng nhà văn hoá, nhưng việc phát huy hiệu quả sử dụng trong phát triển du lịch không cao. Việc xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch chưa được quan tâm đầu tư, chủ yếu là tận dụng các yếu tố văn hoá sẵn có của dân tộc, địa phương mình, như: kiến trúc nhà sàn, trang phục truyền thống, ẩm thực, văn hoá công chiêng... chưa phát huy tập quán lao động sản xuất truyền thống để tạo sản phẩm, chương trình trải nghiệm du lịch, kéo dài thời gian lưu trú, tăng thu nhập. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch cộng đồng còn nhiều bất cập chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, như: Chưa quy hoạch bãi đỗ xe; hệ thống biển chỉ dẫn chưa đồng bộ, đầy đủ (chỗ có, chỗ không); đường giao thông, nhất là đường trong các bản, buôn được đầu tư theo chương trình xây dựng nông thôn mới nhưng chưa phù hợp với PTDLCD, không gian sinh hoạt văn hoá cộng đồng, nhà văn hoá chưa phát huy hiệu quả, sử dụng

⁶ Tham khảo Bảng 2 phần phụ lục Đề án

không cao, phần đa chưa có mô hình nhà trưng bày văn hoá đáp ứng yêu cầu khách tham quan. Còn nhiều khó khăn trong việc phát triển các làng nghề thủ công truyền thống thành điểm du lịch làng nghề nên chưa có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng. Theo thống kê trong những năm gần đây thì chính sách hỗ trợ phát triển DLCĐ đã chú ý hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển DLCĐ, chúng ta có thể tham khảo thông qua biểu hỗ trợ về đào tạo, tập huấn⁷.

Ngân sách đầu tư cho du lịch trong thời gian qua còn hạn hẹp, việc thu hút đầu tư và hỗ trợ tài chính cho du lịch cộng đồng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nên chưa xây dựng được các sản phẩm DLCĐ và các dịch vụ phục vụ khách du lịch để đáp ứng nhu cầu thị trường về cả số lượng và chất lượng, hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch chưa được đầu tư tương xứng, vẫn còn thực hiện theo kế hoạch trong ngắn hạn, chưa xây dựng được thương hiệu du lịch địa phương, cơ sở hạ tầng giao thông còn khó khăn chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia PTDLCĐ. Điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn nên việc tự đầu tư về cơ sở vật chất, tạo môi trường cảnh quan phục vụ khách du lịch còn hạn chế và chưa thực sự kêu gọi được mạnh mẽ sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương cho PTDLCĐ. Bên cạnh đó, đời sống người dân tại các khu vực có tiềm năng PTDLCĐ đang chủ yếu dựa vào hoạt động nông nghiệp nên thu nhập còn thấp và không có đủ nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất thiết yếu cho các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Một số nơi như ở Hà Giang, chính sách đặc thù của địa phương để thúc đẩy hỗ trợ PTDLCĐ đã được tăng cường, tuy nhiên chưa đầu tư phát triển tập trung, nguồn kinh phí hỗ trợ chưa đủ mạnh và có tính liên tục. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập toàn cầu và sự lên ngôi của công nghệ 4.0 đã bước đầu nâng cao nhận thức của các địa phương trong việc bố trí kinh phí tích cực tham gia hội nhập, xúc tiến quảng bá, áp dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển các sản phẩm du lịch nói chung trong đó có loại hình DLCĐ⁸.

Các địa phương chưa có chính sách đặc thù, thiếu định hướng từ phía cơ quan quản lý nhà nước để khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, người dân tham gia phát triển mô hình du lịch cộng đồng, một số địa phương chưa quan tâm đến PTDLCĐ, nhận thức của người dân ở các điểm có tiềm năng PTDLCĐ còn hạn chế. Phần lớn họ chưa thấy được tầm quan trọng của PTDLCĐ đối với nâng cao đời sống xã hội và phát huy giá trị văn hóa địa phương nên sự liên kết giữa chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp lữ hành còn lỏng lẻo, bất cập, các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí tại các điểm DLCĐ còn thiếu vì thế chưa hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm DLCĐ mang tính đặc trưng và đồng bộ để hấp dẫn khách du lịch.

Như vậy có thể thấy, vì thiếu khung chính sách tổng thể từ Trung ương nên mỗi tỉnh/thành phố lại có chính sách hỗ trợ DLCĐ riêng không thống nhất, như Ninh Thuận, Bắc Giang thì có chính sách hỗ trợ cụ thể cho từng điểm du lịch và xác định được tổng mức kinh phí cho cả giai đoạn hỗ trợ, còn tại Thừa Thiên Huế lại chỉ hỗ trợ với mức chung chung nhưng không chế ở mức trần tối đa hỗ trợ cho 1 điểm DLCĐ (1 tỷ). Vì về cơ bản các địa phương chưa có căn cứ pháp lý, chính

⁷ Tham khảo tại Bảng 3 phần phụ lục Đề án

⁸ Tham khảo tại Bảng 4 phần phụ lục Đề án

sách, định mức hỗ trợ cụ thể nên mới chỉ đưa ra mức hỗ trợ chung cho cả giai đoạn đầu tư PTDLCD.

2.6. Thực trạng nguồn nhân lực phát triển du lịch cộng đồng

Nguồn nhân lực lao động trong DLCĐ được xem là những người làm việc và hưởng thu nhập, lợi ích từ việc trực tiếp tham gia xây dựng và cung cấp sản phẩm du lịch cho khách du lịch (dịch vụ homestay, nhà nghỉ, các hoạt động du lịch sinh thái nhỏ, dịch vụ hướng dẫn và mang vác hành lý đối với các tour du lịch xuyên rừng, leo núi, biểu diễn các chương trình văn hóa, văn nghệ, dịch vụ ăn uống, các cửa hàng lưu niệm và thủ công mỹ nghệ...) hoặc sản xuất và bán các sản phẩm (tiêu dùng, lương thực, thực phẩm, rau hoa quả, đặc sản...) cho các cơ sở kinh doanh du lịch hoặc tham gia làm việc (thường xuyên và bán thời gian) trong các doanh nghiệp du lịch.

Điểm mạnh, thuận lợi, Sau 2 năm bị ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, hoạt động DLCĐ đã thể hiện thế mạnh và sức thu hút du lịch đáng kể đối với thị trường nội địa. Nhiều nơi như Mai Châu (Hòa Bình), Mù Cang Chải (Yên Bái), Mộc Châu (Sơn La), một số bản ở Hà Giang... vẫn đón được khách trong năm 2020 và 2021, kể cả những thời điểm khó khăn nhất của ngành du lịch. DLCĐ đã góp phần tạo việc làm, nâng cao sinh kế của người dân địa phương.

Dân cư các dân tộc ít người còn gìn giữ được nhiều phong tục, tập quán truyền thống, nhiều làng nghề truyền thống được lưu giữ, bảo tồn là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nói chung và DLCĐ nói riêng. Các dân tộc thiểu số sống tập trung tại các huyện vùng núi, đồng bằng sông Cửu Long đã tạo sự đa dạng văn hóa, giàu bản sắc các dân tộc, nhiều nơi người dân tổ chức được các hoạt động tại điểm đến hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước như biểu diễn văn nghệ, nghệ thuật dân gian, giới thiệu trang phục truyền thống, nhiều trò chơi dân gian lễ hội, bán hàng, nấu các món ăn đồ uống đặc sản sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hướng dẫn khách tham gia sinh hoạt cùng các gia đình trong cộng đồng, thực hành một số công đoạn sản xuất nghề truyền thống như trồng lúa, dệt vải, vẽ sam ong, làm bánh... đưa khách đi thăm quan trong khu vực... Tại các điểm DLCĐ, hầu hết được đánh giá cao về thái độ người dân với khách đến và người phục vụ khách. Sự nhiệt tình, hiếu khách, tính cách chăm chỉ và chân thật của người dân bản địa là những thế mạnh của DLCĐ tại Việt Nam.

Hạn chế, khó khăn, Nhiều nơi người dân trong cộng đồng còn thiếu kiến thức và kỹ năng, lúng túng trong cách tổ chức phục vụ và giao tiếp với khách. Phần lớn người dân chỉ quen sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, mặc dù đã được hỗ trợ đào tạo các kỹ năng giao tiếp ứng xử, đón tiếp và phục vụ khách nhưng tiếp thu còn hạn chế. Việc tổ chức xúc tiến quảng bá, xây dựng thực đơn, thiết kế bữa ăn, phục vụ lưu trú, tính giá, tổ chức tour, hướng dẫn tại điểm, ứng dụng công nghệ thông tin còn thiếu chuyên nghiệp. Vấn đề vệ sinh nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu do phong tục, cách sống của người dân. Hầu hết người dân các điểm DLCĐ đều chưa biết đến bộ tiêu chuẩn TCVN 13259:2020 Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 và các tiêu chuẩn DLCĐ của ASEAN nên chưa nắm rõ được các yêu cầu về chất lượng.

Vấn đề xã hội nảy sinh, Quy tắc ứng xử đối với các bên tham gia hoạt động DLCĐ chưa được xây dựng và phổ biến rộng rãi ở nhiều nơi. Hiện tượng đeo bám, chèo kéo khách du lịch và bán hàng rong vẫn diễn ra, có nguy cơ tệt nạn xã hội phát sinh do những khách có hành vi xấu. Cá biệt một số địa phương có tình trạng chạy theo thu nhập nên trẻ em lơ là việc học để phục vụ khách, đi bán hàng. Nhận thức của người dân về tầm quan trọng và ý thức bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, môi trường du lịch chưa được nâng lên đáng kể, ý thức phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc còn hạn chế.

Nguyên nhân: Nguồn lực tham gia hoạt động du lịch còn thiếu. Chính sách hỗ trợ của nhà nước cho phát triển du lịch cộng đồng còn hạn chế, chưa kích thích người dân mạnh dạn tham gia. Chưa có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và từ các tổ chức đối với du lịch cộng đồng về vốn đầu tư, miễn giảm thuế, hướng dẫn thủ tục cho người dân tộc thiểu số làm dịch vụ đón khách du lịch nên nhiều người dân muốn triển khai phục vụ khách du lịch nhưng không có điều kiện. Sự hỗ trợ chủ yếu tập trung vào đào tạo tập huấn trong khi người dân cần có thêm nguồn lực tài chính để đầu tư nhằm làm phong phú dịch vụ, đáp ứng nhu cầu khám phá và trải nghiệm của du khách.

Nhận thức của chính quyền các cấp và cộng đồng về vấn đề DLCĐ còn hạn chế, cần có các chuyên gia về du lịch tư vấn thông qua các hình thức khác nhau phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của địa phương. Các địa phương người dân có xuất phát điểm thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, dân cư thưa thớt, không có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp hàng hóa; năng lực quản lý cộng đồng về hoạt động dịch vụ du lịch, xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, nhiều hộ gia đình thu nhập thấp ít có cơ hội tham gia vào các hoạt động DLCĐ do không đủ nguồn lực tài chính để đầu tư. Công tác đầu tư, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống còn nhiều khó khăn. Nhiều di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc mới được kiểm kê và nhận diện, chưa có biện pháp bảo tồn hiệu quả. Việc liên kết phối hợp giữa những người làm du lịch chưa cao, chưa thể hiện rõ trong việc chia sẻ lợi ích tại các điểm DLCĐ⁹.

2.7. Thực trạng phát triển du lịch cộng đồng gắn với phát triển kinh tế vùng nông thôn

DLCĐ thời gian qua đã tạo được sinh kế để người dân, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống, từng bước xóa đói, giảm nghèo, nâng cao nhận thức và làm thay đổi thói quen phá rừng, đốt nương, làm rẫy, góp phần quan trọng vào công tác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, bảo tồn, gìn giữ bản sắc và các giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề truyền thống, ẩm thực truyền thống, khai thác và phát huy các thế mạnh về tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như du lịch văn hóa của đại phương thành các sản phẩm du lịch hấp dẫn, đồng thời quảng bá, giới thiệu hình ảnh điểm đến du lịch địa phương đến với khách du lịch. Nhờ đó, DLCĐ phát triển đã thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia vào các hoạt động cung ứng dịch vụ như: dịch vụ lưu trú, công tác hướng dẫn khách du lịch, dịch vụ xe ôm, khuân vác hành lý, biểu diễn văn nghệ, chế tác trang sức và bán thổ cẩm ...

⁹ Tham khảo thông tin tại Bảng 5 phần phụ lục Đề án

Như ở Lào Cai (tập chung chủ yếu tại Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên và Thành phố Lào Cai) một địa phương có hoạt động DLCĐ khá phát triển trong cả nước, thu nhập trung bình của các hộ làm DLCĐ khoảng từ 50-70 triệu đồng/năm, cá biệt có những hộ gia đình làm hiệu quả đạt doanh thu từ 150-200 triệu/năm. DLCĐ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao quyền năng cho phụ nữ và nữ dân tộc thiểu số; tác động tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo. Lào Cai được đánh giá là tỉnh đi đầu trong các nước về phát triển du lịch cộng đồng, đóng góp của ngành du lịch trong cơ cấu GRDP của tỉnh giai đoạn 2015-2020 là 15%. Như ở Khánh Hòa, DLCĐ đã từng bước phát triển, lượng khách bình quân qua các năm tại mỗi điểm DLCĐ đạt từ 1.000 -1.500 lượt khách/năm, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Còn với Quảng Ninh, khách DLCĐ có xu hướng tăng khoảng 10% năm, riêng năm 2019 lượng khách DLCĐ khoảng 0,9 triệu lượt khách, ty nhiên so với tổng số 14 triệu lượt khách thì còn khá khiêm tốn. Hay như tại Huyện đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi, tính đến năm 2019, toàn huyện có 62 hộ gia đình kinh doanh dịch vụ homestay, nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư mua sắm trang thiết bị, xe máy... phục vụ khách du lịch. Năm 2018 lượng khách lưu trú tại nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) khoảng 36.500 lượt khách, năm 2019 đã thu hút khoảng 53.000 lượt khách sử dụng loại hình DLCĐ khi đến tham quan Lý Sơn. Chi tiêu từ khách du lịch sử dụng loại hình DLCĐ trung bình khoảng 700.000đ/ngày/khách.

Tại Huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi, Hợp tác xã DLCĐ Gò Cỏ đã đầu tư khai thác hoạt động du lịch từ cuối năm 2019, thu hút được khách du lịch nội địa và quốc tế đến tham quan với các dịch vụ homestay, hội bài chòi, hát hó Gò Cỏ, đội thuyền thúng phục vụ khách ngắm biển, gành đá hoang sơ... DLCĐ làng Gò Cỏ là sản phẩm OCOP 3 sao của tỉnh Quảng Ngãi. Từ tháng 4/2022 đến nay đã đón được khoảng 2.000 lượt khách đến tham quan trải nghiệm văn hóa địa phương. Giai đoạn 2013 - ước năm 2022 và các điểm DLCĐ Thanh Hóa đón được khoảng 10.600.000 nghìn lượt khách, tốc độ phát triển bình quân giai đoạn đạt 7,4%/năm (trong đó khách quốc tế là 2 184.000 lượt khách, tốc độ phát triển bình quân 12,9%/năm), ngày lưu trú bình quân của khách quốc tế là 2,5 ngày/người/lượt và khách du lịch nội địa là 1,65 ngày/người/lượt, tổng thu du lịch giai đoạn 2013 - ước 2022 đạt khoảng 13.100 tỷ đồng, tốc độ phát triển bình quân giai đoạn đạt 16,5%/năm. Tại Yên Bái, mỗi gia đình tham gia DLCĐ có thể đón khoảng 10-50 du khách, giá một tối nghỉ khoảng 80 đến 100.000 đồng/người. Du khách có nhu cầu ăn uống được tính từ 100.000-50.000 đồng/suất ăn. Đối với mỗi hộ gia đình, một năm trung bình đón khoảng từ 1500-2000 lượt khách/năm, số ngày lưu trú trung bình: 1/2 ngày.

Thừa Thiên Huế trong giai đoạn từ 2016 - 2019, Tốc độ tăng trưởng bình quân về lượt khách đến giai đoạn này đạt khoảng 12%/năm, trong đó cơ cấu khách du lịch quốc tế chiếm tỷ trọng từ 40 - 45%, số lượt khách đến Thừa Thiên Huế từ 81.500 lượt (1990) đã đạt hơn 4,8 triệu lượt (2019). Doanh thu du lịch tăng bình quân khoảng 14%/năm, từ 154 tỷ năm 1990 đã tăng lên 4.900 tỷ vào năm 2019. Riêng với DLCĐ, sở hữu 17 điểm, lượng khách DLCĐ vẫn còn khá khiêm tốn, trung bình hàng năm cũng đón được khoảng 300.000 lượt khách, thu nhập từ dịch vụ và DLCĐ ước đạt 100 tỷ đồng/năm, dù chưa nhiều nhưng lợi ích an sinh xã hội rất đáng khích lệ, DLCĐ đã thu hút được nhiều lao động của vùng nông thôn, các

thôn bản tham gia vào dịch vụ du lịch tại cộng đồng, góp phần tạo việc làm ổn định cho hàng trăm lao động và chuyển dịch thời gian nông nhàn sang các ngành nghề, dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch, nâng cao bước đầu nhận thức về DLCĐ và phát triển du lịch bền vững cho người lao động trong vùng có phát triển DLCĐ.

Tỉnh Quảng Nam sở hữu 19 điểm DLCĐ, năm 2018 đón được gần 1,6 triệu lượt/6,52 triệu lượt khách du lịch, tăng gần 10 lần so với năm 2015 (140 nghìn lượt); Doanh thu từ DLCĐ đạt 39,4 tỷ đồng tăng 8 lần so với 2015 (5 tỷ đồng) trên tổng số 6.486 tỷ đồng thu nhập du lịch toàn tỉnh; lao động DLCĐ: năm 2018, Quảng Nam có 247 hộ gia đình tham gia hoạt động DLCĐ, trong đó có 800-900 lao động trực tiếp và khoảng 2.050 lao động gián tiếp. Như vậy lượng khách đến với DLCĐ là khá lớn (20-30%) trong tổng lượng khách du lịch tại Quảng Nam, nhưng tỷ lệ doanh thu từ DLCĐ còn khá khiêm tốn vì chưa biết khai thác hết tiềm năng điểm đến (chỉ đạt 39,4/6.486 tỷ đồng), thời gian tới cần đầu tư xây dựng sản phẩm DLCĐ đặc trưng, hấp dẫn hơn để ra tăng trải nghiệm, tăng khả năng chi tiêu cũng như thời gian lưu trú, trải nghiệm văn hóa ban đêm của khách du lịch tại các điểm DLCĐ.

Ngoài ra, các sản phẩm DLCĐ kết hợp với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương đã phát huy được sản phẩm truyền thống đặc sắc của từng địa phương, như tại các bản làng văn hóa dân tộc Tày, Mông, Lô Lô, Nùng, Dao, Pó Y, Pà Thẻn... Hà Giang hay một số tỉnh sông nước Đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi, tiêu thụ lượng lớn sản phẩm nông, lâm sản, nghề truyền thống... thu nhập bình quân hàng năm của các hộ gia đình ở đây đạt 300 triệu đồng/năm. Một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác du lịch ở xã Thanh Toàn - Thị xã Hương Thủy, thôn Dối, huyện Nam Đông, xã Pê Lê, A Nôr, huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế từ khi có nguồn hỗ trợ từ DLCĐ, trung bình hàng năm đã đón được khoảng 300.000 lượt khách đến với loại hình du lịch này, doanh thu, thu nhập từ dịch vụ và DLCĐ ước đạt 100 tỷ đồng/năm, còn Cà Mau năm 2018 đón được 156.322 lượt khách với doanh thu 114,5 tỷ đồng, năm 2019 đón được 168.500 lượt khách với doanh thu 129 tỷ đồng, Đắk Lắk hàng năm hoạt động DLCĐ trung bình đón trên 10.000 lượt khách/năm, doanh thu và thu nhập đạt 3 tỷ đồng/năm, ổn định cho khoảng 100 lao động và chuyển dịch khoảng 20% thời gian nông nhàn sang các ngành nghề, dịch vụ.

Theo báo cáo của các địa phương, đến năm 2022, trên cả nước có khoảng 350 làng, bản, buôn, thôn, xóm có hoạt động DLCĐ trải dài theo 7 vùng địa lý từ Bắc đến Nam gồm: Hà Giang: có 32 điểm, Bắc Giang: 33 điểm, Yên Bái: 6 điểm, Hưng Yên: 3 điểm, Hải Dương: 2 điểm, Quảng Ninh: 8 điểm, Sơn La: 11 điểm; Lào Cai: 19 điểm, Lai Châu: 7 điểm, Phú Thọ: 3, Thái Nguyên: 5, Bắc Kạn: 4, Hòa Bình: 10, Ninh Bình: 9 điểm, Thanh Hóa: 21 điểm, Nghệ An: 8 điểm, Quảng Ngãi: 7 điểm; Thừa Thiên - Huế: 17 điểm; Quảng Nam: 19 điểm, Đà Nẵng: 3 điểm, Ninh Thuận: 2 điểm, Lâm Đồng: 6 điểm, Đắk Lắk: 6 điểm, Bình Định: 6, Bình Thuận: 4, Gia Lai: 4 điểm, Sóc Trăng: 3 điểm, Tây Ninh: 4 điểm, Vĩnh Long: 8 điểm, Hậu Giang: 6 điểm, Tiền Giang: 6 điểm, Long An: 5 điểm, Bến Tre: 4 điểm, Trà Vinh: 5 điểm, Cần Thơ: 12 điểm, Bình Dương: 4 điểm, Cà Mau: 15 điểm. Sự khác nhau giữa các địa bàn ảnh hưởng đến tỷ lệ khách DLCĐ cao hay thấp, các tỉnh miền núi như Sơn

La, Hà Giang, Hòa Bình,... lượng khách đến với các bản, làng xa xôi nên loại hình DLCĐ là sản phẩm chủ đạo nơi đây cần tập chung hỗ trợ đầu tư phát triển (Sơn La 40% tổng lượng khách toàn tỉnh), ở miền núi phía Bắc chúng ta hoàn toàn có tiềm năng, lợi thế tốt để khai thác loại khách này, tuy nhiên do điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng phục vụ khách du lịch còn chưa đảm bảo nên doanh thu không cao (bình quân 70.000đ đến 100.000đ/đêm ngủ/khách, ăn sáng 50.000đ/khách). Còn tại các điểm DLCĐ gắn với nông nghiệp như ở Làng rau Trà Quế, Quảng Nam, Làng hoa Sa Đéc, Đồng Tháp thì số khách lưu trú ở lại thấp, chi tiêu ngắn ngày, sản phẩm chưa hấp dẫn, chủ yếu là khách du lịch tham quan trong ngày còn họ quay lại các đô thị/thành phố để nghỉ ngơi, nên lượng khách đến lưu trú với loại hình DLCĐ còn thấp (khách lưu trú DLCĐ ở Quảng Nam có khoảng 5%/tổng số khách du lịch toàn tỉnh). Việc thu nhập từ nguồn khách DLCĐ vẫn chưa đảm bảo được cho các hộ gia đình và cộng đồng tại các điểm nên vẫn chưa thu hút được lực lượng lao động tại chỗ tham gia phát triển DLCĐ (vẫn coi là nghề tay trái trong lúc nông nhàn) cũng như thu hút nguồn vốn đầu tư tập trung, đồng bộ để đảm bảo cho DLCĐ phát triển bền vững.

Có thể nói, DLCĐ đã thu hút được nhiều lao động của vùng nông thôn, các thôn bản tham gia vào dịch vụ du lịch tại cộng đồng, góp phần tạo việc làm ổn định cho hàng trăm lao động và chuyển dịch thời gian nông nhàn sang các ngành nghề, dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch, nâng cao bước đầu nhận thức về DLCĐ và phát triển du lịch bền vững cho người lao động trong vùng có phát triển DLCĐ, như điểm DLCĐ làng Triêm Tây, Cơ Tu, cộng đồng làng chài ven biển An Bàng tại Quảng Nam, nhờ có phát triển DLCĐ theo đúng định hướng, bước đầu đem lại hiệu quả qua việc thị trường khách du lịch ngày càng mở rộng, lượng khách không ngừng tăng, sản phẩm du lịch từng bước được đa dạng, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao, công tác quản lý nhà nước ngày càng được đẩy mạnh, công tác đầu tư, phát triển, kinh doanh du lịch được chú trọng, công tác xã hội hóa được quan tâm, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, vai trò chủ thể của người dân ngày càng được thể hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Ngoài ra, DLCĐ còn góp phần nâng cao đời sống, nâng cao cơ hội giao lưu tiếp xúc, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân địa phương đặc biệt là cộng đồng các dân tộc thiểu số, những đối tượng yếu thế trong xã hội. Việc mở rộng hoạt động du lịch đến các làng bản, thôn ấp,... đã tạo ra cơ hội việc làm, tăng thu nhập nên thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia vào các hoạt động cung ứng dịch vụ như: cung ứng dịch vụ lưu trú, công tác hướng dẫn khách du lịch, cung cấp dịch vụ xe ôm, khuân vác hành lý, biểu diễn văn nghệ, mua sắm thổ cẩm,... Từ những vùng, địa phương kinh tế còn khó khăn, miền núi, ven biển, hải đảo nhờ hoạt động du lịch, sinh kế của người dân đã được cải thiện rõ rệt, từng bước bắt kịp những tỉnh, địa phương có hoạt động kinh tế - xã hội phát triển.

2.8. Thực trạng du lịch cộng đồng gắn với bảo vệ môi trường

Nét đặc sắc của không gian sinh hoạt văn hóa, nếp nhà sàn, các phong tục tập quán truyền thống, trang phục, ẩm thực, lễ hội, nghề thủ công,... là lợi thế rất lớn để phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa các

dân tộc. Tính hoang sơ, nguyên bản của tài nguyên du lịch là điều kiện rất tốt cho phát triển DLCĐ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống xã hội của người dân tại các vùng nông thôn. Người dân có thêm thu nhập, có thêm vốn đầu tư trang trải cho các hoạt động kinh doanh của mình để phục vụ khách tốt hơn. Đây là một đặc trưng của phát triển du lịch gắn với tạo việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội của cộng đồng dân cư địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác du lịch đã còn tồn tại khá nhiều vấn đề bất cập, ảnh hưởng đến phát triển du lịch DLCĐ phát triển du lịch bền vững của địa phương. Cụ thể như:

Bên cạnh Bản Sin Súi Hồ, Lai Châu là không gian cư trú của hơn 100 hộ dân người H'Mông. Người dân bản rất chú trọng bảo vệ môi trường, vệ sinh đường bản sạch sẽ, trồng nhiều cây xanh - đặc biệt là địa lan, tạo nên một không gian “xanh - sạch - đẹp” rất đáng sống, hoặc tại Topas Ecolodge Sapa, Lào Cai có trách nhiệm bảo vệ môi trường bền vững bằng việc hạn chế sử dụng một lần đối với các sản phẩm từ nhựa, xây dựng hệ thống xử lý nước thải và lò thiêu rác và đang cho vận hành hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến của châu Âu, nước thải sau khi qua xử lý (hết hóa chất) được sử dụng tưới cây, hoa, rác thải sau khi xử lý qua lò đốt được sử dụng như phân bón hữu cơ, sử dụng bón cây và hoa thì tại Thị trấn Mù Cang Chải, Yên Bái chưa có hệ thống xử lý rác thải, nước thải. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân trên địa bàn thị trấn thải trực tiếp ra môi trường, ra hệ thống sông, suối. Dòng Nậm Kim chảy qua thị trấn chưa được cải tạo triệt để, dòng nước đục với ngồn ngang đất đá, vật liệu gây ảnh hưởng lớn đến mỹ quan, cảnh quan. Các hộ dân kinh doanh homestay còn mang tính tự phát, thiếu kinh nghiệm, chất liệu xây dựng homestay và thiết kế cảnh quan cộng đồng homestay chưa thực sự thân thiện với môi trường (bê tông hóa, vật liệu kim khí)

Tỉnh lộ 132 là tuyến đường độc đạo đi Dào San - Sì Lở Lầu, Lai Châu nhiều đoạn xuống cấp nghiêm trọng, đường nhỏ hẹp, đèo dốc quanh co và hạ tầng giao thông tại Sin Suối Hồ còn nhiều hạn chế, đường tỉnh nối thành phố Lai Châu với với bản Sin Suối Hồ nhỏ hẹp, nhiều đoạn xuống cấp, nhiều đoạn có nguy cơ xảy ra sạt lở vào mùa mưa bão là thử thách lớn cho khách du lịch đến nơi đây hay hạn chế khi ở đây chưa có bãi đỗ xe, chưa có điểm bán hàng lưu niệm, thiếu nhà vệ sinh công cộng, chưa có khuôn viên chung phục vụ khách vui chơi giải trí, đặc biệt với đối tượng khách gia đình có trẻ em, chưa có không gian biểu diễn văn hóa văn nghệ cộng đồng, thiếu các dịch vụ tắm lá thuốc, giặt là, bể bơi, tập gym, cho thuê xe đạp...

Còn tại Hòn Sơn, Lại Sơn, Kiên Giang hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn hạn chế. Bến tàu Nam Du quá bé, đường giao thông trên đảo xuống cấp, ẩm thấp và rất nhiều rác thải sinh hoạt. Sức chứa của các cơ sở lưu trú không đáp ứng đủ nhu cầu với lượng khách du lịch ngày càng gia tăng, một số cơ sở lưu trú mọc lên tự phát, chưa đăng ký kinh doanh, cơ sở vật chất phòng nghỉ, buồng nghỉ thiếu thốn, sự khan hiếm phòng nghỉ thường xuyên xảy ra, nhất là vào các mùa cao điểm du lịch. Rác thải và xử lý rác thải là vấn đề bất cập lớn nhất đang đặt ra cho quần đảo Nam Du và đảo Lại Sơn, Kiên Giang. Đảo Nam Du chưa có nhà máy xử lý rác thải, đảo Lại Sơn tuy đã có nhà máy xử lý rác thải nhưng công suất nhỏ, không xử lý được hết khối lượng rác khổng lồ. Tình trạng rác thải bừa bãi tại các khu dân cư, khu kinh doanh, thậm chí ngay bên cạnh các bãi tắm

đẹp ở các đảo này đã gây ảnh hưởng lớn tới cảnh quan du lịch và môi trường sống. Thiếu thùng đựng rác, bảng, biển chỉ dẫn, tuyên truyền bỏ rác đúng nơi quy định cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng xả rác bừa bãi của cả người dân địa phương và khách du lịch.

PHẦN 3. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI VIỆT NAM

1. Quan điểm phát triển

- PTDLCD phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội, với chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên văn hóa, đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh, quốc phòng. Phát triển DLCĐ gắn với thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo khả năng tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ công, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, dân tộc ít người.

- PTDLCD đa dạng và bền vững các sản phẩm, mô hình sản xuất nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới kết hợp phát triển bền vững du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ, làng nghề truyền thống.... tương xứng vị thế, tiềm năng, thế mạnh, nguồn lực của mỗi địa phương.

- Tranh thủ huy động mọi điều kiện, nguồn lực nhằm khai thác có hiệu quả các điều kiện, tiềm năng và thế mạnh để PTDLCD tại địa phương; ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư PTDLCD tại các địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo; Thực hiện đề án gắn chặt với việc lồng ghép nguồn kinh phí với các chương trình mục tiêu, đề án, dự án của chương trình hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP để thúc đẩy PTDLCD, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- PTDLCD là nhiệm vụ quan trọng trong tổng thể phát triển ngành du lịch, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy các lợi thế tự nhiên, tài nguyên, thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, góp phần giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa, cảnh quan, không gian và bảo vệ môi trường.

2. Yêu cầu

- Xác định định hướng phát triển du lịch cộng đồng theo từng vùng, miền làm căn cứ cho các địa phương xây dựng thương hiệu du lịch cộng đồng đặc sắc, riêng có, tránh sự trùng lặp giữa vùng núi, vùng đồng bằng, vùng biển và các miền, đồng thời nâng cao công tác quản lý về du lịch; thể hiện được tính liên kết vùng trong hoạt động du lịch cộng đồng trên phạm vi cả nước, tạo ra bức tranh tổng thể về du lịch cộng đồng, từ đó hỗ trợ công tác đánh giá, quy hoạch chung cũng như đưa ra các chính sách hỗ trợ phù hợp.

- Phân đầu tất cả các địa bàn có tiềm năng PTDLCD được triển khai đề án đều có xây dựng mô hình phát triển loại hình DLCĐ, tạo động lực làm cơ sở thúc đẩy các loại hình du lịch khác, gắn kết chặt chẽ các ngành nghề/hoạt động mới tại các vùng nông thôn.

- Khuyến khích các điểm DLCĐ, chủ thể các mô hình được học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau và nhân rộng mô hình DLCĐ thành công, được đánh giá theo

Tiêu chuẩn quốc gia về DLCĐ (TCVN 13259:2020)¹⁰ và Tiêu chuẩn DLCĐ của ASEAN.

- Đến năm 2025: có ít nhất 30% điểm DLCĐ được tham gia đánh giá, phân hạng về mức hài lòng của khách du lịch đạt mức đánh giá khá trở lên, trong đó, ít nhất 10% điểm DLCĐ đạt mức tốt.

- Đến năm 2030: Cơ bản phát triển đồng bộ sản phẩm du lịch cộng đồng tại các trung tâm du lịch lớn, nơi có lượng khách du lịch tập trung đông.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng và lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn

a) Về khôi phục, bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển DLCĐ

Các địa phương cần nghiên cứu, tranh thủ tận dụng tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (dự kiến tổng mức vốn để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là 137.664,959 tỷ đồng), còn về đầu tư hỗ trợ phát triển du lịch cụ thể nêu tại dự án 6: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” (dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện dự án 6: 5.984,059 tỷ đồng), đồng thời các địa phương lên kế hoạch chủ động bố trí, cân đối nguồn kinh phí của địa phương để thực hiện dự án và tiếp tục nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg để xây dựng những cơ chế chính sách phù hợp với tình hình địa phương nhằm huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ đầu tư, thúc đẩy phát triển văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu số gắn với phát triển DLCĐ, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, dân tộc ít người.

Cần ưu tiên các hoạt động hỗ trợ, đầu tư liên quan đến các nội dung hỗ trợ mà trong Hướng dẫn thực hiện Dự án số 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 nêu tại Quyết định số 677/QĐ-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg trên, trong đó có đầu tư, hỗ trợ các hoạt động khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số như: tổ chức chương trình khảo sát, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức lễ hội, nghiên cứu bảo tồn văn hóa, văn nghệ, làng nghề truyền thống, xây dựng và xúc tiến quảng bá sản phẩm đặc trưng phục vụ phát triển du lịch, hỗ trợ đầu tư di tích, trang thiết bị, kiến trúc, trang phục, ẩm thực, thiết chế văn hóa, nghiên cứu xây dựng các mô hình văn hóa, mô hình sinh thái... phục vụ PTDLCĐ. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát, định kỳ đánh giá kết quả tình hình hoạt động để đảm bảo công tác triển khai thành công các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

¹⁰ Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ

b) Về hỗ trợ phát triển DLCĐ trong xây dựng nông thôn mới

Các địa phương cần nghiên cứu, tranh thủ tận dụng tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương trong việc triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình tối thiểu là 196.332 tỷ đồng) để cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống gắn với thúc đẩy phát triển mô hình DLCĐ.

Và tận dụng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư khi triển khai Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cụ thể qua việc đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững. Tận dụng nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước để nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn,) và thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái, tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường, gắn với phát triển loại hình DLCĐ tại khu vực nông thôn nhất là khu vực nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

c) Về hỗ trợ phát triển DLCĐ trong Chương trình OCOP

Các địa phương cần nghiên cứu, tranh thủ tận dụng tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương ngân sách trung ương được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 qua việc triển khai Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 để phát huy sáng tạo và sức mạnh cộng đồng trong sản xuất và hình thành các sản phẩm gắn với giá trị cộng đồng và các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương, đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa.

Nâng cao vai trò của các hội/hiệp hội/Câu lạc bộ và cộng đồng địa phương trong triển khai, khai thác và phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP gắn với bảo tồn

sản phẩm, kỹ năng truyền thống, danh tiếng của cộng đồng trong việc khai thác PTDLCD tại địa phương. Tập trung việc hỗ trợ phát triển, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng các tour, tuyến, điểm DLCĐ, từng bước xây dựng, chuẩn hóa Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho nhóm sản phẩm, dịch vụ DLCĐ phục vụ khách du lịch. Ưu tiên phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, văn hóa của địa phương, đặc biệt là sản phẩm các làng nghề, nghề truyền thống, dịch vụ DLCĐ.

d) Giải pháp liên quan khác

Tiến hành rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về du lịch cộng đồng, đảm bảo thống nhất với các ngành, lĩnh vực liên quan. Ban hành chính sách ưu đãi về đất đai để huy động nguồn lực đầu tư tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng. Ưu tiên nguồn lực cho công tác quy hoạch, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

3.2. Giải pháp về hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

Thứ nhất, Rà soát, lựa chọn nơi phát triển du lịch cộng đồng, cần rà soát và lựa chọn cụ thể những địa điểm, thôn/bản/làng/xã/phường tiêu biểu để phát triển DLCĐ căn cứ các tiêu chí sau:

- *Có tài nguyên hấp dẫn*, hội tụ tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên văn hóa, có sản phẩm địa phương, phù hợp để xây dựng mô hình du lịch cộng đồng. Ví dụ: có cảnh quan sinh thái (núi đồi thảo nguyên, sông nước miền quê, cánh đồng lúa, chè..., đầm sen/súng, các mùa hoa...), cảnh quan nông trại, nông nghiệp các miền (nông thôn thời khẩn hoang Nam bộ, ruộng bậc thang, ruộng đồng bằng Bắc Bộ), làng cổ, bản, làng nghề truyền thống (cây/hoa cảnh, vườn trái cây đặc sản muối, làm các nông phẩm như các món ăn từ bột: tráng bánh đa, làm miến, mỳ..., nuôi trồng thủy hải sản), làng nghề thủ công (làm bột, rèn, đúc, chạm, khắc, bánh kẹo, đan lát, vẽ tranh, dệt vải, làm chiếu, cói, gốm sứ...), có nghề phụ lúc nông nhàn (dệt, thêu, đan lát...), ẩm thực với đặc sản địa phương... Có nét văn hóa đặc trưng (phong tục tập quán, trang phục...). Các khu, điểm tổ chức phát triển du lịch cộng đồng có thể là những khu vực đó có tài nguyên hoang dã còn nguyên vẹn đang bị tác động huỷ hoại cần được bảo tồn.

- *Có hoạt động cộng đồng nhiều năm*, có thể gắn kết giữa những người dân sinh sống trong vùng thành cộng đồng để cùng cung ứng dịch vụ cho khách du lịch. Có cộng đồng dân cư địa phương sinh sống trong hoặc liền kề với khu vực phát triển du lịch. Đặc biệt ưu tiên lựa chọn những làng nghề không gây ô nhiễm môi trường, những nơi có nguồn nước sạch. Khách có thể tham gia hoạt động sinh hoạt với của người dân. Yếu tố này rất quan trọng vì có một số nơi nhầm lẫn giữa việc có 1-2 hộ làm homestay là DLCĐ.

- *Người dân sẵn sàng hợp tác và có khả năng phục vụ khách*, việc người dân chưa có trình độ đón tiếp, phục vụ có thể cải thiện thông qua đào tạo, tập huấn. Thực tế cho thấy kể cả người dân chỉ nói tiếng dân tộc, không biết tiếng Kinh, tiếng Anh tại nhiều điểm DLCĐ cũng vẫn phục vụ khách rất tốt. Tuy nhiên quan trọng là sự hợp tác trong cộng đồng, sự hợp tác giữa các bên tham gia và mong muốn đón

khách của người dân sở tại. Để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư là người cung cấp chính các sản phẩm dịch vụ cho khách du lịch, họ giữ vai trò chủ đạo phát triển và duy trì các dịch vụ. Cộng đồng dân cư là người có trách nhiệm trực tiếp tham gia bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động bởi khách du lịch và khai thác của chính bản thân cộng đồng dân cư. Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gồm các yếu tố giao quyền cho cộng đồng, cộng đồng được tham gia khuyến khích và đảm nhận các hoạt động du lịch và bảo tồn tài nguyên môi trường. PTDLCĐ đồng nghĩa với đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ nguồn thu nhập du lịch cho cộng đồng giữa các bên tham gia.

- *Có khả năng cải tạo hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật* nếu hiện trạng chưa thuận tiện để đón khách du lịch: đường vào, nơi dừng chân, nơi ăn uống, bãi đỗ xe, bến tàu/thuyền, nơi lưu trú, các yếu tố an toàn...

- *Có khả năng thay đổi những tập quán không phù hợp* của người dân địa phương, ví dụ vệ sinh, nơi chăn nuôi, giết mổ gia súc...

Thứ hai, xây dựng kế hoạch và chương trình hành động dài hạn đối với đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, giữ cảnh quan, môi trường, đầu tư hạ tầng cho khu vực được lựa chọn. Đề xuất và xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích người dân tham gia phát triển du lịch như: Ưu đãi vốn, kết hợp nông nghiệp với du lịch, xây dựng sản phẩm DLCĐ gắn với chương trình phát xây dựng nông thôn mới và chương trình OCOP. Căn cứ kết quả rà soát, lựa chọn, chính quyền địa phương cấp xã/huyện xây dựng chương trình hành động dài hạn nhằm hình thành các mô hình DLCĐ gắn kết với du lịch nông thôn trên cơ sở lợi thế tiềm năng về văn hoá bản địa, ngành nghề thủ công truyền thống, sản xuất rau, hoa và cây ăn quả... trong việc kết hợp với chương trình OCOP. Có thể nghiên cứu xây dựng dự án PTDLCĐ gắn với xây dựng nông thôn mới, có thí điểm để sau đó lan tỏa triển khai diện rộng trên địa bàn tỉnh.

Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, nước thải vì du lịch phát triển sẽ gây sức ép lên môi trường. Hỗ trợ cho người dân trong cộng đồng vay vốn ưu đãi để đầu tư các dịch vụ lưu trú, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí, trang trại... Hướng dẫn các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất kỹ thuật cho người dân. Các công trình, cơ sở vật chất phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn an toàn, đủ điều kiện về phòng cháy và ứng phó khẩn cấp, sử dụng tối đa vật liệu địa phương, kiến trúc mang tính bản địa, đủ vật dụng tối thiểu, đáp ứng yêu cầu vệ sinh và thông gió tốt, không sử dụng động thực vật hoang dã cần bảo tồn, đủ sáng, đủ nước sạch, chú ý phục vụ được người khuyết tật. Tôn trọng những giá trị bản địa, giá trị cộng đồng thì du lịch có trách nhiệm là giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng đúng hướng và bền vững

Thứ ba, Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp hạ tầng cho các điểm có tiềm năng đón khách du lịch và tổ chức DLCĐ: đầu tư đường giao thông kết nối tới tận điểm DLCĐ đã lựa chọn (liên thôn, xã), đầu tư bãi đỗ xe, bến tàu/thuyền đảm bảo an toàn, biển chỉ dẫn tiếng Anh và tiếng Việt, trạm thông tin, hệ thống kỹ thuật, cấp điện, nước, thông tin, internet, đầu tư cải tạo cảnh quan, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải nhà vệ sinh cộng đồng, hệ thống

biển báo và biển chỉ dẫn du lịch, điểm check in ngắm cảnh, nhà DLCĐ, chợ.. Đường vào các điểm du lịch còn hoang sơ như thác, núi, hang động, bãi đá... Trong đó ưu tiên đầu tư cho các địa bàn trong diện nghèo đói mà cộng đồng dân cư có nguyện vọng làm du lịch; địa bàn vùng sâu, vùng xa có ưu thế PTDLCD như có truyền thống văn hóa dân tộc mang tính đặc thù, có nghề truyền thống hoặc có tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn.

Việc thiết kế tận dụng tối đa các vật liệu địa phương và hạn chế mức thấp nhất tác động vào thiên nhiên. Nghiên cứu các tiêu chuẩn TCVN 13259:2020 Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 và Tiêu chuẩn du lịch cộng đồng của ASEAN để có định hướng đầu tư ngay từ ban đầu.

Thứ tư, Huy động các nguồn lực để hỗ trợ vốn ban đầu cho các gia đình, các thành viên cộng đồng có thể tạo cơ sở vật chất nhằm PTDLCD.

Đẩy mạnh xã hội hóa du lịch tại các khu vực có đủ điều kiện PTDLCD. Tăng cường liên kết để tranh thủ tối đa sự trợ giúp của các tổ chức trong nước và quốc tế, kiều bào nước ngoài đóng góp hỗ trợ đồng tộc xây dựng quê hương... để huy động sức mạnh tổng hợp các nguồn lực tài chính hỗ trợ cho cộng đồng phát triển dịch vụ du lịch. Sử dụng một phần kinh phí của các chương trình phát triển hạ tầng du lịch, xây dựng nông thôn mới cho PTDLCD theo cách thức phù hợp để hỗ trợ trực tiếp cho cộng đồng. Người dân thiếu vốn nếu được tiếp cận nguồn vốn để đầu tư, gia cố, sửa chữa, nâng cấp và mua sắm các trang thiết bị phục vụ khách du lịch tại các cơ sở homestay, điểm mua sắm, dùng chân ăn uống sẽ có cơ hội tham gia phục vụ khách. Có thể nghiên cứu việc hỗ trợ vốn gắn với xây dựng nông thôn mới như hỗ trợ hộ dân có nhà ở cho khách du lịch thuê hay còn gọi là homestay vay vốn 50 đến 200 triệu đồng/1 hộ, thời hạn 3 năm, với lãi suất thấp, đối với hộ nghèo thì không tính lãi (nguồn kinh phí cho vay tùy điều kiện từng địa phương, có thể từ nguồn ngân sách của huyện ủy thác qua ngân hàng chính sách).

Thứ năm, Tập trung xây dựng mô hình nhà ở cho khách du lịch thuê (Homestay), nhà cộng đồng, nhà vệ sinh công cộng, nơi ăn uống đạt tiêu chuẩn để gây dựng hạt nhân cho hoạt động cộng đồng, từ đó nhân rộng mô hình, phát triển các dịch vụ ăn, nghỉ phục vụ khách.

Địa điểm phục vụ khách du lịch lưu trú tại các điểm du lịch cộng đồng chủ yếu là Homestay. Phổ biến rộng rãi các tiêu chuẩn TCVN 7800:2017 Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay), Tiêu chuẩn homestay ASEAN và Tiêu chuẩn Du lịch cộng đồng của ASEAN, Tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng của ASEAN, quy tắc ứng xử, công tác bảo vệ môi trường... làm căn cứ cho việc định hướng chất lượng và quản lý hành vi khách. Việc thiết kế nhà cần sử dụng tối đa những vật liệu sẵn có của địa phương, như tranh tre, gỗ, củi, vỏ sò vỏ ốc, đồ vải dệt và thêu tại chỗ (như thổ cẩm, lụa...) tránh đồ nhựa và bê tông hóa. Khu vệ sinh phục vụ khách cần được đầu tư đảm bảo yêu cầu. Từ những mô hình chuẩn có thể nhân rộng thành nhiều điểm dịch vụ.

Thứ sáu: Khai thác tài nguyên thiên nhiên để tổ chức cho khách tham gia các hoạt động có lợi cho sức khỏe sử dụng nguyên liệu thiên nhiên sẵn có tại địa

phương như tắm/ngâm chân lá thuốc, spa, tắm khoáng... các hoạt động thể thao dựa vào thiên nhiên như trekking, chèo thuyền, chèo mảng, câu cá, đi xe đạp, lặn biển... Việc khai thác này cần nghiên cứu kỹ về động thực vật, sự đa dạng sinh học, các sản vật, địa hình và các phong tục của địa phương, có phương án phòng ngừa rủi ro, quản lý khách. Thu hút đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động du lịch thể thao, mạo hiểm tại những nơi có thể tổ chức loại hình này (zip line, nhảy dù, dù lượn, leo núi, vượt thác, trekking trong rừng, lặn biển...).

3.3. Giải pháp về thị trường, xúc tiến quảng bá, liên kết phát triển sản phẩm

Thứ nhất, đẩy mạnh khai thác các nguồn khách đến với các điểm DLCĐ

Xác định phát triển các sản phẩm DLCĐ khác biệt, có khả năng cạnh tranh cao dựa trên lợi thế nổi trội về TNTN và văn hóa của từng địa phương, phù hợp với nhu cầu du lịch của thị trường khách ưa thích thiên nhiên, văn hóa bản địa, muốn đóng góp cho cộng đồng địa phương.

Cần đẩy mạnh khai thác tốt thị trường khách du lịch nội địa, khách từ các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng... đến các điểm DLCĐ trong cả nước; Cần lồng ghép việc quảng bá các sản phẩm, điểm đến DLCĐ vào các chiến dịch quảng bá du lịch trong nước của các địa phương, hỗ trợ người dân các kỹ năng về quảng bá du lịch, hỗ trợ truyền thông DLCĐ trên các mạng xã hội.

Nghiên cứu tạo dựng và phát triển các phân khúc thị trường quan tâm và có ý thức đối với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa như đối với thị trường khách du lịch quốc tế trên thế giới, chú trọng thị trường khách nội vùng ASEAN, Nhật Bản và khách thị trường xa châu Âu, Úc là các thị trường khách cần quan tâm thu hút. Mặc dù xu hướng khách trong thời gian tới là đi các điểm đến gần, tuy nhiên, các thị trường xa nêu trên vẫn là các thị trường tiềm năng cần phát triển cho du lịch cộng đồng tại Việt Nam; Khách nước ngoài là người làm việc tại các đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam, những người làm trong các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ....

Lựa chọn thị trường mục tiêu: Khách nội địa là giới trẻ, sinh viên, người đi làm tầm tuổi từ 20 đến 50, những hội nhóm nhiếp ảnh, phượt... những doanh nhân năng động, những người sống ở các đô thị; Quan tâm đẩy mạnh phát triển thị trường du lịch giáo dục, du lịch học đường đến các điểm đến DLCĐ. Đây là thị trường lớn, vô tận của các điểm đến DLCĐ; Nghiên cứu tạo ra một phong trào staycation trong nước, khơi dậy lòng tự hào về quê hương, về địa phương mình đang sống nhằm đẩy mạnh hoạt động du lịch tại điểm đến bằng chính những du khách tại địa phương hoặc các khu vực lân cận.

Thứ hai, đẩy mạnh xây dựng sản phẩm DLCĐ

Rà soát và đánh giá tính hiệu quả các hoạt động xúc tiến quảng bá trên nguyên tắc và yêu cầu PTDLCD. Xây dựng sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường: Tổ chức khảo sát, căn cứ nhu cầu và tài nguyên của khu du lịch để xây dựng sản phẩm cho từng nhóm thị trường mục tiêu. Mỗi địa phương cần xây dựng phương án lựa chọn loại hình sản phẩm để làm định hướng PTDLCD, cần nghiên cứu sản

phẩm gắn với bản sắc văn hóa của các đồng bào các DTTS và gắn với khai thác tối đa lợi thế từ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP.

Kịp thời cung cấp thông tin các sản phẩm và dịch vụ mới, ưu thế nổi trội, đặc trưng riêng có đến các đơn vị lữ hành, thị trường khách mục tiêu nhằm quảng bá những sản phẩm dịch vụ của chính mình đến với khách du lịch được nhanh chóng và hiệu quả hơn. Các sản phẩm sau khi đã xây dựng hoàn thiện nên thông tin tới doanh nghiệp để có cam kết cùng khai thác và hưởng lợi.

Thứ ba, Hỗ trợ quảng bá xúc tiến du lịch các điểm du lịch cộng đồng

Kết hợp sử dụng nguồn lực của nhà nước và tư nhân, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong xúc tiến du lịch. Tập trung xây dựng thương hiệu du lịch chung cho địa phương và thương hiệu cho từng điểm đến. Cần lựa chọn đúng chủ đề, và hình ảnh chung cho cả vùng để từ đó phân công thực hiện nhiệm vụ cho hiệu quả. Trong quá trình hoạt động, các điểm DLCĐ cần từng bước xây dựng thương hiệu cho địa phương mình.

Đón các đoàn famtrip, presstrip khảo sát trải nghiệm và tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư phát triển du lịch của tỉnh; tăng cường giới thiệu, quảng bá hình ảnh văn hóa, thiên nhiên, con người của địa phương tại các Hội chợ du lịch thường niên trong nước và quốc tế như: VITM, Tây Bắc, ITE ...tham gia sự kiện tại các tỉnh và khu vực

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, dành kinh phí cử cán bộ tới tham khảo kinh nghiệm tại các điểm DLCĐ thành công trong và ngoài nước; Tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng về công nghệ thông tin, hiệu ứng các trang mạng xã hội để đăng tải các thông tin, hình ảnh về điểm đến, quảng bá cho các dịch vụ của gia đình và cộng đồng lên các trang mạng xã hội. Từ đó, gia tăng hiệu ứng phát triển nông thôn mới gắn liền với hoạt động du lịch bền vững, thu hút khách du lịch.

Phối hợp với các cơ quan truyền thông, các báo, đài của Trung ương và địa phương xây dựng các bài viết, phóng sự, chuyên trang chuyên mục, clips, phim quảng bá về DLCĐ của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng, công nghệ thông tin, trên các phương tiện truyền thông trong và ngoài nước, đặc biệt là thông tin, hình ảnh về các điểm làng/bản DLCĐ, tuyên truyền, giới thiệu về tiềm năng, phong tục tập quán độc đáo, bản sắc văn hóa đặc sắc...

Đặt các bất thông tin về du lịch, phát hành bản đồ du lịch, sách ảnh du lịch, tờ rơi du lịch bằng song ngữ; Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chủ động tư vấn, cung cấp thông tin về các điểm du lịch cho các hãng lữ hành, du khách qua điện thoại, các trang web và hộp thư điện; Tham gia liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tổ chức du lịch trong toàn quốc nhằm trao đổi khách và khai thác hiệu quả tuyến DLCĐ.

3.4. Giải pháp về quy hoạch, khuyến khích đầu tư

Việc nghiên cứu ban hành khuyến nghị các giải pháp về quy hoạch, khuyến khích đầu tư tại các điểm DLCĐ cần cụ thể, thiết thực và rõ ràng theo lợi thế và đặc

trung riêng có của mỗi địa phương, điều này là rất cần thiết và cần phải gắn chặt sự kết hợp của bốn “nhà”: (1) Trước hết là chủ nhân của điểm du lịch - người dân cần phải tự nguyện tham gia một cách sáng tạo, có quy chế hoạt động thiết thực, dân chủ; (2) Cộng đồng là chủ nhân cho nên phải được hưởng lợi phù hợp; (3) Nhờ doanh nghiệp, điểm DLCĐ mới phát triển được, doanh nghiệp đóng vai trò cung cấp khách nhưng đồng thời cũng đóng vai trò hỗ trợ một phần cho cộng đồng, tập huấn cho cộng đồng; (4) Cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, hỗ trợ tài chính, xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù cho các điểm DLCĐ. Chỉ có sự kết hợp chặt chẽ giữa người dân, doanh nghiệp và nhà nước một cách cơ hữu, mật thiết thì mới phát triển bền vững DLCĐ, đặc biệt là sau ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nhằm giúp sớm phục hồi sự tăng trưởng bền vững của du lịch trong thời gian tới, cụ thể:

Thứ nhất: Về quy hoạch, hỗ trợ đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực tại các điểm DLCĐ:

Tổ chức vận động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trình độ dân trí về bảo tồn môi trường văn hóa, ý thức trách nhiệm của cán bộ, cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn và bảo tồn phát huy giá trị di sản; tuân thủ các quy định, tiêu chí xây dựng môi trường văn hóa của điểm đến, đặc biệt về duy trì trang phục, ẩm thực và ngôn ngữ dân tộc thiểu số, về ứng xử văn minh với khách du lịch.

Hỗ trợ tổ chức cho các hộ khởi nghiệp làm DLCĐ đi học tập kinh nghiệm tại các mô hình DLCĐ điển hình, ưu tiên cho cộng đồng dân tộc thiểu số; chú trọng kinh nghiệm về quản lý, phân cấp quản lý, trao quyền cho cộng đồng trong việc xây dựng và bảo vệ môi trường văn hóa; phân chia hợp lý thu nhập, hài hòa lợi ích từ hoạt động du lịch.

Nghiên cứu, xây dựng và áp dụng bộ tài liệu hướng dẫn quản lý vận hành, chuẩn hóa về hành vi và lối sống văn hóa trong hoạt động DLCĐ; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ du lịch; kỹ năng quản lý, kinh doanh, xúc tiến quảng bá du lịch; kỹ năng đón tiếp phục vụ khách; thiết kế cảnh quan, không gian; kỹ năng chế biến món ăn truyền thống; kỹ năng dàn dựng và biểu diễn; ngoại ngữ; ứng dụng tin học, duy trì và tương tác trực tuyến trên website, mạng xã hội giới thiệu sản phẩm DLCĐ.

Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các trường học, cơ sở đào tạo, các ban quản lý/câu lạc bộ tại địa phương, các cán bộ chuyên trách và đội ngũ chuyên gia, hướng dẫn trực tiếp tham gia phát triển DLCĐ.

Thứ hai: Về quy hoạch, hỗ trợ bảo tồn văn hóa dân tộc phục vụ phát triển DLCĐ

Nghiên cứu và lựa chọn các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số đặc sắc của từng địa phương để phát triển sản phẩm du lịch gắn với xây dựng và bảo tồn MTVH như: tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian, tri thức dân gian.

Bảo tồn vật tư thiết bị nhạc cụ, đạo cụ, loại hình nghệ thuật truyền thống, văn nghệ dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian; hình thành đội văn nghệ biểu diễn

phục vụ du lịch; truyền dạy từ các nghệ nhân đi trước sang thế hệ sau, hỗ trợ các nghệ nhân cao tuổi.

Bảo tồn phong tục tập quán, ẩm thực, trang phục, lễ hội, kiến trúc, nghề thủ công truyền thống phục vụ phát triển du lịch.

Đầu tư, cải tạo nhà ở truyền thống của người dân tộc thiểu số, khu bếp, nhà vệ sinh, cảnh quan sân vườn; bổ sung trang thiết bị; cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo các điều kiện đón tiếp khách du lịch.

Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng; tổ chức không gian trưng bày sản phẩm, giới thiệu phong, tục tập quán xã hội, nét văn hóa truyền thống, đặc sắc tới du khách.

Phát triển làng nghề, nghề truyền thống; sản phẩm lưu niệm, đặc sản; mô hình sản xuất, tiêu thụ gắn với giới thiệu sản phẩm phục vụ du lịch; ưu tiên các nghề truyền thống: dệt thổ cẩm, thủ công mỹ nghệ...

Thứ ba: Về quy hoạch, hỗ trợ phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật môi trường văn hóa DLCĐ

Hỗ trợ xây dựng mô hình thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải chăn nuôi, cung cấp nước sạch, xử lý nước thải tại các điểm DLCĐ.

Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đường, hệ thống đèn chiếu sáng, công nghệ thông tin, wifi, điểm sinh hoạt văn hóa công cộng, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, điểm dịch vụ, điểm vui chơi giải trí công cộng...

Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe, bến thuyền, nhà hàng, nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn, địa điểm trưng bày giới thiệu, mua sắm.

Lắp đặt biển chỉ dẫn giao thông, thuyết minh điểm đến và biển báo, bảng chỉ dẫn dịch vụ tại khu, điểm du lịch.

Hỗ trợ, nghiên cứu các điều kiện để khai thác xây dựng các công trình dịch vụ du lịch trên đất nông nghiệp để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, cần chú trọng nội dung quy hoạch sử dụng đất đối với đất nông nghiệp có thể kết hợp du lịch dịch vụ nhằm phát huy giá trị đất nông nghiệp nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất và không ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan, không gian, kiến trúc.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng thí điểm một (01) hoặc nhiều mô hình du lịch cộng đồng tại những các địa phương có lợi thế về du lịch làm mô hình thí điểm Làng nghề du lịch cộng đồng.

Thứ tư: Về quy hoạch, hỗ trợ xúc tiến, quảng bá sản phẩm, kết nối và thu hút khách du lịch

Hỗ trợ ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông minh, tích hợp được hình thức giao dịch thương mại điện tử trong hoạt động xúc tiến, quảng bá sản phẩm DLCĐ; xây dựng trang thông tin điện tử, các trang thông tin mạng xã hội giới thiệu về sản phẩm du lịch, hỗ trợ trong thời gian duy trì ban đầu.

Hỗ trợ thiết lập và tăng cường sự liên kết giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động DLCĐ, liên kết các dịch vụ cung ứng để hình thành sản phẩm du lịch, liên kết giữa các điểm đến và thị trường; mở rộng các chiến dịch truyền thông về sức khỏe, bảo vệ môi trường, chương trình nâng cao sự hiểu biết kinh tế - xã hội nói chung cho cộng đồng địa phương.

Tổ chức các chương trình khảo sát, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, hội chợ triển lãm kết nối các bên liên quan, các doanh nghiệp, nhà đầu tư, thị trường khách tới các khu, điểm du lịch.

3.5. Giải pháp về bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa

Thứ nhất, Chú trọng đến giải pháp duy trì môi trường sống và sinh hoạt bình thường của các cộng đồng dân cư tại các điểm DLCĐ. Đảm bảo các yếu tố về an ninh trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, nguồn tài chính, nguồn nhân lực, xây dựng, bảo tồn văn hóa trong hoạt động du lịch. Cần có những định hướng tốt, phù hợp, giải quyết hài hòa giữa lợi ích từ PTDLCD với gìn giữ môi trường kinh doanh, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng môi trường văn hóa giao tiếp lịch sự, phục vụ đảm bảo mục tiêu vừa góp phần tăng thu nhập cho cộng đồng, vừa tạo dấu ấn điểm đến DLCĐ thân thiện, văn minh và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Thứ hai, PTDLCD phải thực sự gắn với văn hóa của người dân bản địa và vì cuộc sống của người dân, chỉ khi nào người dân thực sự được hưởng lợi, lúc đó DLCĐ mới phát triển. Có chính sách quan tâm của nhà nước về tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tham gia làm DLCĐ, thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nhân lực, hỗ trợ công tác giới thiệu, quảng bá để thu hút du khách... Đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, quảng bá về giá trị, vai trò của các địa điểm DLCĐ trong việc xây dựng, bảo tồn văn hóa trong kinh doanh du lịch để các tổ chức, cộng đồng và cá nhân tại các địa phương khơi dậy ý thức tự hào, tinh thần trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc xây dựng những hình ảnh tốt đẹp nhất tại địa phương mình, phát huy các hoạt động DLCĐ phát triển bền vững. Khuyến khích người dân địa phương nhận thức rõ vai trò PTDLCD và có sự tham gia tự nguyện, tích cực cùng với niềm tự hào cũng như về quyền lợi, trách nhiệm. Quan tâm đẩy mạnh công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng, bảo tồn môi trường văn hóa trong hoạt động DLCĐ gắn với công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để các địa điểm DLCĐ thực hiện tốt công tác tổ chức, quản lý và khai thác tốt điểm đến. Nâng cao năng lực, nghiệp vụ thường xuyên cho các thành viên trong cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng cho hoạt động DLCĐ, bao gồm: tập huấn về nhận thức cho người dân, năng lực lập kế hoạch, phương án kinh doanh cho các thành viên tham gia phát triển du lịch cộng đồng như: công tác đón tiếp, hướng dẫn tour, tổ chức văn nghệ, ẩm thực, quà tặng, tập huấn kỹ năng giao tiếp, phục vụ khách, cách chế biến món ăn, thức uống đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm... đến đào tạo đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên, thuyết minh viên đảm bảo yếu tố chuyên nghiệp, các kỹ năng trình bày, giới thiệu thông tin đến du khách; xây dựng phong cách phục vụ tận tình, năng động, có hiệu

biết sâu kỹ nội dung cần truyền đạt và tạo không khí gần gũi, thân tình và ấm áp; đảm bảo các điều kiện để du khách tham gia khám phá, trải nghiệm đầy đủ các dịch vụ tại cơ sở kinh doanh của mình.

Thứ tư, Cần có cơ chế, chính sách bảo tồn, phát triển văn hóa phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia hoạt động DLCĐ có nhiều đóng góp nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động này phù hợp với nhu cầu từ thực tế của du khách. Đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường văn hóa lành mạnh tại các điểm DLCĐ, sự tham gia, hỗ trợ các cấp chính quyền địa phương, hội, đoàn thể để điều chỉnh, uốn nắn kịp thời những vấn đề xung đột, nổi cộm, tiêu cực, lãng phí, không minh bạch và tình trạng bắt ép du khách xảy ra. Tránh tác động tiêu cực về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; cần có các biện pháp quản lý tốt giảm thiểu nguy cơ phá vỡ môi trường tự nhiên, ô nhiễm và rác thải, tiếng ồn, tắc nghẽn giao thông; các nguy cơ về xã hội như đánh mất bản sắc cộng đồng, xuống cấp giá trị văn hóa, môi trường ứng xử và giao tiếp...

Thứ năm, Chú trọng đến công tác quy hoạch DLCĐ, việc đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ du khách gắn liền với phát triển các dịch vụ thương mại, buôn bán sản phẩm nông nghiệp của nhân dân, nơi sinh hoạt cộng đồng, khu ẩm thực, khu tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác để phục vụ du khách nhằm tạo ra môi trường kinh doanh DLCĐ có đầy đủ các nội dung phục vụ nhu cầu giải trí, ăn uống, vui chơi của du khách. Đề ra các giải pháp hiệu quả để giải quyết tốt chất lượng của các hoạt động dịch vụ DLCĐ như: bảo tồn văn hóa, làng nghề truyền thống, kỹ năng phục vụ, chất lượng sản phẩm, yếu tố giá cả phù hợp, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác an ninh trật tự, môi trường sinh thái...

Thứ sáu, Xây dựng, bảo tồn giá trị văn hóa đảm bảo các tiêu chí phù hợp để PTDLCD về tổ chức, giao tiếp, ứng xử trong hoạt động phục vụ du khách cũng như xây dựng hình ảnh điểm đến DLCĐ do nhân dân tự quản lý, tổ chức và khai thác... xây dựng phương án, thành lập Ban quản lý tại các điểm DLCĐ như một đơn vị đại diện kinh doanh lữ hành, trong đó có đại diện lãnh đạo chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội như Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên... Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh DLCĐ phải có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ với nhau trên nguyên tắc bình đẳng, cùng chia sẻ và cùng thừa hưởng quyền lợi công bằng như nhau, tránh tình trạng tranh giành, lôi kéo khách du lịch lẫn nhau dẫn đến môi trường đầu tư kinh doanh cạnh tranh, môi trường văn hóa ứng xử không lành mạnh và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, hoạt động du lịch chung.

3.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Để đạt mục tiêu phát triển đề ra, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch cộng đồng cần đạt được yêu cầu: theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, khuyến khích thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động toàn diện, nâng cao chất lượng nhân lực du lịch cả về quản lý nhà nước, quản trị cộng đồng và kỹ năng nghề du lịch, đa dạng các hình thức đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực du lịch; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch; tổ

chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương; tăng cường năng lực các cơ sở đào tạo, trường đào tạo nghề du lịch chất lượng cao tại các khu vực động lực phát triển du lịch. Các địa phương cần có kế hoạch tổ chức lực lượng hỗ trợ và phục vụ khách, tập huấn nghiệp vụ, có kế hoạch hỗ trợ người dân tộc thiểu số làm dịch vụ đón khách du lịch, đề xuất chính sách thuế/phí, hướng dẫn thủ tục...

Thứ nhất, Tổ chức mô hình hợp tác xã tương đối phù hợp với cộng đồng hiện nay. Tổ chức cộng đồng cần thành lập ban quản lý và các nhóm chuyên môn như nhóm ứng phó khẩn cấp, nhóm giám sát an toàn và vệ sinh, nhóm hướng dẫn viên, nhóm văn nghệ, nhóm nấu ăn... Nhiệm vụ và vai trò của các thành viên trong các nhóm cần được xác định rõ ràng. Việc liên kết phối hợp giữa những người làm du lịch cần thể hiện rõ trong việc chia sẻ lợi ích tại các điểm DLCD. Định hướng khai thác các giá trị ẩm thực, văn hóa nghệ thuật dân gian đặc sắc, nghề truyền thống, tài nguyên thiên nhiên của địa phương để có kế hoạch tổ chức lực lượng hợp lý.

Có thể có các hình thức khai thác sau: thành lập đội văn nghệ tại làng, xã, thôn, bản để phục vụ du khách. Tổ chức đào tạo nghề thuật truyền thống, phong cách biểu diễn cho người dân đặc biệt là thế hệ trẻ, mời người giảng dạy từ các trường văn hóa nghệ thuật và nghệ nhân trong cộng đồng. Phục dựng và tổ chức những lễ hội truyền thống (như Lễ hội xuống đồng, lễ hội Gầu Tào, Hát giao duyên, ngày mùa...), trò chơi dân gian phù hợp phục vụ nhu cầu tham quan tìm hiểu của du khách, kể cả các hình thức, nghi thức cầu cúng của người dân tộc...

Có thể nghiên cứu mô hình Hợp tác xã hoặc phát triển các nhóm nghề truyền thống, mời người có kinh nghiệm, nghệ nhân để truyền nghề cho các thế hệ trẻ, có sự tiếp nối làm nghề giữa các thế hệ. Thúc đẩy việc hình thành mô hình liên kết giữa công ty du lịch, công ty thương mại xuất khẩu các sản phẩm làng nghề với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là mô hình kinh tế thôn, bản, hộ gia đình gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Nghiên cứu xây dựng các chương trình (tour) du lịch thăm quan trong vùng với hướng dẫn viên là người trong cộng đồng, có thể kết hợp với hướng dẫn viên của Công ty lữ hành.

Thứ hai, Nâng cao nhận thức: Mời các chuyên gia về du lịch tư vấn thông qua các hình thức khác nhau phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của địa phương.

Thứ ba, Nâng cao kỹ năng làm DLCD cho người dân địa phương: Tăng cường hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng, chú trọng đào tạo tại chỗ và đào tạo lại. Xây dựng chương trình, nội dung, tài liệu đào tạo và tổ chức đào tạo tại chỗ cho ban quản lý và các cá nhân tham gia phục vụ khách với các nội dung đào tạo thiết thực, chú trọng hình thức “cầm tay chỉ việc”, phổ biến kinh nghiệm từ các gương điển hình, khảo sát thực tế và thực hành.

Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho người phục vụ khách trong cộng đồng: thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nghiệp vụ với nội dung trọng điểm đào tạo về nghiệp vụ phục vụ khách. Mời giảng viên/ giáo viên là chuyên gia về DLCD, các đào tạo viên quốc gia về du lịch có chuyên môn và có kinh nghiệm để tổ chức tập

huấn tại chỗ với phương châm “cầm tay chỉ việc”, cách thức dễ hiểu, dễ nhớ và cử chuyên viên phụ trách lĩnh vực DLCĐ bám sát cơ sở để kịp thời hỗ trợ cho bà con trong quá trình làm du lịch.

Cần lồng ghép việc hướng dẫn bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải, vệ sinh nông thôn Xanh - Sạch - Đẹp trong các khóa tập huấn. Về hành động, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hoá địa phương của cộng đồng; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường để tạo sự hấp dẫn du lịch; tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư được đầu tư phát triển du lịch.

Tổ chức cho những người quản lý, người làm DLCĐ, các hộ kinh doanh homestay giao lưu, trao đổi và học tập kinh nghiệm các mô hình kinh doanh du lịch cộng đồng đã thành công trong nước và kinh nghiệm của quốc tế trong khu vực (Lào, Thái Lan, Campuchia, Malaysia) để nâng cao nhận thức và nghiên cứu triển khai (start up), đặc biệt ưu tiên người dân tộc thiểu số.

Tập trung các nội dung đào tạo cho tất cả người dân trong cộng đồng về sơ cứu ban đầu, phòng ngừa rủi ro, du lịch bền vững, thực hành quản lý môi trường và bảo vệ môi trường (các động thực vật cần bảo vệ, đa dạng sinh học, hành vi và sản phẩm thân thiện với môi trường...), nguyên tắc về vệ sinh, chăm sóc khách hàng và dịch vụ, giao tiếp (gồm giao lưu/nhận thức văn hóa, giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ), các quy tắc ứng xử cho các khách hàng, nhấn mạnh trách nhiệm của khách du lịch để cư xử với người dân địa phương một cách tôn trọng, tránh gây hại đến môi trường, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13259:2020 Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Quyết định số 3941/QĐ-BKH-CN ngày 31/12/2020 và các tiêu chuẩn du lịch cộng đồng của ASEAN, quy định và hướng dẫn của tổ chức. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư địa phương hiểu rõ về truyền thống văn hóa địa phương nguyên bản, giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của khu vực, giá trị bản sắc văn hóa địa phương để từ đó khai thác phát huy trong việc PTDLCD.

Tập huấn, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho các nhóm chuyên môn theo tính chất, chức năng của từng nhóm và người dân trong cộng đồng thường xuyên và định kỳ. Nội dung đào tạo chuyên sâu: Với hướng dẫn viên/thuyết minh viên tại điểm đào tạo kiến thức, kỹ năng thuyết trình, kiến thức về du lịch bền vững và cách thức cung cấp các tour du lịch chất lượng liên quan đến trải nghiệm môi trường, văn hóa và sinh kế địa phương, kỹ năng phiên dịch và làm việc nhóm. Với nhóm ứng phó khẩn cấp đào tạo về sơ cứu cơ bản, sử dụng bộ dụng cụ sơ cứu, ứng phó các tình huống và quản lý rủi ro. Với chủ nhà cung cấp dịch vụ lưu trú và ăn uống đào tạo nghiệp vụ quản lý homestay, nghiệp vụ buồng, vệ sinh khi chuẩn bị đồ ăn và nơi khách ngủ, kỹ năng cùng các tiêu chuẩn phục vụ đón tiếp khách và dịch vụ, quản lý nhóm. Người dân chưa có kỹ năng phục vụ khách cần được tập huấn nguyên tắc vệ sinh để đạt chuẩn về vệ sinh và quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm, thiết kế bữa ăn, tính giá, quy trình phục vụ..., tính giá, nghiệp vụ, quy trình kỹ thuật và kỹ năng trình bày/chế biến món ăn đồ uống, bàn, bar, dinh dưỡng bữa ăn và chuẩn bị thực đơn cơ cấu các bữa ăn, cách phục vụ bữa sáng chọn món buffet với đoàn khách đông, cách phục vụ khách đặc biệt như ăn chay hay ăn kiêng và các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của Ban quản lý CBT...

Với ban quản lý đào tạo về nghiệp vụ quản lý, marketing, xúc tiến du lịch, xây dựng sản phẩm của cộng đồng gắn với tiềm năng du lịch và truyền thống của địa phương, kỹ năng khởi nghiệp, công nghệ mới, hệ thống đặt chỗ và quản lý khách, nhận và trả lời thông tin...

Ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin. Liên kết với các đơn vị cung ứng giải pháp (như FPT), cho người hoạt động trong du lịch làm quen với các công nghệ mới và các phần mềm quản lý tiên tiến áp dụng trong khách sạn, tích cực thực hiện chuyển đổi số.

Thứ tư, Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong cộng đồng để đảm bảo trách nhiệm của các bên tham gia. Xây dựng các bộ quy tắc ứng xử đối với khách du lịch và những người cung cấp dịch vụ lưu trú, cung cấp thức ăn và đồ uống, tổ chức tour du lịch, hướng dẫn viên. Có thể tham khảo Bộ quy tắc ứng xử du lịch cộng đồng trong Tiêu chuẩn Du lịch cộng đồng ASEAN để xây bộ quy tắc ứng xử cho cộng đồng cụ thể. Đặc biệt lưu ý sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch với chủ trương là cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi hợp pháp từ hoạt động du lịch.

Thứ năm: Khuyến khích nâng cao trình độ, thúc đẩy và khuyến khích các thành viên trong cộng đồng học nghề và học lên cao.

Thứ sáu: Khen thưởng tổ chức các cuộc thi và giải thưởng cho sự sáng tạo và ý tưởng mới trong cộng đồng, những gương điển hình tốt.

Tôn vinh kịp thời những lao động có chuyên môn tốt, tay nghề cao, đạt nhiều thành tích trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt những người có đóng góp với cộng đồng và ngành du lịch, có sáng kiến tốt về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Các hội thi nghề như lễ tân, buồng, chế biến món ăn, bartender, hướng dẫn viên... được tổ chức trước đây đã góp phần nâng cao lòng yêu nghề, chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng của nhân viên các bộ phận trong du lịch. Cơ quan quản lý du lịch, các hiệp hội du lịch, hiệp hội nghề, các chủ đầu tư hàng năm có chương trình tôn vinh, khen thưởng và tuyên truyền quảng bá cho các cá nhân có thành tích nổi trội, được khách đánh giá cao, có những hành vi tốt, tuyên truyền rộng rãi, tạo phong trào thi đua và nhân rộng các gương điển hình trong ngành du lịch nói chung và các cộng đồng du lịch nói riêng.

3.7. Giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường

Thứ nhất, Rà soát, triển khai các giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường đối với hoạt động du lịch cộng đồng. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thực hiện chương trình bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên tại các điểm DLCD. Tuân thủ các quy tắc, nguyên tắc phòng tránh, giảm thiểu, tái sử dụng và cải tiến các sản phẩm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, văn hóa và xã hội tại các điểm đến. Định kỳ báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường. Cam kết từ các tổ chức, đơn vị, cộng đồng kinh doanh du lịch sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, bố trí đội ngũ chuyên trách thực hiện bảo vệ môi trường, có đánh giá, hướng dẫn thực hiện và nhắc nhở, cố vấn, động viên cộng đồng đưa ra các ý tưởng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng và giải quyết các hoạt động phát sinh trong kinh doanh tại các điểm DLCD.

Thứ hai, Tuyên truyền nâng cao nhận thức và thực thi mạnh mẽ các biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học. Xây dựng nếp sống văn hóa, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương để góp phần phát triển du lịch cộng đồng. Chú trọng phát triển các sản phẩm sinh thái, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm sạch để phục vụ khách du lịch. Tuyên truyền vận động người dân và khách du lịch để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường theo nguyên tắc du lịch có trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Thứ ba, Đào tạo, nâng cao ý thức chấp hành quy định về bảo vệ môi trường tại các điểm DLCĐ, cập nhật thông tin tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội, tăng cường bồi dưỡng chuyên sâu cho cộng đồng về từng lĩnh vực liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại điểm DLCĐ. Chú trọng nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm, bảo đảm ngăn chặn, giảm thiểu và xử lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động du lịch cộng đồng. Khuyến khích các cơ sở dịch vụ du lịch cộng đồng sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản phẩm tái chế, tái sử dụng, ứng dụng công nghệ sạch để hạn chế ô nhiễm môi trường và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Thứ tư, Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường tại các điểm DLCĐ, các quy định liên quan đến nâng cao hiệu quả sử lý chất thải, chất thải rắn, quản lý nước thải... ra môi trường, chú ý đến sức chứa của các điểm DLCĐ nhằm tránh sự quá tải từ hoạt động kinh doanh du lịch ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường nói chung. Chú trọng công tác dự báo, cảnh báo, chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trong xây dựng, vận hành cơ sở dịch vụ du lịch cộng đồng

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác. Khuyến khích việc xã hội hóa, huy động các nguồn kinh phí hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện đề án theo quy định của pháp luật.

Kinh phí từ nguồn kinh phí từ dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”, giai đoạn 1 từ 2021 đến 2025; Nguồn kinh phí từ các dự án, đề án có liên quan đến du lịch thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Nguồn Ngân sách trung ương cấp qua các tổ chức tín dụng, qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay thực hiện dự án của người dân tộc thiểu số và doanh nghiệp đầu tư theo danh sách do địa phương lập hàng năm; Ngân sách địa phương tập trung hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch, cơ sở vật chất, kỹ thuật, đào tạo và xúc tiến quảng bá du lịch theo khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương.

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch và từ các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

5.1.1. Các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nội dung của Đề án; phối hợp với Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam và các đơn vị liên quan triển khai thành công các nhiệm vụ của Đề án; hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và gửi về Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

5.1.2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam

- Theo dõi công tác tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo tình hình và định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

- Tham mưu, xây dựng trình lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành chương trình, kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Đề án theo từng năm và theo từng giai đoạn.

- Tham mưu, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật quản lý, ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng.

- Tham mưu, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp xây dựng triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, quy mô cấp vùng và cấp quốc gia; xây dựng và thực hiện chiến dịch truyền thông, quảng bá xúc tiến du lịch cộng đồng hướng đến các thị trường mục tiêu của du lịch Việt Nam.

- Hướng dẫn, khảo sát tại các địa phương để bổ sung quy hoạch các điểm du lịch cộng đồng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị.

- Tham mưu, phối hợp với các cơ quan có liên quan bổ sung chỉ tiêu thống kê các nguồn lực và các hoạt động dịch vụ du lịch cộng đồng và hướng dẫn phương pháp tính toán chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện; Tổ chức điều tra, nghiên cứu, đánh giá thị trường khách du lịch cộng đồng và xây dựng cơ sở dữ liệu về du lịch cộng đồng, số hóa dữ liệu về du lịch cộng đồng.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tổng thể triển khai hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng tại một số địa bàn trọng điểm du lịch, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Nghiên cứu, biên soạn và ban hành chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ du lịch cộng đồng dành cho cán bộ, công chức phụ trách và các điểm du lịch cộng đồng.

Tham mưu hỗ trợ đầu tư xây dựng thí điểm một (01) hoặc nhiều mô hình du lịch cộng đồng tại những các địa phương có lợi thế về du lịch làm mô hình thí điểm Làng nghề du lịch cộng đồng.

- Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện công nhận tiêu chuẩn quốc gia về du lịch cộng đồng.

- Tham mưu, tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030, báo cáo Lãnh đạo Bộ, Chính phủ kết quả triển khai thực hiện Đề án, đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

b) Cục Điện ảnh: Nghiên cứu xây dựng các bộ phim, chương trình liên quan đến phát triển du lịch cộng đồng; phát hành, phổ biến sản phẩm du lịch cộng đồng tại các liên hoan phim, sự kiện điện ảnh trong các hoạt động, sự kiện giải trí để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng.

c) Cục Nghệ thuật biểu diễn: Nghiên cứu, lồng ghép sản phẩm du lịch cộng đồng với các hoạt động xây dựng kế hoạch, tổ chức, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, nghệ thuật, biểu diễn, nghề truyền thống, vui chơi giải trí để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng.

d) Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm: Nghiên cứu lồng ghép sản phẩm du lịch cộng đồng với các hoạt động tổ chức các chương trình giới thiệu, cuộc thi, triển lãm nghệ thuật, nhiếp ảnh góp phần đa dạng các loại hình văn hóa, nghệ thuật, biểu diễn, nghề truyền thống, vui chơi giải trí để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng.

e) Cục Văn hóa cơ sở: Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai hướng dẫn các địa phương, đơn vị tích cực thiết kế, xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng lồng ghép vào các hoạt động tham quan du lịch, lễ hội, văn hóa, làng nghề, thể thao phục vụ khách du lịch.

g) Cục Thể dục Thể thao: Căn cứ vào nội dung Đề án phối hợp với Cục Du lịch quốc gia nghiên cứu, lồng ghép việc tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao giải trí, mạo hiểm và các hoạt động thể thao khác gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

h) Vụ Văn hóa dân tộc: Xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

i) Vụ Gia đình: Xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai hỗ trợ các hộ gia đình tham gia phát triển du lịch cộng đồng; khuyến khích các hộ gia đình giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

k) Vụ Pháp chế: Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch tạo điều kiện phát triển, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, nghệ thuật, làng nghề, vui chơi giải trí, âm thực phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

l) Vụ Kế hoạch Tài chính: Tham mưu, đề xuất bố trí nguồn kinh phí trình cấp có thẩm quyền thúc đẩy thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; căn cứ vào

nội dung Đề án thẩm định về nội dung kinh phí của các đơn vị để triển khai hiệu quả Đề án; nghiên cứu, sắp xếp, chủ động cân đối sử dụng từ nguồn dự toán được giao giai đoạn 2025-2030, đảm bảo bố trí đủ kinh phí để thực hiện thành công Đề án.

m) Thanh tra Bộ: Xây dựng kế hoạch thanh tra, phối hợp kiểm tra thường xuyên, liên ngành đối với các hoạt động du lịch cộng đồng, đảm bảo phát triển du lịch cộng đồng hiệu quả, đúng pháp luật.

n) Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch: Căn cứ kế hoạch hàng năm, đề xuất, bố trí kinh phí từ Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch để hỗ trợ, triển khai thúc đẩy du lịch cộng đồng tại các địa bàn được ưu tiên phát triển.

p) Các bảo tàng, di tích lịch sử: Xây dựng chương trình, kế hoạch hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ, bảo quản, giám định, trưng bày, giới thiệu mẫu vật phẩm phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

q) Các đơn vị, cơ quan truyền thông báo chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, các tin, bài về phát triển du lịch cộng đồng; Thiết lập và vận hành kênh thông tin thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng trên các trang tin, ấn phẩm hiện có.

5.2. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng, lồng ghép nhiệm vụ phát triển du lịch cộng đồng vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2024-2030.

- Chủ động tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện quả Chương trình phối giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn hiệu quả và bền vững giai đoạn 2024-2030.

- Phối hợp với các địa phương lựa chọn hỗ trợ các điểm du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới.

b) Bộ Công thương

Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng thông qua các chính sách xúc tiến đầu tư, quảng bá, chương trình ưu đãi thuế, phí và các chương trình tập huấn, đào tạo phát triển du lịch cộng đồng.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án, mô hình phát triển du lịch cộng đồng trong giai đoạn 2024-2030.

d) Bộ Tài chính

Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân, hộ gia đình, hợp tác xã đầu tư kinh doanh du lịch cộng đồng, được tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các địa phương xây dựng, quy hoạch phát triển du lịch cộng đồng đảm bảo tính bền vững môi trường, xem xét ban hành các chính sách về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện phát triển du lịch cộng đồng trong giai đoạn 2024- 2030.

e) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp tham gia phát triển du lịch cộng đồng trong giai đoạn 2024-2030.

g) Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị liên quan, các tổ chức tài chính trực thuộc phối hợp với các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ vay vốn nhằm thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng trong giai đoạn 2024-2030.

h) Ủy ban Dân tộc

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bố trí, lồng ghép nguồn kinh phí hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng thông qua việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024-2030.

5.3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

a) Chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương.

b) Rà soát nguồn tài nguyên du lịch và các nguồn lực, điều kiện để phát triển du lịch cộng đồng, các địa phương phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tiến hành nghiên cứu, rà soát, lựa chọn địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng để xây dựng kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng phù hợp với lợi thế và điều kiện thực tiễn ở địa phương, phù hợp với định hướng phát triển du lịch cộng đồng của quốc gia và đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

c) Tổ chức nghiên cứu, quy hoạch không gian cho phát triển du lịch cộng đồng; lồng ghép nội dung về quy hoạch du lịch cộng đồng, xác định không gian phù hợp phát triển du lịch cộng đồng khi xây dựng quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

d) Rà soát, điều chỉnh các chính sách hiện có hoặc xây dựng, ban hành mới chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành nội dung quy định về quản lý, khuyến khích hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; tổ chức hướng dẫn kinh doanh phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số.

đ) Nghiên cứu, ban hành các văn bản cụ thể hóa các quy định về các sản phẩm, dịch vụ du lịch cộng đồng trên địa bàn phù hợp với định hướng du lịch cộng đồng Việt Nam và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Xây dựng các chương trình quảng bá, truyền thông, xúc tiến du lịch nhằm tuyên truyền, giới thiệu các điểm đến du lịch cộng đồng tại địa phương.

g) Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến, hướng dẫn nâng cao kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức chương trình học tập, trao đổi kinh nghiệm cho chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư tại các điểm đến du lịch cộng đồng.

h) Phối hợp với các Bộ, ngành và liên kết các địa phương trong vùng lựa chọn, định hướng nội dung phát triển du lịch cộng đồng, chú trọng sản phẩm du lịch mang giá trị văn hóa sâu sắc, là lợi thế của địa phương, tạo điểm nhấn và khác biệt, hạn chế trùng lặp giữa các địa phương.

i) Chỉ đạo Sở, ban ngành, địa phương tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động du lịch cộng đồng trên địa bàn; Xây dựng phương án quản lý rủi ro, ứng phó với các tình huống, sự cố khi tổ chức các hoạt động du lịch cộng đồng.

k) Tận dụng, lồng ghép nguồn nguồn ngân sách của trung ương thông qua các chương trình, kế hoạch, đề án và bố trí nguồn kinh phí phù hợp của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

l) Khuyến khích nghiên cứu, lựa chọn, xây dựng thí điểm một (01) hoặc một số mô hình du lịch cộng đồng tại những các địa phương có lợi thế về du lịch làm mô hình thí điểm Làng nghề du lịch cộng đồng.

m) Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

CÁC BẢNG BIỂU VÀ PHỤ LỤC

Bảng 1: Thực trạng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch cộng đồng tại một số địa phương

TT	Địa phương	Thực trạng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch cộng đồng
1.	Bà Rịa Vũng Tàu	<p>Chưa hình thành mô hình nông trại, trang trại kết hợp du lịch nghỉ dưỡng (có lưu trú cũng như mô hình DLCĐ trên địa bàn tỉnh). Các trang trại trên địa bàn tỉnh chỉ đơn thuần đón khách tham quan (đi về trong ngày).</p> <p>Các dự án du lịch sinh thái trong rừng, du lịch nông nghiệp được UBND tỉnh cho thuê môi trường rừng để đầu tư dự án hoặc đầu tư trên phần diện tích đất nông nghiệp hầu hết đều gặp khó khăn, vướng mắc thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, việc xây dựng công trình (lưu trú, dịch vụ du lịch) trên phần diện tích đất nông nghiệp gặp khó khăn vì không phù hợp quy hoạch sử dụng đất.</p>
2.	Bắc Giang	<p>Cơ sở hạ tầng giao thông, dịch vụ kỹ thuật, cơ sở khách sạn, phục vụ, nhà hàng, lưu trú DL bước đầu được đầu tư và hình thành trong tỉnh.</p> <p>Các hộ gia đình, HTX làm DL trong các điểm DLCĐ kinh tế thấp nên đầu tư cơ sở vật chất hạn chế.</p> <p>Kiến trúc nhà đặc trưng của các dân tộc hay kiến trúc nhà cổ được bảo tồn tại làng cổ Thổ Hà (huyện Việt Yên).</p> <p>Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nhà nước hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn lực đầu tư cho DLCĐ chủ yếu từ các hộ gia đình nên hạn chế; một số địa phương có tiềm năng cộng đồng chưa phát huy do dân cư còn nhiều khó khăn, chưa được hỗ trợ kịp thời.</p> <p>Hạ tầng DL, chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, bãi đỗ xe... tại các điểm DLCĐ còn thiếu, chất lượng chưa cao. Công tác quy hoạch hạn chế, hệ thống kết cấu hạ tầng DL nhiều bất cập. Các dự án đầu tư DL chậm triển khai, các nhà đầu tư chiến lược lớn mới dừng ở nghiên cứu, lập quy hoạch.</p>
	Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn đầu tư phát triển DL, DLCĐ nói riêng còn hạn chế. - Hạ tầng DL đặc biệt là giao thông đến các khu, điểm DL rất khó khăn, dù được tỉnh quan tâm đầu tư song hệ thống giao thông nông thôn chỉ cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. - Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động DL tại các thôn, bản có tiềm năng du lịch chưa được đầu tư, thiếu các công trình thiết yếu phục vụ nhu cầu ăn, nghỉ, vui chơi giải trí. Các dịch vụ ăn, nghỉ, Homestay phục vụ khách chủ yếu tự phát, chưa chuyên nghiệp. Số lượng Homestay tương đối nhiều nhưng đa phần quy mô nhỏ, không đồng bộ, chất lượng kinh doanh lưu trú chưa cao, chưa phù hợp với xu thế phát triển và chưa đáp ứng được nhu cầu của khách DL. - Những vấn đề trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy, phương tiện vận chuyển khách DL tiềm ẩn nhiều rủi ro... - Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ DLCĐ thiếu đồng bộ, chưa được đầu tư đúng mức; chưa phát huy hết giá trị văn hóa của đồng bào các

		<p>dân tộc để tạo sản phẩm DL độc đáo, mới lạ. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu hầu như chỉ mới dừng ở hoạt động tham quan, lưu trú và phục vụ ăn uống, việc khai thác nguồn tài nguyên du lịch văn hóa còn hạn chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển DLCĐ tự phát, chưa có chiến lược và quy hoạch cụ thể. - Công tác đầu tư, bảo tồn phát huy văn hóa truyền thống còn khó khăn. Nhiều di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc mới được kiểm kê nhận diện, chưa có biện pháp bảo tồn hiệu quả.
3.	Bắc Ninh	<p>Cần có chính sách thu phí các dịch vụ và các điểm tham quan DL và tại các điểm DLCĐ để Ban quản lý có thêm nguồn thu vào ngân sách của địa phương và dùng trong việc tôn tạo các điểm DL, góp phần chỉ đạo công tác giữ gìn trật tự an ninh chính trị, an toàn xã hội và công tác giữ gìn cảnh quan môi trường, giữ gìn nguồn tài nguyên của địa phương. Từ đó, khuyến khích hơn nữa sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động DL và nhận thức được những lợi ích có thể đạt được khi họ tham gia vào loại hình DLCĐ.</p>
4.	Bình Định	<p>Có 36 homestay/nhà nghỉ cho khách thuê với ngày lưu trú bình quân là 01.</p> <p>Đề xuất giải pháp Xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng; Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ du lịch; Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật tại các hộ dân; Xây dựng và phát triển các dịch vụ du lịch tại từng địa bàn; Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển du lịch làng nghề; Phát triển mô hình tổ chức quản lý, kinh doanh du lịch làng nghề; Tăng cường liên kết với các đầu mối phát triển du lịch.</p> <p>Đã thực hiện: lắp đặt 13 bảng chỉ dẫn vô các điểm DLCĐ, làng nghề truyền thống, lắp đặt 02 bảng thông tin du lịch cộng đồng</p>
5.	Bình Dương	<p>Trong thời gian tới, ngoài việc định hướng PTDLCD cho các hộ nhà vườn, các nông trại ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh theo Đề án, Sở VH-TTDL phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương nghiên cứu, xây dựng mô hình DLCĐ tại vùng đồng bào dân tộc tại huyện Phú Giáo, các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; liên kết với các công ty lữ hành trong và ngoài tỉnh xây dựng một số tour du lịch, chương trình du lịch mà tại đó du khách có thể hòa mình vào cuộc sống, sinh hoạt theo phong tục tập quán của đồng bào dân tộc và có thể tự tay thiết kế, tạo ra các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ để làm quà cho người thân, bạn bè dựa vào các làng nghề thủ công truyền thống như gốm sứ, sơn mài, làm heo đất, làm guốc,... Đây đồng thời là cơ hội cho việc khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng nghề truyền thống của địa phương.</p>
6.	Cà Mau	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ cơ bản thông suốt, đảm bảo tính kết nối, đồng bộ đến các điểm du lịch chính như: Đất Mũi, Khai Long, Hòn Đá Bạc... Hai tuyến đường Hồ Chí Minh, tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam về đến Đất Mũi góp phần quan trọng cho việc phát triển các tuyến DL. - Sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã tạo điều kiện để tỉnh đề ra những giải pháp tháo gỡ khó khăn và phát triển DL trong thời kỳ mới. - Hạ tầng giao thông đến một số điểm DL còn hạn chế, chưa đảm bảo cho phương tiện vận chuyển khách DL của các công ty lữ hành

		<p>tiếp cận, làm ảnh hưởng đến việc kết nối sản phẩm DL với du khách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các điểm DLCĐ trên địa bàn tỉnh đa số thuộc địa phận quản lý của các Vườn Quốc gia, do đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác tài nguyên DL, phát triển sản phẩm DL mới gặp nhiều khó khăn, hạn chế cho phát triển DL. <p>* Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ DL của tỉnh còn hạn chế. - Chưa có nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư phát triển những khu DL mang tính động lực, có sức lan tỏa.
7.	Đắk Lắk	<p>Người dân đã hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho cộng đồng hoạt động du lịch: các nhà văn hóa được chỉnh trang, hỗ trợ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc giao lưu, sinh hoạt cộng đồng; trang thiết bị phục vụ cho du khách tới lưu trú tại các nhà dân trong buôn được hỗ trợ mua sắm góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ. Góp phần khôi phục, bảo tồn bản sắc văn hoá gắn với dịch vụ DL.</p> <p>Hạn chế: Việc PTDLCD tuy đã được cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp quan tâm nhưng đến thời điểm hiện tại còn mang tính tự phát, thiếu sự gắn kết các hoạt động sản xuất; các cơ sở vật chất DL, các hoạt động, dịch vụ ăn, nghỉ phục vụ khách đang còn yếu, chưa chuyên nghiệp; những vấn đề về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro... việc khai thác, phát triển loại hình này, hiện nay chủ yếu tận dụng tiềm năng, lợi thế sẵn có và không có bộ tiêu chí đánh giá cũng như quy chuẩn hướng dẫn cụ thể về loại hình DLCĐ phù hợp với địa phương.</p> <p>Vấn đề đầu tư cho giữ gìn, bảo tồn văn hoá chưa đồng bộ như: xây dựng đường theo tiêu chí nông thôn mới không phù hợp với PTDLCD; đầu tư xây dựng nhà văn hoá, nhưng việc phát huy hiệu quả sử dụng trong phát triển DL không cao. Việc xây dựng và phát triển sản phẩm DL chưa được quan tâm đầu tư, chủ yếu là tận dụng các yếu tố văn hoá sẵn có của dân tộc, địa phương mình, như: kiến trúc nhà sàn, trang phục truyền thống, ẩm thực, văn hoá công chiêng... chưa phát huy tập quán lao động sản xuất truyền thống để tạo sản phẩm, chương trình trải nghiệm DL, kéo dài thời gian lưu trú, tăng thu nhập. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho PTDLCD còn nhiều bất cập chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, như: Chưa quy hoạch bãi đỗ xe; hệ thống biển chỉ dẫn chưa đồng bộ, đầy đủ (chỗ có, chỗ không); đường giao thông, nhất là đường trong các buôn được đầu tư theo chương trình xây dựng nông thôn mới nhưng chưa phù hợp với PTDLCD; không gian sinh hoạt văn hoá cộng đồng, nhà văn hoá chưa phát huy hiệu quả, sử dụng không cao; chưa có mô hình nhà trưng bày văn hoá đáp ứng yêu cầu khách tham quan. Cảnh quan thiên nhiên bị phá vỡ, vệ sinh môi trường chưa được quan tâm đúng mức, hệ thống xử lý chất thải còn kém; dịch vụ DL của các hộ kinh doanh manh mún, chắp vá, không theo quy hoạch, không phản ánh được quy mô, tính chất của không gian văn hoá thu nhỏ của dân tộc mình.</p>

Nguồn: Tham khảo Báo cáo tình hình du lịch cộng đồng tại các địa phương

Bảng 2: Một số Quy định mức hỗ trợ cho du lịch cộng đồng về hạ tầng kỹ thuật và cơ sở dịch vụ vật chất kỹ thuật tại các địa phương

TT	Danh mục nội dung	Địa phương	Thời gian	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng mức hỗ trợ (triệu đồng)
1.	Ninh Thuận		2019-2022			17.910
	Hỗ trợ đường giao thông nối từ đường quốc lộ liên tỉnh/huyện đến các điểm du lịch	Xã Ninh Sơn, An Hải, Phước Thuận, Vĩnh Hải	2019-2020	4 đường	-	13.660
	Lắp đặt bãi đỗ xe và mái che	Phước Thuận	2019-2022	1 bãi	510	510
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà sàn	Xã Phước Bình	2019-2022	60 sàn	20	1.200
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh	Xã Phước Bình	2019-2022	147 nhà	10	1.470
	Hỗ trợ một lần kinh phí cải tạo cảnh quan	Xã Phước Bình	2019-2022	120 hộ	5	600
	Hỗ trợ một lần kinh phí cho việc lắp đặt hệ thống thu gom rác thải, các biển báo biển chỉ dẫn	Huyện Bác Ái, Ninh Phước, Ninh Hải	2019	9 thôn	50	450
	Hỗ trợ một lần kinh phí cho việc lắp đặt các biển báo biển chỉ dẫn	Xã Ninh Sơn	2019	1 thôn	20	20
2.	Bắc Giang		2019-2020			720
	Hỗ trợ một lần kinh phí cho việc lắp đặt các biển báo biển chỉ dẫn	Huyện Sơn Động, Yên Thế	2019-2020	16 điểm	10	160
	Hỗ trợ cơ sở vật chất (chăn, ga, gối, đệm, màn, rèm)	Huyện Sơn Động, Yên Thế	2019	2 hộ	70	140
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh đạt chuẩn	Huyện Sơn Động, Yên Thế, Lục Ngạn	2020	6 hộ	70	420
3.	Thừa Thiên Huế		2019-2025	1	1.000	1.000
a.	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp đường giao thông nối từ đường quốc lộ liên tỉnh/huyện đến các			1	2.000	-

	điểm du lịch					
b.	Hỗ trợ, nâng cấp đường nội bộ tại điểm DLCĐ			1	1.500	-
c.	Hỗ trợ Bãi đỗ xe và bến thuyền du lịch (tối thiểu 200m ²)					
	- Hỗ trợ đầu tư mới			1	200	-
	- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp			1	50	-
d.	Hỗ trợ nhà đón tiếp và nhà trưng bày (tối thiểu 100m ²)					
	- Hỗ trợ đầu tư mới			1	400	
	- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp					
e.	Hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh đạt chuẩn (tối thiểu 30m ²)					
	- Hỗ trợ đầu tư mới			1	100	-
	- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp			1	25	-
f.	Hỗ trợ xây dựng bảng chỉ dẫn, thuyết minh điểm đến			1	50	-
g.	Hỗ trợ xây dựng cơ sở lưu trú trong dân					
	- Hỗ trợ đầu tư mới			1	100	
	- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp			1	50	
4.	Đồng Tháp		2018-2020			
a.	Hỗ trợ xây dựng khách sạn, cơ sở lưu trú homestay					
	- Tiêu chuẩn hạng 4 hoặc 5 sao			1 phòng	50	-
	- Tiêu chuẩn hạng 3 sao			1 phòng	40	-
	- Cơ sở lưu trú từ 15-30 chỗ nghỉ			1	50	-
	- Cơ sở lưu trú từ 31 chỗ nghỉ trở lên			1	60	-
b.	Hỗ trợ xây dựng nhà hàng ăn uống, khu mua sắm kết hợp với bán hàng đặc sản, quà lưu niệm			1m ²	0,5	-
c.	Hỗ trợ lãi vay 01 dự án đầu tư phát triển DLCĐ			5 năm	50%	5.000
5.	Lạng Sơn		2021-2025			
a.	Hỗ trợ xây dựng, nâng			1	50%	1.000

	cấp đường giao thông nối từ đường quốc lộ liên tỉnh/huyện đến các điểm du lịch					
b.	Hỗ trợ, nâng cấp đường nội bộ tại điểm DLCĐ			1	50%	500
c.	Hỗ trợ thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt			1	50%	500
d.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng bãi đỗ xe chung (tối thiểu 200m ²)			1	50%	100
e.	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng (tối thiểu 30m ²)			1 điểm	50%	100
f.	Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các bảng chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch			1 điểm	50%	100
6.	Sơn La		2016-2020			
a.	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn			1 bản	30	-
b.	Hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống thu gom xử lý rác thải			1 bản	15	-
c.	Hỗ trợ xây dựng hệ thống các loại biển báo			1 bản	15	-
d.	Hỗ trợ lãi xuất tiền vay cho các hộ gia đình			1 hộ	30	-
7	An Giang		2018-2023			
a.	Hỗ trợ hộ gia đình có phòng cho khách du lịch thuê					
	- Quy mô từ 20-40 khách			1	50	-
	- Quy mô từ 40 khách trở lên			1	80	-
b.	Hỗ trợ lãi xuất vay cho các hộ gia đình phát triển DLCĐ			1	50%	2.000
8.	Trà Vinh		2018-2020			
a.	Hỗ trợ hộ gia đình có phòng cho khách du lịch thuê			1	60	-
b.	Hỗ trợ lãi xuất vay cho các hộ gia đình đầu tư			36 tháng	50%	150

	xây dựng phòng lưu trú để phát triển DLCĐ					
c.	Hỗ trợ xây dựng nhà hàng ăn uống, khu mua sắm kết hợp với bán hàng đặc sản, quà lưu niệm			200m ²	0,5	200
d.	Hỗ trợ đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển					
	- Xe thô sơ			1	5	-
	- Xe điện vận chuyển			1	30	-
9.	Quảng Nam		2018-2025			
a.	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp đường giao thông nối từ đường quốc lộ liên tỉnh/huyện đến các điểm du lịch			1	3.000	-
b.	Hỗ trợ, nâng cấp đường nội bộ tại điểm DLCĐ			1	2.000	-
c.	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp mới nhà đón tiếp khách du lịch (tối thiểu 160m ²)					
	- Xây dựng mới nhà đón tiếp khách du lịch			1	1.200	-
	- Nâng cấp mới nhà đón tiếp khách du lịch			1	300	-
d.	Hỗ trợ nhà vệ sinh công cộng (tối thiểu 30m ²)					
	- Hỗ trợ xây mới			1	350	-
	- Hỗ trợ nâng cấp			1	87	-
10.	Hà Giang		2016-2020			
a.	Hỗ trợ xây dựng khách sạn, cơ sở lưu trú homestay					
	- Tiêu chuẩn hạng 4 hoặc 5 sao			1	40	-
	- Tiêu chuẩn hạng 3 sao			1	30	-
	- Hộ trợ trang thiết bị xây dựng, cải tạo, thiết kế cho các nhà có phòng cho khách du lịch thuê (homestay)			1	60	-
b.	Hỗ trợ xây dựng nhà hàng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch (tối thiểu					

	100m ²)					
	- Hỗ trợ đầu tư mới			m ²	0,5	200
	- Hỗ trợ đầu tư nâng cấp			m ²	0,3	100
c.	Hỗ trợ xây dựng xử lý chất thải rắn			1	100	-
d.	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách			1	100	-
e.	Hỗ trợ lãi xuất tiền vay cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh DLCD			3 năm	100	-
f.	Hỗ trợ lãi xuất tiền vay cho dự án đầu tư phát triển làng nghề DLCD			3 năm	200	-

Nguồn: Tham khảo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng nhân dân/Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại Báo cáo của các địa phương

Bảng 3: Một số Quy định mức hỗ trợ cho du lịch cộng đồng về đào tạo, tập huấn tại các địa phương

STT	Danh mục nội dung	Địa phương	Thời gian	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng mức hỗ trợ (triệu đồng)
1.	Ninh Thuận		2019-2022			1.400
	Hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng cộng đồng làm du lịch					
	Đào tạo tập trung	Làng nghề Mỹ Nghiệp, Chung Mỹ, Bàu Trúc	2019-2022	4 lớp	50	200
	Đào tạo tại chỗ	Vùng rau Nam Cương, Vùng nho Phước Khánh, Vùng cây ăn quả Lâm Sơn	2019-2022	12 lớp	50	1.200
2.	Bắc Giang		2019-2020			1.000
	Thuê đơn vị tư vấn hướng dẫn, tập huấn kỹ năng giao tiếp, chế biến món ăn, nghiệp vụ quản lý vận hành điểm đến du lịch sinh thái, DLCD	Huyện Sơn Động, Yên Thế, Lục Ngạn	2019-2020	3 lớp	300	900
	Hỗ trợ người dân tham gia lớp tập huấn kiến thức làm DLCD	Huyện Sơn Động	2019-2020	1 lớp	20	20
	Hỗ trợ trang phục dân tộc cho đội văn nghệ	Huyện Sơn Động, Yên Thế, Lục Ngạn	2020	40 bộ	2	80
3.	Lạng Sơn		2021-2025			
	Hỗ trợ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, bồi dưỡng			5 năm	50tr/điểm	-

	kiến thức phát triển DLCĐ					
	Hỗ trợ hộ gia đình tham gia kinh doanh DLCĐ			5 năm	20tr/hộ	-
4.	Sơn La		2016-2020			
	Hỗ trợ tập huấn kỹ năng nghề du lịch cho các hộ kinh doanh DLCĐ			5 năm	35tr/lớp	-
5.	Trà Vinh		2018-2020			
	Đào tạo cho các dự án có trên 10 lao động trở lên					
	- Đào tạo từ 3 tháng trở lên			1 người	1	-
	- Đào tạo dưới 3 tháng			1 người	0,5	
6.	Quảng Nam		2018-2025			
	Hỗ trợ các khóa tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ngoài ngữ, kỹ năng làm DLCĐ			1 điểm	200	-
	Hỗ trợ các khóa kỹ năng quản lý điểm DLCĐ cho các hợp tác xã tổ hợp tác tại điểm DLCĐ			1 điểm	50	-
	Hỗ trợ các khóa tập huấn kiến thức chung cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về DLCĐ			1 năm	100	-
	Hỗ trợ các nghệ nhân có trực tiếp tổ chức truyền nghề cho người dân tại các điểm DLCĐ			1 năm	100	-

Nguồn: Tham khảo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng nhân dân/Ủy ban nhân dân hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại Báo cáo của các địa phương

Bảng 4: Một số Quy định mức hỗ trợ cho du lịch cộng đồng về phát triển sản phẩm dịch vụ tại các địa phương

STT	Danh mục nội dung	Địa phương	Thời gian	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Tổng mức hỗ trợ (triệu đồng)
1.	Ninh Thuận		2019-2022			
	Hỗ trợ công tác tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch	Ninh Thuận		4 năm	300	1.200
2.	Bắc Giang		2020			400
	Tổ chức khảo sát, tọa đàm giới thiệu khu, điểm du lịch và điểm DLCĐ	Huyện Yên Thế		2	100	200
	Học tập kinh nghiệm nước ngoài	Huyện Sơn Động, Yên Thế, Lục Ngạn		1	200	200
3.	Lạng Sơn		2021-2025			
	Hỗ trợ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức phát triển DLCĐ			5 năm	50tr/điểm	-
4.	Quảng Nam		2018-2025			
	Hỗ trợ khảo sát, tư vấn xây dựng phát triển sản phẩm			1 điểm	200	-
	Hỗ trợ các sản phẩm phục vụ khách du lịch (âm thực, quà tặng, văn nghệ, nông sản,...)			1 điểm	150	-
	Hỗ trợ tuyên truyền, nâng cao nhận thức			3 năm	30tr/điểm	-
	Hỗ trợ các chuyến tham quan, học hỏi kinh nghiệm			1 điểm	100	-
	Hỗ trợ thiết kế in ấn phẩm			3 năm	100	-
	Hỗ trợ duy trì Website			1 điểm	5tr/năm	
	Hỗ trợ quảng bá du lịch			1 điểm	15tr/năm	-

	trên các Website					
	Hỗ trợ tham gia các hội chợ du lịch chuyên ngành			2 lần/năm	10tr/điểm	-

Nguồn: Tham khảo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng nhân dân/Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại Báo cáo của các địa phương

Phụ lục 5: Thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng và nguồn nhân lực du lịch cộng đồng một số địa phương điển hình

Địa phương	Hoạt động du lịch cộng đồng	Thực trạng nhân lực
<p>Bà Rịa Vũng Tàu</p>	<p>Gắn với dịch vụ DL đường sông, điểm du lịch sinh thái; tăng cường tương tác trải nghiệm giữa khách và người dân địa phương thông qua những hoạt động gắn với đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân. Hình thành nhiều trang trại, nông trại sản xuất rau, củ, quả, hoa... ứng dụng KH-CN công nghệ cao vào sản xuất như Công ty TNHH ca cao Thành Đạt; vườn lan Minh Ngân (huyện Đất Đỏ); trang trại chăn nuôi bò sữa của ông Đinh Nam Định (thị xã Phú Mỹ); Nông trại rau sạch Sunny Farm, Công ty CP Binon cacao, Suối Rao Ecolodge... (huyện Châu Đức).</p> <p>Đã có 46 dự án đầu tư DL sinh thái trong rừng phòng hộ và 28 nhà đầu tư đề xuất đầu tư du lịch sinh thái vào Vườn quốc gia Côn Đảo.</p> <p>Xây dựng chuỗi liên kết tour với một số mô hình sản xuất nông nghiệp, danh lam thắng cảnh và nghỉ dưỡng. Khách DL khám phá công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất, trồng trọt và tự chọn mua sản phẩm ngon, sạch mang về.</p> <p>Thị xã Phú Mỹ với mô hình hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như hợp tác xã bưởi da xanh Sông Xoài...; huyện Long Điền gắn với làng nghề truyền thống như nghề bánh tráng và nghề muối xã An Ngãi, nghề bánh hỏi xã An Nhứt; huyện Đất Đỏ với mô hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thưởng thức văn hóa truyền thống...; huyện Châu Đức với thưởng thức, trải nghiệm mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và văn hóa truyền thống dân tộc Châu Ro; huyện Côn Đảo với thưởng thức văn hóa, âm nhạc, ẩm thực, sản phẩm nho rừng và sâm Côn Đảo, trồng sâm Côn Đảo, câu cá, DL cộng đồng ven núi Côn Đảo; huyện Xuyên Mộc với các khu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, DL sinh thái dưới tán rừng, vườn cây ăn trái, chăn nuôi.</p>	<p>Chưa có đào tạo tập huấn</p>
<p>Bắc Giang</p>	<p>DLCĐ bước đầu hình thành sản phẩm và phát triển với 250 hộ hoạt động tại 33 điểm trên địa bàn tỉnh. Một số mô hình đã hoạt động mang lại hiệu quả tích cực như du lịch cộng đồng tại xã Xuân Lương, Yên Thế; xã An Lạc huyện Sơn Động; xã Vân Hà, huyện Việt Yên và 04 xã lòng Hồ Cẩm Sơn là: Sơn Hải, Hộ Đáp, Cẩm Sơn, Tân Sơn... Xây dựng Tour du lịch trải nghiệm vườn</p>	<p>Năng lực nghiệp vụ dịch vụ hạn chế.</p>

	<p>cây ăn quả gắn với điểm du lịch cộng đồng tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động; Tour du lịch văn hóa tâm linh-sinh thái Tây Yên Tử gắn với du lịch cộng đồng; Tổ chức giới thiệu, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng các địa phương trong tỉnh tạo bản sắc riêng tại điểm du lịch.</p> <p>Chất lượng sản phẩm du lịch chưa cao, các doanh nghiệp du lịch của tỉnh quy mô nhỏ, sức cạnh tranh và năng lực đầu tư hạn chế; chưa có nhiều sản phẩm dịch vụ làm gia tăng giá trị DL nên nguồn thu từ du lịch còn thấp.</p>	
Bắc Kạn	<p>Bắc Kạn chưa có điểm DLCĐ được công nhận; hoạt động DLCĐ hiện mang tính tự phát.</p> <p>Bắc Kạn đã và đang đầu tư khai thác và phát triển một số loại sản phẩm DLCĐ kết hợp với du lịch tìm hiểu văn hóa, văn nghệ dân gian các dân tộc như cộng đồng người Tày, Dao ở bản Pác Ngòi, Bó Lù, Cốc Tộc, Nà Nghè, Bản Cắm, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể.</p> <p>Đến hết tháng 10/2022, có khoảng 60 hộ gia đình đăng ký làm dịch vụ du lịch Homestay tập trung ở các thôn Pác Ngòi, Bó Lù, Cốc Tộc, xã Nam Mẫu và xã Khang Ninh, huyện Ba Bể.</p> <p>Hình thức hoạt động chủ yếu là thăm quan thắng cảnh và một số hàng động trong khu du lịch hồ Ba Bể, thưởng thức ẩm thực, làn điệu hát then của dân tộc Tày; chưa có các hoạt động trải nghiệm, mua sắm, vui chơi giải trí để du khách giao lưu tìm hiểu, trải nghiệm từ cộng đồng. Mức độ tham gia của cộng đồng chỉ ở cung cấp một phần dịch vụ lưu trú; chưa tự tổ chức, tạo dựng sản phẩm du lịch trọn gói hấp dẫn khách và lập trình cho các tuyến, tour, chương trình du lịch tại bản địa. Chủng loại, kiểu dáng của sản phẩm thủ công truyền thống, các mặt hàng nông sản chưa phong phú, đa dạng, chất lượng chưa cao để hấp dẫn khách du lịch. Hoạt động du lịch thiếu tính bền vững, thiếu sự gắn kết với sản xuất.</p> <p>Giai đoạn 2021-2025, Bắc Kạn triển khai xây dựng mô hình điểm về du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tại thôn Phiêng An, xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông và thôn Chúa Lải, xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn lực tham gia hoạt động DL thiếu, yếu về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, không đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Thiếu lao động chuyên nghiệp, chất lượng cao, đặc biệt là hướng dẫn viên, thuyết minh viên; - Nhận thức của người dân về tầm quan trọng và ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường DL, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình chưa cao. - Hầu hết các xã trên địa bàn tỉnh có xuất phát điểm thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, dân cư thưa, không có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp hàng hóa; năng lực quản lý cộng đồng về hoạt động dịch vụ DL, xây dựng nông thôn mới còn hạn chế... - Nhận thức của chính quyền các cấp và cộng đồng về DLCĐ còn hạn chế, cần có các chuyên gia DL tư vấn thông qua các hình thức khác nhau phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của địa phương.
Bắc Ninh	<p>UBND tỉnh có Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 phê duyệt đề án “Chương trình mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm” tỉnh Bắc</p>	<p>Các hộ dân chưa thể tự mình hoàn thiện một mô hình hoạt động phù hợp</p>

	<p>Ninh giai đoạn 2018-2020 (viết tắt là Chương trình OCOP).</p> <p>Một số hộ dân tại các huyện, thành phố có tiềm năng phát triển DLCĐ đang dần hình thành các loại hình, sản phẩm gắn với bản sắc như làng Diêm, làng tranh Đông Hồ... nhưng hoạt động DLCĐ vẫn gặp nhiều thách thức trong việc thu hút khách DL. Các hộ dân tại những nơi có điều kiện PTDLCD khó khăn trong việc hình thành và tổ chức hoạt động theo một mô hình phù hợp thực tế.</p>	<p>với điều kiện của địa phương, cộng đồng dân cư cần thiết có sự quan tâm, hỗ trợ mạnh mẽ từ chính quyền địa phương, nhà đầu tư và các công ty lữ hành, du lịch.</p>
Bình Định	<p>Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng tại thôn Lý Lương, Lý Hưng - xã Nhơn Lý và Bãi Xếp - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn đến năm 2025” phát triển thương hiệu “Du lịch cộng đồng làng chài ven biển Quy Nhơn” gắn với các yếu tố “Đậm đà bản sắc văn hóa bản địa- Đẹp - Sạch”;</p> <p>Định hướng thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế; Định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ.</p> <p>Đề án Thí điểm phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025 Phát triển làng nghề gắn với các điểm, tuyến du lịch; Phát triển thị trường khách du lịch; Phát triển sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch; Phát triển không gian, chức năng chuyên ngành</p> <p>Có 10 Điểm/mô hình DLCĐ tại địa phương với các loại hình tắm biển, lặn ngắm san hô; Ca nô nước, ván trượt, câu mực đêm</p>	<p>Số lao động làm việc tại homestay/nhà nghỉ là 150 người.</p> <p>Đề xuất giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về PTDLCD; Xây dựng mô hình quản lý kinh doanh DLCĐ; Giới thiệu, xúc tiến quảng bá DL; Phát triển quan hệ đối tác;</p> <p>Đào tạo, phát triển nhân lực DL: đã tổ chức 17 lớp truyền thông cộng đồng, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về DL, nghiệp vụ DL; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức vệ sinh và bảo vệ môi trường trong kinh doanh DL cộng đồng; 01 lớp tập huấn kiến thức kỹ năng nghiệp vụ quản lý nhà nước về DLCĐ; 07 lớp tập huấn nghiệp vụ DL; 03 lớp phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về DL; vai trò của phụ nữ trong giữ gìn, phát huy nghề truyền thống và các giá trị văn hóa, lịch sử để phát triển DL; bộ quy tắc ứng xử văn minh trong DL; Lễ phát động chương trình “Mỗi người dân Bình Định là một đại sứ DL”.</p>
Bình Dương	<p>Hiện trên địa bàn tỉnh Bình Dương chưa hình thành loại hình DLCĐ. Tuy nhiên, Bình Dương có tiềm năng để hình thành và phát triển loại hình du lịch này dựa vào hệ thống các vườn cây ăn trái</p>	<p>Trong các năm 2014, 2015 và 20181 , nhằm từng bước hình thành và phát triển loại hình DLCĐ, Sở</p>

	<p>trên địa bàn thành phố Thuận An, thị xã Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, huyện Bàu Bàng, huyện Dầu Tiếng và các nông trại ứng dụng công nghệ cao huyện Phú Giáo, Bàu Bàng... cùng giá trị văn hóa của các nghề thủ công truyền thống như sơn mài, gốm sứ.</p> <p>UBND tỉnh có “Đề án phát triển du lịch tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 09/12/2021),</p>	<p>VHTTDL đã phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các đơn vị liên quan tổ chức 03 lớp tập huấn cho 300 học viên là chủ các hộ nhà vườn trên địa bàn tỉnh, qua đó đã phổ biến đến các chủ nhà vườn các quy định về phát triển DLCĐ, cung cấp kiến thức cơ bản về phát triển DLCĐ và tổ chức hoạt động kinh doanh DLCĐ cho các nhà vườn trên địa bàn tỉnh, từ đó các nhà vườn gắn kết với các đơn vị lữ hành trong và ngoài tỉnh khai thác loại hình DL sinh thái vườn phục vụ khách tham quan.</p>
Bình Phước	<p>Trên địa bàn tỉnh chưa có mô hình DLCĐ. Định hướng phát triển mô hình DLCĐ thời gian tới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển Khu DL Trảng cỏ Bù Lạch (huyện Bù Đăng) với các sản phẩm DL nghỉ dưỡng, homestays gắn với các trải nghiệm sinh hoạt với cộng đồng người M’Nông và S’tiêng. - Phát triển Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S’tiêng sóc Bom Bo (huyện Bù Đăng) với các sản phẩm DL trải nghiệm không gian văn hóa độc đáo của người S’tiêng Bình Phước như tham gia các lễ hội truyền thống của đồng bào, tham gia gĩa gạo bằng chày tay, homestays. - Phát triển Khu DL sinh thái Vườn Quốc gia Bù Gia Mập với các sản phẩm DL trải nghiệm, khám phá sinh thái rừng gắn với trải nghiệm sinh hoạt với cộng đồng người M’Nông và S’tiêng. - Phát triển Điểm DL thác Đăk Mai 1 (huyện Bù Gia Mập) với các sản phẩm DL tham quan tìm hiểu lịch sử, nghỉ dưỡng, homestays gắn với trải nghiệm sinh hoạt với cộng đồng người M’Nông và S’tiêng. 	
Cà Mau	<p>Loại hình DLCĐ được quan tâm, từ đó phát triển thêm các điểm cộng đồng tại Đất Mũi, điểm DL cộng đồng Như Ý, điểm dừng chân Tư Ty (Ngọc Hiển); Vườn chim Tư Sự (Thới Bình); Tầm Ngao, Mười Hiệu (Thành phố Cà Mau), điểm DL sinh thái Hương Tràm (U Minh). Các sản phẩm DLCĐ đặc thù:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trải nghiệm cùng cư dân địa phương bắt cá, 	<p>Hoạt động DLCĐ chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của người dân. Việc liên kết phối hợp giữa những người làm DL chưa cao, chưa thể hiện rõ trong việc chia sẻ lợi ích tại các điểm DL cộng đồng.</p>

vop, ốc len, cua...; tham gia chế biến và thưởng thức những món ăn dân dã. Trải nghiệm tuyến du lịch xuyên rừng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau: tham quan hệ sinh thái đặc trưng của rừng nguyên sinh, diễn thế tự nhiên và đặc điểm sinh trưởng, phát triển của cây mắm, cây đước... kết hợp tham quan bãi bồi - nơi đước xem là bãi đẻ của hàng trăm loài thủy sản nước mặn.

- Trải nghiệm một ngày làm nông dân, cùng người dân đi lấy mật ong, ăn ong, chụp địa, hái rau dại... chế biến những món ăn dân dã như cá lóc nướng trui, đọt choại xào, gỏi ong non...; nghe kể chuyện bác Ba Phi và kinh nghiệm gác kèo ong, chế biến món ăn từ sản vật nước ngọt.

Cà Mau đã tăng lên 15 điểm DLCĐ so với thời điểm mới xây dựng sản phẩm DL cộng đồng vào năm 2013 (04 điểm), sau thời gian hoạt động đã từng bước khai thác và phát huy lợi thế, tiềm năng của mỗi hộ trong quá trình phát triển DL. Mô hình DL sinh thái dựa vào cộng đồng được người dân quan tâm, tạo ra cơ hội việc làm góp phần bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường thiên nhiên, tăng thu nhập cao, góp phần giảm nghèo bền vững; giải quyết việc làm cho những hộ dân sinh sống ở khu vực bằng cách phục vụ gián tiếp sản xuất các sản vật đặc sản chất lượng tại địa phương cung cấp cho các hộ làm DL phục vụ du khách rất hiệu quả. Một số sản phẩm tiêu biểu như: tôm khô, cá khô bồi, khô khoai, bánh phồng tôm, bánh tráng mực, chuối sấy, mắm,... được du khách quan tâm.

- Nhận thức về DL của người dân chưa rõ, việc thay đổi phương thức hoạt động từ nông nghiệp sang kết hợp kinh doanh chưa được người dân tiếp nhận vì còn khá mới.

- Việc xây dựng sản phẩm và phát triển DL là một quá trình dài, cần quan tâm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng dân cư, nhưng thời gian qua sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, nhất là những địa phương có tiềm năng chưa thật sự tập trung; nhận thức của người dân về lợi ích mang lại từ DL còn hạn chế, chưa chủ động tham gia hoạt động DL.

Giải pháp:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về phát triển DL: ý thức trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các hộ DLCĐ và cộng đồng dân cư tại khu, điểm DL, gắn phát triển DL với xây dựng nông thôn mới, phát huy bản sắc văn hóa, con người Việt Nam lao động sáng tạo, cần cù, thân thiện, hiếu khách.

- Xây dựng và phát triển sản phẩm DL sinh thái, DLCĐ, gắn phát triển DL nông thôn với chương trình “mỗi xã một sản phẩm”. Tập trung phát triển Khu DL Quốc gia Mũi Cà Mau trở thành điểm đến hấp dẫn của khu vực, cả nước và quốc tế.

- Nâng cao chất lượng nhân lực DL: đào tạo và bồi

		<p>sung nguồn lực phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch, có nghiệp vụ, tay nghề cao, phẩm chất tốt; tổ chức đoàn học tập trao đổi kinh nghiệm phát triển DL trong và ngoài nước.</p> <p>- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò của các thành viên Ban Chỉ đạo phát triển DL tỉnh gắn với nhiệm vụ của từng ngành, địa phương và các tầng lớp nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của DL trong phát triển kinh tế xã hội, là động lực cho các ngành khác phát triển.</p>
Đắk Lắk	<p>Quy hoạch tổng thể về phát triển DL trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 và Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 21/3/2017) đã định hướng đầu tư, phát triển DL cộng đồng tại các buôn đồng bào dân tộc thiểu số như: buôn Akõ Đông, buôn Tuôr, buôn Kmrong Prông B, buôn Tơng Jú (thành phố Buôn Ma Thuột); buôn M'Liêng, buôn Jun, buôn Triết, buôn Dong Bắk (huyện Lắk), buôn Ja, buôn Đắk Tuôr (huyện Krông Bông), buôn Tring, buôn KliA (thị xã Buôn Hồ), buôn Kon H'Ring, buôn Thái (huyện Cư M'gar), buôn Jang Lành, buôn Trí B (huyện Buôn Đôn) và buôn Kuốp (Krông Ana).</p> <p>Thực hiện Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 và Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển DL cộng đồng tại thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 – 2025, Sở VH-TT-DL đã mời chuyên gia tư vấn về DL cộng đồng trong nước khảo sát các buôn đồng bào dân tộc thiểu số nằm trong quy hoạch phát triển DL và một số khu, điểm DL trên địa bàn tỉnh để các chuyên gia đánh giá về vị trí và các lợi thế, đề xuất, tư vấn các giải pháp phát triển, thu hút du khách đối với việc định hướng đầu tư cho buôn điểm DL cộng đồng trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Thực hiện Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 và Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh, Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ PTDLCD tại thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025, Sở VH-TT-DL đã chủ trì phối hợp với các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân địa phương về DL; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhận thức về phát triển DL cộng đồng, dịch vụ homestay; xây dựng và tiếp thị sản phẩm DL địa phương cho cán bộ, công chức công tác tại Phòng Văn hóa và Thông tin; các xã, thôn, buôn và đơn vị kinh doanh DL, hộ kinh doanh, cộng</p>

<p>Đắk Lắk. Qua khảo sát, các chuyên gia DL cộng đồng đều đánh giá Đắk Lắk là địa phương có nhiều tiềm năng phát triển loại hình DL cộng đồng, nếu được hỗ trợ, đầu tư phát triển, trong tương lai Đắk Lắk sẽ trở thành “Thủ phủ Du lịch cộng đồng” của cả nước.</p> <p>Đang triển khai các thủ tục đầu tư dự án “Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới” với vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) là 10.630 triệu đồng để đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại 03 buôn: Buôn Yang Lành, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn; Buôn Tring, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ; Buôn Ja, xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông; thực hiện Chương trình OCOP về lựa chọn buôn làng đăng ký địa điểm để xây dựng làng văn hóa du lịch gắn liền với phát triển sản phẩm đặc hữu, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, truyền thống của địa phương với 17 buôn và 12 cụm, làng nghề truyền thống trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.</p> <p>Giải pháp thời gian tới: Việc xây dựng môi trường văn hóa tại các điểm DLCĐ là hết sức cần thiết bởi nó giúp ngăn chặn được quá trình ô nhiễm môi trường xã hội, là một tác động tiêu cực do du lịch mang lại. Một số tác động, làm ảnh hưởng đến môi trường, hiện trạng của các buôn đồng bào tại chỗ như: sự thương mại hoá văn hoá truyền thống dân tộc, tổ chức lễ hội bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu để kiếm tiền được nhanh; thay đổi trong kiến trúc nhà ở truyền thống... Nhận thức được điều đó, ngoài việc triển khai sâu rộng bộ quy tắc ứng xử văn minh trong hoạt động DL đến đông đảo các đối tượng khách du lịch, các đơn vị kinh doanh dịch vụ DL và cộng đồng dân cư, hiện nay đã xây dựng và tuyên truyền “Bộ quy tắc ứng xử Người Đắk Lắk văn minh - thân thiện - mến khách” gắn với Đề án phát triển DL tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.</p>	<p>đồng, dân cư đang kinh doanh dịch vụ DL trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố có tiềm năng PTDLCD;</p> <p>Thông qua các hoạt động trên, cấp ủy, chính quyền địa phương (cấp xã, phường) và người dân đã có nhận thức về định hướng PTDLCD là hướng đi mới đúng đắn và hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội. Số lượng người dân tham gia vào các hoạt động DL tăng, người nông dân không chỉ trồng rau, hoa theo hình thức sản xuất nông nghiệp mà kết hợp với hoạt động và dịch vụ DL; quan tâm nhiều hơn đến kiến thức, kỹ năng trong các hoạt động DL; Thành lập đội văn nghệ buôn; tập huấn nâng cao về các điệu múa dân gian, bài hát truyền thống và duy trì hoạt động thường xuyên biểu diễn phục vụ khách DL. Một số nghề truyền thống được khôi phục, góp phần xây dựng sản phẩm DL, giải quyết việc làm nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống dân địa phương.</p> <p>Hạn chế: thiếu đội ngũ lao động chuyên nghiệp, chất lượng cao.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Nguồn: Tham khảo Báo cáo tình hình du lịch cộng đồng của các địa phương

Phụ lục 6: Đề xuất nội dung kế hoạch triển khai hỗ trợ phát triển loại hình du lịch cộng đồng tại Việt Nam giai đoạn 2024-2025, tầm nhìn 2030

STT	Nội dung
I.	Hỗ trợ đào tạo du lịch cộng đồng
1.	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tập huấn các kỹ năng làm du lịch, phát triển du lịch cộng đồng
2.	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng quản lý điểm du lịch cho Ban quản lý, Hợp tác xã, Tổ hợp tác tại các điểm du lịch cộng đồng
3.	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn kiến thức quản lý chung về du lịch cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về du lịch cộng đồng
4.	Hỗ trợ các nghệ nhân có trực tiếp tổ chức truyền nghề cho người dân tại các điểm du lịch cộng đồng
5.	Hỗ trợ đào tạo thành lập đội ngũ quản lý chuyên trách, quản lý trực tiếp hoạt động du lịch cộng đồng (thôn/ấp/bản/xã) ngay tại địa phương
6.	Hỗ trợ đào tạo xây dựng đội ngũ chuyên gia về phát triển du lịch cộng đồng
7.	Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu về hệ thống hóa/tiêu chuẩn hóa quy định/quy chế về tài liệu đào tạo, tập huấn kỹ năng phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam
8.	Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng bộ tài liệu về cơ chế chính sách liên quan hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và xóa đói giảm nghèo bền vững
9.	Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng các tiêu chí/định mức kỹ thuật/đầu tư xây dựng sản phẩm dịch vụ và cơ chế đánh giá (chất lượng dịch vụ, tiêu chí kinh doanh, điểm đến, dịch vụ đạt chuẩn,...) trong kinh doanh du lịch cộng đồng gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới và xóa đói giảm nghèo bền vững
10	Hỗ trợ cho các Trường đào tạo cho phát triển du lịch cộng đồng
II.	Hỗ trợ hạ tầng, cơ sở dịch vụ vật chất kỹ thuật cho phát triển du lịch cộng đồng
1.	Hỗ trợ đường giao thông
	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp tuyến đường giao thông nối từ các trục Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ đến điểm du lịch cộng đồng
	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp đường giao thông trong nội bộ tại điểm du lịch cộng đồng
2.	Bãi đỗ xe (bến thuyền) du lịch
	Mỗi điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư xây dựng mới
	Mức hỗ trợ đầu tư nâng cấp
3.	Nhà đón tiếp và trưng bày
	Mỗi điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư xây dựng mới
	Đầu tư nâng cấp
4.	Nhà vệ sinh công cộng
	Mỗi điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư xây dựng mới
	Mức hỗ trợ nâng cấp
5.	Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt biển báo, bảng chỉ dẫn, thuyết minh điểm đến
	Hỗ trợ xây dựng lắp đặt mới
	Hỗ trợ nâng cấp
6.	Hỗ trợ xây dựng cơ sở lưu trú trong dân (homestay)
	Xây dựng mới

	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa
7.	Thuê tư vấn thiết kế mô hình, dựng nhà nghỉ, trang trí cảnh quan, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ và mua sắm vật dụng, thiết bị cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch
	Qui mô đầu tư từ 15 đến 30 chỗ nghỉ
	Qui mô đầu tư từ 31 chỗ nghỉ trở lên
8.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà hàng ăn uống kết hợp bán hàng đặc sản, quà tặng du lịch, quà lưu niệm
	Có diện tích xây dựng tối thiểu từ 200 m ²
	Có diện tích xây dựng tối thiểu từ 100 m ²
9.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu mua sắm, chuỗi cửa hàng kinh doanh hàng đặc sản, đồ lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ
10.	Hỗ trợ các hộ gia đình tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng
III.	Hỗ trợ bảo vệ cảnh quan, môi trường bền vững phục vụ phát triển du lịch cộng đồng
1.	Hỗ trợ mô hình thu gom và xử lý chất thải rắn tại các điểm du lịch cộng đồng
2.	Hỗ trợ mô hình thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi tại các điểm du lịch cộng đồng
3.	Hỗ trợ mô hình cơ sở hạ tầng đường giao thông, điện, thiết bị chiếu sáng đến các điểm du lịch cộng đồng
4.	Hỗ trợ mô hình tạo dựng cảnh quan, trồng cây tại các điểm du lịch cộng đồng
5.	Hỗ trợ mô hình cung cấp nước sạch, xử lý nước thải tại các điểm du lịch cộng đồng
6.	Hỗ trợ công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và xây dựng, quảng bá, gìn giữ tài nguyên du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng
IV.	Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch cộng đồng
1.	Hỗ trợ tổ chức các chương trình khảo sát, famtrip, presstrip để xây dựng tour tuyến, quảng bá các điểm du lịch cộng đồng cho các doanh nghiệp lữ hành, báo chí trong nước và quốc tế
2.	Hỗ trợ công tác khảo sát đánh giá, tư vấn thiết kế xây dựng, phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch tại điểm du lịch cộng đồng
3.	Hỗ trợ phát triển các dịch vụ cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ (chăn, ga, gô, đệm,...) phục vụ khách du lịch
4.	Hỗ trợ xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch về phục dựng văn nghệ dân gian, ẩm thực, nghề truyền thống, các sản phẩm du lịch sinh thái tại các điểm du lịch cộng đồng
5.	Hỗ trợ thiết kế, trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm du lịch sản xuất tại địa phương ở ngay tại các cơ sở lưu trú, điểm du lịch cộng đồng
6.	Hỗ trợ mua sắm bộ nhạc cụ, công cụ, trang phục truyền thống phục vụ hoạt động văn nghệ tại các điểm du lịch cộng đồng
V.	Hỗ trợ tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch cộng đồng
1.	Hỗ trợ thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng năng lực, bảo tồn và quảng bá phát triển sản phẩm du lịch cho bà con nông dân tại các điểm du lịch cộng đồng
2.	Hỗ trợ tổ chức các chuyến tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng
3.	Tổ chức Hội thảo xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học về phát triển du lịch cộng đồng
4.	Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng hàng năm chương trình tổng kết, vinh danh, khen

	thường động viên, tôn vinh về du lịch cộng đồng (điểm đến, sản phẩm dịch vụ, nguồn nhân lực,...)
5.	Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng trang cơ sở dữ liệu (Website) về du lịch cộng đồng ở Việt Nam
6.	Hỗ trợ thiết kế, in ấn phát hành các tờ rơi, tập gấp, bản đồ, sổ tay, video du lịch giới thiệu về điểm du lịch
7.	Quảng bá trên các website
	Xây dựng website về các điểm du lịch cộng đồng
	Hỗ trợ duy trì hoạt động website
8.	Hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm du lịch

Nguồn: Tham khảo Báo cáo tình hình du lịch cộng đồng tại các địa phương